

Thông tin

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN



Trường Chính trị

TỈNH TIỀN GIANG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM!

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TIỀN GIANG



TỈNH ỦY TIỀN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

HỘI THẢO KHOA HỌC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - BÀN LỀNH, THÌ TỰ, UY TÍN, ĐỔI MỚI
VÌ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, VÀ SỰ VẬN DỤNG VÀO CÔNG TÁC
CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TIỀN GIANG

Tiền Giang, ngày 25 tháng 08 năm 2025



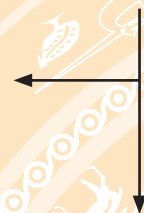
SỐ 61

05/2025

NĂM THỨ 29



**Trường Chính trị
tỉnh Tiền Giang
tổ chức thành công
02 Hội đồng tư vấn
đánh giá, nghiệm thu
cấp cơ sở cho 02 đề tài
khoa học cấp tỉnh.**



**Tổ chức Hội thảo
khoa học cấp trường,
kỷ niệm Ngày thành lập
Đảng Cộng sản Việt Nam
(03/02/1930 - 03/02/2025).**

Trường Chính trị TIỀN GIANG

■ Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. LÊ VĂN TỶ

■ Hội đồng biên tập
TS. LÊ VĂN TỶ (CHỦ TỊCH)
THS. NGUYỄN VĂN SƠN
THS. NGUYỄN VĂN THU
TS. LÊ TẤN LẬP
THS. NGUYỄN THỊ KIM LOAN
TS. PHẠM THỊ MỸ PHƯƠNG
THS. NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG
THS. TRẦN LÊ CẨM TÚ
THS. NGUYỄN THÁI NGỌC

■ Trưởng ban biên tập
THS. NGUYỄN VĂN SƠN
ĐT: 0904363660

■ Phó Trưởng ban biên tập
THS. NGUYỄN THÁI NGỌC
ĐT: 0902453997

■ Ban biên tập
Email: lyluanthuctien58@gmail.com

■ Thiết kế mỹ thuật: **M.Đ**
■ In 500 cuốn khổ 19x27cm.
Giấy phép xuất bản
số 25/GP-SVHTTDL do
Sở VH, TT và DL Tiền Giang
cấp ngày 12/5/2025.

■ In tại Cty TNHH Toàn Thịnh,
số 53B Nguyễn Thị Thập,
Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang.
ĐT: 0273.3955199.



Ảnh bìa:

Hội thảo khoa học cấp trường
“Đảng Cộng sản Việt Nam - bản lĩnh, trí tuệ,
uy tín, đổi mới vì độc lập dân tộc
và chủ nghĩa xã hội, và sự vận dụng
vào công tác của cán bộ, đảng viên
Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang”.

Mục lục

XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN

2. LÊ TẤN LẬP: Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang hướng đến đạt chuẩn mức 2 theo Quy định 11-QĐ/TW của Ban Bí thư.

7. LÊ THỊ HỒNG NHIÊN: Hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường Chính trị Phạm Hùng hướng đến xây dựng trường chính trị chuẩn mức 1.

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

11. TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG: Nâng cao chất lượng bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đối với giảng viên Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang.

16. PHẠM THỊ KIM NƯƠNG - LÊ NGUYỄN DUY: Chi bộ Trường Mầm non Sao Sáng thành phố Mỹ Tho với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

20. ĐINH HOÀI PHÚC: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân cách con người vào quá trình phát triển, hoàn thiện nhân cách cán bộ, đảng viên giai đoạn mới.

24. LÊ NGUYỄN DUY: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng.

29. LÊ TRẦN MINH SA: Vận dụng phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào hoạt động công vụ hiện nay.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

33. NGUYỄN THỊ HIỀN: Xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị theo Quy định 144 -QĐ/TW.

37. NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG: Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang tăng cường công tác phối hợp thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học.

41. LÊ THỊ MỸ DUYÊN - NGUYỄN DƯƠNG THANH THỦY: Nâng cao hiệu quả giảng dạy phần học “Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam” (chương trình Trung cấp lý luận chính trị).

43. NGUYỄN THỊ THỦY HẰNG: Đổi mới phương pháp giảng dạy bài “Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” theo hướng tích cực.

48. NGUYỄN VĂN TUỔI: Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang đổi mới công tác đánh giá kết quả học tập của học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị.

51. PHẠM THỊ DIỄM HẰA - NGUYỄN QUỐC BÌNH: Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW.

LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

54. LÂM ÁI CHINH: Nguyễn Thị Thập - Người phụ nữ trọn đời vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

59. PHẠM THỊ MỸ PHƯƠNG: Phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển tỉnh Tiền Giang.

65. HỒ THỊ THU NGÂN: Giải pháp phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng bền vững trong bối cảnh mới.

70. NGUYỄN VĂN TUỔI: Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị cấp xã ở tỉnh Tiền Giang đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

75. NGUYỄN DƯƠNG THANH THỦY - LÊ THỊ MỸ DUYÊN: Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn huyện Chợ Gạo.

79. ĐỖ THỊ HỒNG THU: Cán bộ, đảng viên huyện Gò Công Tây phát huy ý chí tự lực, tự cường dân tộc, xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc gắn với trách nhiệm nêu gương.

82. PHAN VÕ KHÁNH DUY: Huyện Tân Phú Đông phát triển mô hình trồng cây sả theo hướng bền vững.

TIN TỨC - SỰ KIỆN

86. TRỊNH TẤN QUÂN: Các cấp ủy đảng Tiền Giang lãnh đạo thực hiện tốt chỉ thị số 35-CT/TW về đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

91. PHAN NGUYỄN CHÁNH TRUNG: Khai thác giá trị Nhà truyền thống huyện Gò Công Đông.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TIỀN GIANG HƯỚNG ĐẾN ĐẠT CHUẨN MỨC 2 THEO QUY ĐỊNH 11-QĐ/TW CỦA BAN BÍ THƯ

LÊ TẤN LẬP*

Tóm tắt: Giảng viên đóng vai trò quan trọng, góp phần quyết định chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học tại Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang. Hiện nay, đội ngũ giảng viên của Trường chưa đạt đầy đủ yêu cầu về tiêu chí chuẩn mức 2 theo Quy định số 11-QĐ/TW. Do đó, xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn theo tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2 đến năm 2030 là nhiệm vụ quan trọng của Đảng ủy, Ban Giám hiệu. Bài viết trao đổi làm rõ thực trạng đội ngũ giảng viên và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang đạt chuẩn tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2 theo Quy định số 11-QĐ/TW trong thời gian tới.

Từ khóa: trường chính trị, chất lượng giảng viên, chuẩn mức 2...

1. Đặt vấn đề

Trường chính trị tỉnh là cơ sở đào tạo duy nhất của Tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ sở. Đối tượng người học giỏi về chuyên môn, dày dặn kinh nghiệm, có kỹ năng lãnh đạo, quản lý tốt. Do vậy, giảng viên phải giỏi toàn diện mới đáp ứng yêu cầu, mục tiêu học tập của học viên, từ đó, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của trường. Tuy nhiên, việc xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn mức 2 không phải một sớm một chiều mà cần có thời gian, lộ trình, giải pháp đúng đắn, phù hợp. Chính vì thế, việc đánh giá thực trạng,

đề xuất giải pháp phù hợp sẽ giúp Trường sớm hoàn thiện các tiêu chí về giảng viên, hướng tới xây dựng trường chính trị đạt chuẩn mức 2 đến năm 2030.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng về đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang hiện nay so với yêu cầu chuẩn mức 2 theo Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư

Tại khoản 4, Điều 13, Quy định số 11-QĐ/TW, Ban Bí thư đã đặt ra yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên trường chính trị chuẩn mức 2 như sau: Đối với đội ngũ giảng viên (cơ hữu và kiêm nhiệm) có tỉ lệ ít nhất 80% tổng số đội ngũ cán bộ, viên chức; 100% giảng viên có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên môn giảng dạy, trong đó, mỗi khoa có ít nhất 01 tiến sĩ

(*) Nguyên Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang.

(không kể lãnh đạo khoa); giảng viên chính chiếm từ 80% trở lên trong tổng số giảng viên của trường, trong đó có ít nhất 01 giảng viên cao cấp¹. Đối với giảng viên giữ vị trí trưởng khoa, phó trưởng khoa phải có 50% là tiến sĩ, 100% giữ ngạch giảng viên chính hoặc tương đương. Trưởng khoa phải giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương; đề xuất thành công ít nhất một đề tài cấp tỉnh. Căn cứ vào quy định trên, đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang hiện nay, cho thấy:

Về cơ cấu, số lượng giảng viên có chuyên môn đáp ứng yêu cầu các phần học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Tuy nhiên, cơ cấu về giới, độ tuổi giảng viên chưa

cân đối ở các khoa. Đa phần, giảng viên ở ba khoa là nữ (khoa Lý luận cơ sở có 01/06 giảng viên nam nhưng đã đến tuổi nghỉ hưu năm 2026, khoa Xây dựng Đảng có 04/06 giảng viên nam, khoa Nhà nước và pháp luật không có giảng viên nam). Về yêu cầu cơ cấu giảng viên trưởng khoa, phó trưởng khoa theo Quy định số 11-QĐ/TW phải đảm bảo 50% là tiến sĩ, trường đã đạt yêu cầu. Trường có hai trưởng khoa là tiến sĩ (Trưởng khoa Lý luận cơ sở, Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật). Tuy nhiên, trường chưa có trưởng khoa giữ ngạch giảng viên cao cấp.

Về số lượng, Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang có 31 giảng viên trong tổng số 41 biên chế, được phân bổ cụ thể như sau:

Bảng 1. Thống kê về đội ngũ giảng viên của Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang hiện nay

Tiêu chí Khoa	Chức danh			Trình độ chuyên môn				Trình độ lý luận chính trị		
	Giảng viên cao cấp	Giảng viên chính	Giảng viên	Tiến sĩ	Nghiên cứu sinh	Thạc sĩ	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp
Khoa Lý luận cơ sở	1	2	3	2	0	3	1	5	1	0
Khoa Xây dựng Đảng	0	3	3	0	2	3	1	5	1	0
Khoa Nhà nước và pháp luật	0	4	2	1	0	4	1	5	1	0
Giảng viên kiêm nhiệm	1	7	5	1	1	11	0	13	0	0
Tổng cộng	2	16	13	4	3	19	3	28	3	0

Khoa Lý luận cơ sở có 06 giảng viên, trong đó, có 02 tiến sĩ, 03 thạc sĩ, 01 giảng viên đã học xong cao học đang chờ ngày bảo vệ. Trưởng khoa là tiến sĩ, giữ ngạch giảng viên chính. Khoa còn có 01 giảng viên đạt trình độ tiến sĩ, giảng viên cao cấp; 01 giảng viên chính; 03 giảng viên (trong đó có 02 giảng viên đã đủ chuẩn giảng viên chính). Như vậy, Khoa lý luận cơ sở đã đạt các quy định số lượng giảng viên chuẩn mức 2 theo

Quy định số 11-QĐ/TW.

Khoa Xây dựng Đảng có 06 giảng viên, trong đó, có 02 thạc sĩ, 02 nghiên cứu sinh, 01 cử nhân. Trưởng khoa là thạc sĩ, giữ ngạch giảng viên chính. Khoa có 02 giảng viên đạt chuẩn giảng viên chính, 03 giảng viên (trong đó, có 02 giảng viên đã đủ chuẩn xét thăng hạng lên giảng viên chính, 01 giảng viên mới tuyển dụng vào Trường được 02 năm đang được bồi dưỡng các tiêu chí giảng viên theo quy định). Về số lượng theo quy định chuẩn mức 2, giảng viên khoa Xây

(1) Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn tr.6.

dựng Đảng đảm bảo yêu cầu, tuy nhiên còn 01 giảng viên mới được tuyển dụng 02 năm cần thời gian tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo yêu cầu giảng viên.

Khoa Nhà nước và pháp luật có 06 giảng viên, trong đó, có 01 tiến sĩ, 04 thạc sĩ, 01 cử nhân. Trưởng khoa là tiến sĩ, giữ ngạch giảng viên chính. Khoa có 02 giảng viên đạt chuẩn giảng viên chính, 03 giảng viên (trong đó, có 01 giảng viên mới tuyển dụng vào trường được 02 năm, đang được bồi dưỡng các tiêu chí giảng viên theo quy định). Như vậy, về số lượng theo quy định chuẩn mức 2, giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật đảm bảo yêu cầu, tuy nhiên còn 01 giảng viên mới được tuyển dụng 02 năm cần thời gian tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo yêu cầu giảng viên.

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, trường có đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm gồm 13 người, trong đó, có 03 giảng viên là các thành viên Ban Giám hiệu, và 10 giảng viên ở hai phòng (phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học có 07 giảng viên, phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu có 03 giảng viên). Đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm có 01 giảng viên đạt chuẩn tiến sĩ, giảng viên cao cấp là Hiệu trưởng nhà trường; 07 giảng viên đạt chuẩn giảng viên chính, có 05 giảng viên.

Nhìn tổng thể hiện nay, trường đang tiệm cận yêu cầu về giảng viên đạt chuẩn mức 2. Đội ngũ giảng viên trường có 31 người, trong đó có 2 giảng viên cao cấp, 16 giảng viên chính, 13 giảng viên, 04 tiến sĩ, 03 nghiên cứu sinh, 19 thạc sĩ, 03 cử nhân (trong đó có 01 giảng viên đang chờ bảo vệ luận văn thạc sĩ), 28 giảng viên đạt chuẩn cao cấp lý luận chính trị, 01 giảng viên đạt chuẩn trung cấp lý luận chính trị, 02 giảng viên đang học trung cấp lý luận chính trị. Trường có 02 trưởng khoa có trình độ tiến sĩ. Tuy nhiên, trường chưa đủ số lượng 80% giảng viên trên tổng biên chế, chưa có trưởng khoa giữ ngạch giảng viên cao cấp, chưa có trưởng khoa đề xuất thành công ít nhất một đề tài cấp tỉnh.

Về chất lượng:

Về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống: đội ngũ giảng viên luôn kiên

định lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng; chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và quy định, nội quy của trường.

Về trình độ lý luận chính trị, các giảng viên đã đạt chuẩn về trình độ Trung cấp lý luận chính trị, Cao cấp lý luận chính trị. Tuy nhiên, hiện nay Trường có 02 viên chức đang học Trung cấp lý luận chính trị do mới được tuyển dụng vào trường 02 năm và đang bồi dưỡng các tiêu chí giảng viên.

Về trình độ quản lý nhà nước, toàn trường có 100% giảng viên trường đạt chuẩn về trình độ quản lý nhà nước.

Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, từ kết quả bảng 1 cho thấy, giảng viên trường cơ bản đã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Về trình độ ngoại ngữ, tin học, giảng viên cơ bản đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học cơ bản, tin học nâng cao, đảm bảo 100% giảng viên đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ, tin học.

Về các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, Ban Giám hiệu cử giảng viên tham dự đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài tỉnh.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, thao giảng, dự giờ, 100% giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, thực hiện thao giảng, dự giờ đúng quy chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Cụ thể, thực hiện kế hoạch hoạt động năm học, kế hoạch nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, thao giảng, dự giờ của trường, các khoa và giảng viên xây dựng kế hoạch thực hiện cho khoa, cá nhân và tổ chức thực hiện các kế hoạch theo quy định. Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, thao giảng, dự giờ, năng lực, chất lượng giảng dạy của giảng viên được nâng lên rõ rệt, thúc đẩy phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trường.

Chất lượng đội ngũ giảng viên hiện nay dù cơ bản đảm bảo về cơ cấu, số lượng và

chất lượng nhưng đối chiếu với Điều 3, Điều 4, Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn, giảng viên của trường vẫn còn thiếu một số yêu cầu đối với chuẩn mức 2. Vì thế, trong thời gian tới, Ban Giám hiệu và đội ngũ giảng viên cần quyết liệt hơn trong hoàn thiện các tiêu chí chuẩn đội ngũ giảng viên mức 2 theo quy định.

2.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn mức 2 trong thời gian tới

Một là, Đảng ủy và Ban Giám hiệu cần chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn về trình độ lý luận chính trị và chuyên môn theo Quy định 11-QĐ/TW của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn mức 2. Cụ thể:

Hiện nay, trường có 31/41 người là giảng viên (đạt tỷ lệ 75,6%), chưa đáp ứng yêu cầu 80% tổng số viên chức là giảng viên nên trong thời gian tới, Ban Giám hiệu quan tâm đào tạo, bồi dưỡng các chức danh giảng viên; tạo điều kiện cho chuyên viên khối phòng đủ phẩm chất, năng lực phát triển thành giảng viên.

Về tiêu chí giảng viên là trưởng khoa, phó trưởng khoa phải giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương. Đây là tiêu chí khó thực hiện vì còn tùy thuộc vào điều kiện của mỗi giảng viên. Ban Giám hiệu tạo điều kiện thuận lợi cho các trưởng khoa, phó trưởng khoa tham gia học tập đạt chuẩn về trình độ, giảng viên tăng cường nghiên cứu khoa học để tích lũy đủ điều kiện thăng hạng theo quy định. Tăng cường công tác phối hợp đăng ký thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh trong giai đoạn 2025-2030.

Về tiêu chí 100% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên môn giảng dạy, trường cơ bản có 29/31 người, đạt tỷ lệ 93,5%. Còn 02 giảng viên mới tuyển dụng vào được 02 năm, trưởng khoa tham mưu cho Ban Giám hiệu cử giảng viên học cao học trong giai đoạn 2026-2028 để đạt chuẩn theo quy định năm 2029.

Về tiêu chí mỗi khoa có 01 tiến sĩ, không tính trưởng khoa, trường có 02 khoa đạt yêu cầu (Khoa lý luận cơ sở, khoa Xây dựng

Đảng). Tuy nhiên, năm 2026, khoa Lý luận cơ sở có 01 giảng viên cao cấp, tiến sĩ về hưu nên sẽ thiếu chuẩn. Khoa Nhà nước và pháp luật ngoài trưởng khoa thì chưa có giảng viên có trình độ tiến sĩ nên chưa đạt yêu cầu. Vì thế, Ban Giám hiệu cử trưởng khoa, phó trưởng khoa, giảng viên đi học nghiên cứu sinh trong giai đoạn 2026-2029 để đạt chuẩn.

Hai là, Ban Giám hiệu phối hợp với các cơ quan hữu quan tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên về cơ chế, chính sách nghiên cứu khoa học.

Ban Giám hiệu lãnh đạo thực hiện Đề án trường chính trị chuẩn mức 2, phối hợp với các cơ quan chuyên môn để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, kinh phí liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, chế độ cho viên chức, giảng viên,... để đạt chuẩn mức 2 theo quy định.

Ba là, trưởng khoa, phó trưởng khoa, giảng viên chủ động tự nghiên cứu các quy định chuẩn gắn với chức danh, vị trí việc làm để tự rèn luyện, tự đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng những tiêu chí chuẩn mức 2. Đặc biệt, trưởng khoa, phó trưởng khoa phải xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn tiến sĩ, giảng viên cao cấp; đào tạo, bồi dưỡng cho giảng viên của khoa có ít nhất 01 tiến sĩ, đạt chuẩn giảng viên chính 80%.

Bốn là, giảng viên không ngừng rèn luyện, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong tự đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, đảm bảo các điều kiện của giảng viên trường chuẩn mức 2. Tập trung đẩy mạnh chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn ở địa phương và đưa kết quả nghiên cứu vào nội dung bài giảng đảm bảo hoạt động giảng dạy gắn lý luận với thực tiễn để xứng đáng với vai trò của một giảng viên trường chuẩn. Đối với đội ngũ giảng viên, báo cáo viên ngoài trường, Ban Giám hiệu, các trưởng khoa và Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học theo dõi việc thực hiện quy chế, nội quy, nền nếp và quản lý hoạt động giảng dạy góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

3. Kết luận

Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang dưới sự lãnh đạo sâu sát của Tỉnh ủy, sự hỗ trợ của các cơ quan chuyên môn, cùng với nỗ lực rất lớn của toàn thể lãnh đạo, viên chức, trong giai đoạn 2025-2030, trường tiếp tục nâng cao chất lượng tiêu chí chuẩn mức 1 và hoàn thiện

tiêu chí chuẩn mức 2. Ban Giám hiệu, lãnh đạo khoa, phòng, viên chức, giảng viên trường quyết tâm hoàn thiện các tiêu chí, đặc biệt là tiêu chí về đội ngũ viên chức, giảng viên cả về cơ cấu, số lượng, chất lượng để đảm bảo tiến độ xây dựng Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang đạt chuẩn mức 2 theo quy định. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo tổng kết các năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024.
2. Đề án trường chính trị chuẩn.
3. Đề án cử giảng viên đi nghiên cứu thực tế ở cơ sở.
4. Quy định số 09-QĐ/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
5. Quy định 11-QĐ/TW ngày 19-5-2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn.
6. Quyết định số 1047-QĐ/TU ngày 08/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tiền Giang quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang.

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ PHẠM HÙNG HƯỚNG ĐẾN XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN MỨC 1

LÊ THỊ HỒNG NHIÊN*

Tóm tắt: Nghiên cứu khoa học không chỉ là một nhiệm vụ, hoạt động thường xuyên mà còn là một tiêu chí quan trọng, tiêu chí “cứng” để đánh giá mức độ đạt chuẩn của các trường chính trị nói chung, Trường Chính trị Phạm Hùng nói riêng. Song, để thực hiện tốt tiêu chí này, bên cạnh việc phát huy vai trò, trách nhiệm của toàn thể đội ngũ giảng viên, viên chức trong nhà trường cũng cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Bài viết này tập trung bàn về một số kết quả đạt được, những kinh nghiệm trong thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả tiêu chí nghiên cứu khoa học hướng đến xây dựng Trường Chính trị Phạm Hùng đạt chuẩn mức 1 vào năm 2025.

Từ khóa: Trường Chính trị, trường chính trị chuẩn, nghiên cứu khoa học...

1. Đặt vấn đề

Nhằm chuẩn hóa, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và hoạt động khác của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngày 19 tháng 5 năm 2021 Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Quy định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn. Theo đó, trường chính trị chuẩn gồm có 02 mức: mức 1 và mức 2. Tại Điều 9 quy định về tiêu chí trường đạt chuẩn mức 1 có ghi rõ về hoạt động nghiên cứu khoa học như sau: “Mỗi năm thực hiện được ít nhất 3 đề tài khoa học cấp trường, 5 năm thực hiện được ít nhất 3 đề tài khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên. Mỗi năm tổ chức được ít nhất 3 cuộc hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp trường, 5 năm tổ chức được ít nhất 3 cuộc hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp tỉnh hoặc

tương đương trở lên. Xuất bản được tạp chí hoặc bản tin Thông tin lý luận và thực tiễn ít nhất 3 kỳ/năm...”. Như vậy, hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong 06 tiêu chí cần quan tâm thực hiện để hướng tới xây dựng trường chính trị đạt chuẩn, gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của trường cũng như đảm bảo hướng đến mục tiêu xây dựng Trường Chính trị Phạm Hùng đạt tiêu chí trường chuẩn mức 1 vào năm 2025.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số kết quả đạt được

Đối với Trường Chính trị Phạm Hùng, trên cơ sở nhận thức sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã quan tâm và tạo cơ chế, môi trường thuận lợi để cán bộ, giảng viên thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nhằm đảm bảo trường đạt chuẩn mức 1 vào năm 2025. Nhìn chung, thời gian qua, Ban Giám hiệu trường đã có những cách

(*) Thạc sĩ, Trường Chính trị Phạm Hùng, tỉnh Vĩnh Long.

làm, kinh nghiệm hay trong công tác chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tại địa phương nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của trường và đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

Về phát hành bản tin Thông tin Lý luận và thực tiễn: Có thể nói, trong hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung, việc phát hành bản Thông tin lý luận và thực tiễn là một trong những nội dung được nhà trường thực hiện khá tốt và chất lượng ngày càng được nâng lên. Từ năm 2022 - 2024, Trường đã phát hành được 09 bản Thông tin lý luận và thực tiễn. Trung bình mỗi năm, trường phát hành 03 bản tin.

Về tổ chức hội thảo khoa học và tọa đàm khoa học: Cùng với việc quan tâm thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, Trường Chính trị Phạm Hùng Vĩnh Long cũng đã rất quan tâm đến việc tổ chức hội thảo khoa học hàng năm từ hội thảo cấp trường đến hội thảo cấp tỉnh. Chẳng hạn, đối với hội thảo khoa học cấp trường, từ năm 2022 - 2024, trường đã tổ chức được 9 cuộc hội thảo; trong đó năm 2022 có 01 cuộc, năm 2023 có 03 cuộc; riêng năm 2024, trường tổ chức 05 cuộc hội thảo. Đối với hội thảo khoa học cấp tỉnh, cũng trong giai đoạn này, trường cũng đã tổ chức thành công 02 cuộc hội thảo. Ngoài ra, trường còn phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, các trường chính trị trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức 01 cuộc tọa đàm khoa học. Các chủ đề hội thảo đều khá thiết thực hướng vào việc giải quyết những vấn đề đã và đang đặt ra xuất phát từ thực tiễn có liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chung của nhà trường như: hội thảo về Văn hóa Trường Đảng, hội thảo về các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo trung cấp lý luận chính trị và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn....

Về thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học:

Đối với thực hiện đề tài khoa học cấp cơ sở: Từ năm 2022 - 2024, nhà trường đã đăng ký, triển khai thực hiện được 06 đề tài khoa học cấp cơ sở. Nhìn chung, các đề tài khoa học được tổ chức thực hiện trong thời gian vừa qua tại trường đều có sự quan tâm, đầu

tư từ phía chủ nhiệm đề tài và các thành viên tham gia, đề tài luôn đảm bảo theo đúng tiến độ, kế hoạch đề ra.

Đối với thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh: Có thể nói, việc đăng ký, triển khai thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh vốn được xem là một trong những khâu còn nhiều khó khăn và hạn chế đối với nhà trường. Trong giai đoạn 10 năm từ 2014 - 2024, trường chưa thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh. Tuy nhiên, nhằm đáp ứng tiêu chí về nghiên cứu khoa học, nhất là thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh theo Quy định số 11, năm 2024, Trường Chính trị Phạm Hùng đã đăng ký đề xuất thành công 02 đề tài cấp tỉnh và các đề tài này đang trong giai đoạn triển khai thực hiện để đảm bảo kịp tiến độ.

2.2. Hạn chế và nguyên nhân

Hoạt động nghiên cứu khoa học ở Trường Chính trị Phạm Hùng Vĩnh Long thời gian qua đã không ngừng được quan tâm, chú trọng thực hiện và đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế nhất định như:

Một là, số lượng đề tài khoa học được thực hiện hàng năm tại trường còn khá ít; trong giai đoạn 10 năm chưa thực hiện được đề tài khoa học cấp tỉnh.

Hai là, chất lượng một số bài viết, công trình nghiên cứu khoa học của một số giảng viên còn chưa cao.

Ba là, việc tổ chức các cuộc hội thảo khoa học chưa được thực hiện thường xuyên, nhất là hội thảo cấp tỉnh.

Những hạn chế trên đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường, nhất là trong việc hướng đến xây dựng trường chính trị chuẩn. Có thể thấy những hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, như: Nhận thức của một số giảng viên về vai trò, tầm quan trọng của việc thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học còn chưa được cao, chưa đầy đủ; khâu xét duyệt đề tài khoa học còn nhiều khó khăn, việc lựa chọn vấn đề nghiên cứu cho đề tài khoa học còn gây nhiều lúng túng cho không ít giảng viên, nhất là giảng viên trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm; đội ngũ giảng viên trẻ chiếm số lượng khá đông, chưa có nhiều kinh nghiệm trong hoạt

động nghiên cứu khoa học và chủ yếu đang tập trung tham gia đào tạo về chuyên môn; năng lực của nhiều giảng viên còn hạn chế.

2.3. Một số giải pháp

Xuất phát từ thực tế như đã nêu trên, trong thời gian tới để hướng hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường đạt hiệu quả cao đáp ứng được yêu cầu xây dựng trường đạt chuẩn mức 1 vào năm 2025, cần chú ý tập trung vào một số nội dung như sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức của đội ngũ giảng viên về vai trò, ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chung của nhà trường, của bản thân giảng viên đặc biệt là đối với việc xây dựng trường đạt chuẩn mức 1. Thực tiễn cho thấy, nhận thức đóng vai trò rất quan trọng. Nhận thức đúng sẽ có hành động đúng. Để nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như làm cho giảng viên có sự chủ động, tích cực trong tham gia nghiên cứu cần tiếp tục nâng cao nhận thức đến toàn thể viên chức, giảng viên. Phải làm cho giảng viên thấy được đây không chỉ là nghĩa vụ, trách nhiệm mà còn là quyền lợi của giảng viên. Năng lực của người giảng viên ngoài việc đánh giá qua hoạt động giảng dạy còn được khẳng định qua hoạt động nghiên cứu khoa học. Thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ giúp cho giảng viên từng bước nâng cao khả năng nghiên cứu và nâng cao năng lực trong quá trình giảng dạy; đặc biệt góp phần đưa nhà trường đạt được mục tiêu xây dựng trường chuẩn vào năm 2025.

Thứ hai, gắn hoạt động nghiên cứu khoa học với thi đua, khen thưởng và đánh giá cuối năm cũng như có cơ chế động viên, khuyến khích đối với hoạt động nghiên cứu khoa học. Do nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng phải thực hiện đối với từng giảng viên, cho nên phải gắn vấn đề này với công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng cuối năm. Giảng viên được xem là hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình và được xét thi đua khen thưởng khi đồng thời vừa thực hiện tốt công tác giảng dạy và vừa thực hiện tốt hoạt động nghiên cứu khoa học. Có

như vậy sẽ giúp cho giảng viên ý thức về nghĩa vụ và trách nhiệm của mình và từng bước thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình trong nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, qua hoạt động thực tiễn, dựa vào kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học nhà trường cần thường xuyên thực hiện công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên. Từ đó, có cơ chế biểu dương, khen thưởng một cách kịp thời cho những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích, có nhiều đóng góp trong hoạt động này nhằm tạo động lực để đội ngũ giảng viên tiếp tục đầu tư nhiều hơn trong nghiên cứu khoa học.

Thứ ba, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu khoa học của trường hàng năm. Ban Giám hiệu cần thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học của giảng viên để chấn chỉnh kịp thời. Đặc biệt, phải nhắc nhở đối với viên chức thường xuyên trễ tiến độ trong nghiên cứu khoa học, trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Thông qua kiểm tra làm cho giảng viên thấy rõ trách nhiệm của mình trong nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, cần thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm sau những lần tổ chức hội thảo hoặc nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học của tập thể và cá nhân. Qua đó, chỉ cho họ thấy được những ưu điểm, hạn chế trong nghiên cứu khoa học và kịp thời khắc phục nhằm góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng nghiên cứu khoa học trong thời gian tới.

Thứ tư, Hội đồng khoa học nhà trường cần tiếp tục phát huy vai trò của mình trong việc định hướng, lựa chọn vấn đề nghiên cứu khoa học cho giảng viên. Bởi vì trên thực tế, để có thể chọn được một đề tài khoa học hội đủ các yêu cầu: gắn với chương trình giảng dạy vừa có thể triển khai áp dụng vào thực tế là vấn đề hết sức khó khăn. Do đó, vai trò tham gia tư vấn, định hướng cho việc lựa chọn vấn đề nghiên cứu của Hội đồng khoa học nhà trường là rất cần thiết. Thời gian qua, nhìn chung Hội đồng khoa học đã làm tốt vai trò của mình trong

việc góp ý, điều chỉnh bản thuyết minh của các đề tài khoa học; thiết nghĩ trong thời gian tới, Hội đồng khoa học của trường cần tiếp tục phát huy vai trò của mình hơn nữa trong định hướng lựa chọn vấn đề nghiên cứu khoa học hàng năm nhằm để góp phần đẩy mạnh hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường.

3. Kết luận

Trong thời gian qua, nhìn chung hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường Chính trị Phạm Hùng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn tồn tại nhiều hạn chế nhất định. Để khắc phục những hạn chế này và nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, đáp ứng các tiêu chí của trường chính

trị chuẩn mức 1, trường cần quan tâm và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Trọng tâm là tập trung vào việc nâng cao nhận thức, tạo động lực thông qua cơ chế khen thưởng và đánh giá, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, cũng như phát huy vai trò định hướng của Hội đồng khoa học nhà trường... Việc triển khai đồng bộ và hiệu quả các giải pháp này sẽ góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường Chính trị Phạm Hùng phát triển cả về số lượng và chất lượng, tạo tiền đề vững chắc để trường đạt được mục tiêu trở thành trường chính trị chuẩn mức 1 vào năm 2025, đóng góp tích cực vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh Vĩnh Long. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn.
2. Báo cáo thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học Trường Chính trị Phạm Hùng giai đoạn 2014-2024.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÀI THI VIẾT CHÍNH LUẬN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TIỀN GIANG

TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG*

Tóm tắt: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên đối với giảng viên trường chính trị tỉnh - lực lượng nòng cốt, trực tiếp bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nâng cao chất lượng bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đối với giảng viên Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Bài viết nghiên cứu vai trò, thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đối với giảng viên Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang.

Từ khóa: Bài thi viết chính luận, nền tảng tư tưởng của Đảng, giảng viên trường chính trị...

1. Đặt vấn đề

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động, từng bước lãnh đạo đất nước phát triển sang kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Hiện nay, các thế lực phản động, thù địch luôn tìm mọi cách để chống phá, xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới luôn là một nhiệm vụ quan trọng của cán bộ, đảng viên, trong đó đội ngũ giảng viên trường chính trị giữ vai trò nòng cốt, trực tiếp. Để phát huy vai trò đó, nâng cao chất lượng bài thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đối với giảng viên

(*) Thạc sĩ, Khoa Lý luận cơ sở.

Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang cần được đầu tư thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, bảo vệ ổn định chính trị, kinh tế, xã hội và phát triển bền vững của đất nước. Qua đó, xây dựng đội ngũ giảng viên có đủ năng lực lý luận chính trị, tư duy phản biện, thể hiện bản lĩnh chính trị và sự sắc bén trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò của bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Thứ nhất, bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một hình thức giáo dục chính trị sâu rộng, có ý nghĩa to lớn trong việc nâng cao nhận thức cho đội

ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về ý nghĩa, giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thông qua các bài viết, người tham gia không chỉ được ôn luyện, nghiên cứu mà còn có cơ hội đào sâu tư duy, củng cố kiến thức lý luận chính trị. Điều này giúp mỗi cá nhân hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của nền tảng tư tưởng đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Những bài viết chất lượng, sâu sắc còn trở thành nguồn tài liệu quý báu, lan tỏa giá trị giáo dục lý luận chính trị tới cộng đồng.

Thứ hai, bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một công cụ hiệu quả để đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ sự ổn định chính trị và tư tưởng trong xã hội. Trong thời đại công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, các thế lực thù địch ngày càng gia tăng các hoạt động chống phá, sử dụng mạng xã hội và các phương tiện truyền thông để tuyên truyền những quan điểm sai lệch, xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng. Các bài thi viết có sự đầu tư nghiên cứu kỹ lưỡng và lập luận chặt chẽ, chính là vũ khí sắc bén trên mặt trận tư tưởng, góp phần ngăn chặn và đẩy lùi sự xâm nhập của những tư tưởng độc hại vào đời sống xã hội.

Thứ ba, bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đóng vai trò quan trọng trong phát hiện, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên có năng lực lý luận chính trị. Trong quá trình tham gia các cuộc thi, người viết không chỉ trau dồi kiến thức mà còn rèn luyện khả năng phân tích, tổng hợp, tư duy logic và lập luận sắc bén. Đây là những kỹ năng cần thiết đối với một giảng viên lý luận chính trị, người trực tiếp tham gia vào công tác tư tưởng của Đảng. Những bài viết xuất sắc phản ánh sự thấu hiểu sâu sắc về lý luận và thực tiễn cách mạng, từ đó phát hiện và bồi dưỡng những nhân tố mới, góp phần xây dựng đội ngũ giảng viên vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Thứ tư, bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là cầu nối giữa lý luận và thực tiễn, giúp giảng viên

vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương, đất nước. Thông qua các bài thi viết, giảng viên biết cách vận dụng các nguyên lý lý luận vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn trong xã hội. Những bài viết có giá trị lý luận và thực tiễn cao là nguồn tư liệu tham khảo quan trọng, góp phần định hướng các chính sách và hoạt động của Đảng trong giai đoạn mới.

Thứ năm, bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm và ý thức bảo vệ Tổ quốc cho thế hệ trẻ. Trong quá trình tham gia cuộc thi, giảng viên trẻ không chỉ được trang bị kiến thức lý luận chính trị mà còn được khơi dậy lòng tự hào dân tộc, ý chí phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Những bài viết xuất sắc không chỉ là minh chứng cho sự kế thừa tư tưởng cách mạng mà còn khẳng định vai trò của thế hệ trẻ trong việc bảo vệ và phát huy giá trị nền tảng tư tưởng của Đảng.

2.2. Thực trạng chất lượng bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng của giảng viên Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang trong thời gian qua

Kết quả đạt được:

Trong những năm qua, hưởng ứng Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phát động, Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang đã tổ chức triển khai nghiêm túc, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu, học tập của giảng viên, viên chức và học viên; đồng thời là kết quả để phát hiện, bồi dưỡng những đối tượng ưu tú trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Kết quả từ năm 2021 đến nay có hơn 60 bài dự thi của giảng viên, trong đó 05 bài đạt giải tiêu biểu cấp trường và một số bài được lựa chọn gửi về Ban Chỉ đạo 35 của Tỉnh ủy để gửi về Ban Tổ chức Cuộc thi theo quy định. Nhìn chung, kết quả đạt được trong thời gian qua đã góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy lý luận

chính trị, tạo động lực cho giảng viên tích cực nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới, thúc đẩy phong trào viết bài chính luận, nghiên cứu khoa học ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Về nội dung, một số bài thi viết đã thể hiện được chiều sâu về tư duy lý luận, khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào quá trình phân tích, phản biện các vấn đề thực tiễn, làm rõ các quan điểm sai trái, chỉ ra các phương thức chống phá tinh vi của các thế lực thù địch, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể cho công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, góp phần nâng cao nhận thức, cảnh giác cho cán bộ, đảng viên. Nhiều bài dự thi đã lựa chọn những vấn đề mang tính thời sự của xã hội, phản ánh kịp thời các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, như: đấu tranh phòng, chống tham nhũng; bảo vệ chủ quyền quốc gia; đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị; xây dựng Đảng về đạo đức; phòng, chống các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ;... Đặc biệt, một số giảng viên đã thể hiện sự sáng tạo, đưa ra các quan điểm phản biện khoa học, lập luận chặt chẽ, có tính thuyết phục cao, điều này cho thấy ý thức, trách nhiệm chính trị của đội ngũ giảng viên.

Về phương pháp luận, nhiều bài dự thi đã vận dụng tốt các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội, kết hợp linh hoạt giữa lý luận và thực tiễn, trích dẫn văn kiện của Đảng, tư liệu lịch sử với các số liệu, dẫn chứng thực tiễn tại địa phương, cơ sở. Một số bài dự thi còn sử dụng thành thạo phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp để làm nổi bật được vấn đề nghiên cứu, củng cố lập luận và tăng sức thuyết phục cho bài viết.

Về hình thức trình bày, đa số bài dự thi được chuẩn bị công phu, bố cục rõ ràng, tuân thủ quy định về thể thức bài viết chính luận. Nhiều bài còn được đầu tư kỹ lưỡng về hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ minh họa, giúp tăng tính trực quan, sinh động cho bài dự thi.

Hạn chế và nguyên nhân:

Một là, nhiều bài viết còn mang nặng tính lý thuyết, thiếu gắn kết với thực tiễn,

sao chép trong sách, văn kiện, công trình nghiên cứu các tác giả, chưa có sự phân tích, đánh giá, liên hệ với tình hình thực tiễn, dẫn đến nội dung trùng lặp, chưa có phát hiện mới, thiếu sức sống, thiếu tính thuyết phục, khó tạo dấu ấn và lan tỏa trong thực tiễn giáo dục lý luận chính trị.

Hai là, kỹ năng lập luận, phản biện của giảng viên còn hạn chế, một số bài viết chưa làm rõ được các luận điểm trọng tâm, sử dụng dẫn chứng phù hợp để bảo vệ quan điểm, hoặc phản bác các quan điểm sai trái, thù địch một cách sắc bén.

Ba là, bài viết liên hệ thực tiễn địa phương, cơ sở còn hạn chế, đề cập chung chung, thiếu tính cập nhật, thiếu các số liệu, dẫn chứng sinh động, một số bài viết còn thiếu thông tin cập nhật về các vụ việc, chưa đề xuất được giải pháp mới, hoặc các kiến nghị còn mang tính hình thức.

Bốn là, hình thức trình bày của một số bài dự thi chưa đạt yêu cầu, nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp, bố cục chưa rõ ràng, thiếu các phần mục theo quy định; một số bài viết chưa trích dẫn nguồn tài liệu, chưa có danh mục tài liệu tham khảo, hoặc trích dẫn không đúng quy chuẩn.

Năm là, chủ đề một số bài dự thi thiếu tính thời sự, chưa bám sát các vấn đề mới, vấn đề “nóng” của thực tiễn; một số bài có nội dung chưa có chiều sâu, thiếu tính phản biện, chưa đáp ứng yêu cầu đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mới.

Nguyên nhân của những hạn chế là do nhận thức của một bộ phận giảng viên chưa thực sự tâm huyết, đầu tư nghiên cứu sâu sắc cho bài thi chính luận; kỹ năng viết chính luận của giảng viên còn yếu về lập luận, phản biện, tổng hợp và phân tích vấn đề; áp lực công việc chuyên môn, giảng dạy, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khiến thời gian dành cho nghiên cứu, viết bài của giảng viên bị hạn chế; cơ chế động viên, khích lệ, khen thưởng đối với các bài thi viết chính luận chất lượng cao chưa thực sự hấp dẫn, chưa tạo động lực mạnh mẽ cho giảng viên tham gia; một số giảng viên chưa chủ động tìm tòi, tiếp cận nguồn tài liệu, thông tin thực tiễn phục vụ cho việc

viết bài chính luận; công tác tổ chức, hướng dẫn, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm cuộc thi của trường còn hạn chế.

2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đối với giảng viên Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang trong thời gian tới

Một là, Đảng ủy, Ban Giám hiệu tuyên truyền nâng cao nhận thức về tham gia cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức, đặc biệt là tổ chức phát động cuộc thi giúp giảng viên hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của cuộc thi, tạo động lực để giảng viên dành thời gian, công sức nghiên cứu hiệu quả.

Hai là, Ban Tổ chức Cuộc thi cấp trường tổ chức hội thảo, tọa đàm, tập huấn chuyên sâu về kỹ năng viết bài dự thi, nâng cao năng lực của giảng viên, như: kỹ năng lập luận logic, phân tích vấn đề, phương pháp trích dẫn tài liệu khoa học, cách sử dụng ngôn ngữ chính trị, tư tưởng thuyết phục, sử dụng các nguồn tài liệu chính thống, đảm bảo tính chính xác, sâu sắc, có giá trị lý luận và thực tiễn.

Ba là, Ban Tổ chức Cuộc thi xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, minh bạch, khoa học, đúng năng lực của giảng viên; có chính sách khen thưởng xứng đáng, tạo động lực cho giảng viên tham gia.

Bốn là, giảng viên chủ động, sáng tạo trong việc tiếp cận các nguồn tài liệu, các công trình khoa học, các bài viết chuyên sâu liên quan đến chủ đề nghiên cứu, cập

nhập những vấn đề mới, có tính thời sự trong thực tiễn chính trị, kinh tế, xã hội.

Năm là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công cụ trí tuệ nhân tạo để kiểm tra tính nguyên bản của bài viết, hạn chế tình trạng sao chép, đạo văn.

Sáu là, phát huy vai trò của Chi đoàn trong việc vận động, hướng dẫn và hỗ trợ giảng viên tham gia cuộc thi, khơi dậy tinh thần trách nhiệm của thế hệ trẻ.

Bảy là, Ban Tổ chức Cuộc thi thực hiện tốt công tác tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm qua cuộc thi để nâng cao chất lượng bài thi viết chính luận của giảng viên.

3. Kết luận

Nâng cao chất lượng bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đối với giảng viên Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang là một nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của trường. Bên cạnh sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng, giảng viên tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm, chủ động nghiên cứu nâng cao chất lượng bài thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, xứng đáng là lực lượng tiên phong trên mặt trận tư tưởng, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới. Đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng các bài thi viết, góp phần lan tỏa sức mạnh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong cán bộ, đảng viên, nâng cao uy tín của giảng viên, của trường trong thời gian tới. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018): *Nghị quyết 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*.
2. Hoàng Chí Bảo (2012): *Giá trị bền vững và sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Huy Hiệu, Trần Nam Chuân (2020): “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”, <https://app.vass.gov.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/Tang-cuong-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-Dang-dau-tranh-phan-bac-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-trong-tinh-hinh-moi-3>.

4. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017): *Phê phán các quan điểm sai trái xuyên tạc cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về chính trị trong Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Lê Hữu Nghĩa (2017): “Đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch - một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của công tác tư tưởng, lý luận hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị* số 5-2017.

CHI BỘ TRƯỜNG MẦM NON SAO SÁNG THÀNH PHỐ MỸ THO VỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

PHẠM THỊ KIM NƯƠNG*
LÊ NGUYỄN DUY**

Tóm tắt: Trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch đang tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước bằng nhiều chiêu bài, phương thức khác nhau, do đó việc giữ vững niềm tin vào Đảng, Nhà nước trong hệ thống giáo dục, đặc biệt là ở cấp học mầm non, là yêu cầu cấp thiết. Thời gian qua, Chi bộ Trường Mầm non Sao Sáng, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã có nhiều nỗ lực trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Qua đó, đảng viên được quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nâng cao nhận thức chính trị cho đội ngũ giáo viên và xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh. Bài viết nghiên cứu, phân tích thực trạng, chỉ ra nguyên nhân và đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của Chi bộ Trường Mầm non Sao Sáng trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời gian tới.

Từ khóa: Trường mầm non, Sao Sáng, bảo vệ nền tảng tư tưởng,...

1. Đặt vấn đề

Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, là kim chỉ nam cho sự phát triển của đất nước, là yếu tố quyết định sự ổn định chính trị, kinh tế và xã hội. Trong thời gian qua, những thông tin sai lệch, luận điệu phản động dễ dàng lan truyền qua mạng xã hội, gây nhiễu loạn nhận thức, đặc biệt là trong giới trẻ. Trước thực trạng đó, việc tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cần được thực hiện đồng bộ, từ nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đến việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Công tác này đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các cơ quan truyền thông, giáo dục và đặc biệt là mỗi đảng viên trong Chi bộ Trường Mầm non Sao Sáng, thành phố Mỹ Tho luôn chủ động tiếp thu, sàng lọc thông tin, giữ vững niềm tin vào

(*) Học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị A72.

(**) Khoa Xây dựng Đảng.

đường lối cách mạng của Đảng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kết quả đạt được

Trong thời gian qua, Chi bộ Trường Mầm non Sao Sáng đã có nhiều nỗ lực và đạt được những kết quả tích cực trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng:

Thứ nhất, chi bộ nhà trường đẩy mạnh công tác triển khai, quán triệt tổ chức thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW; luôn tăng cường giáo dục tư tưởng cho mỗi đảng viên, viên chức và giáo viên nhà trường. Chi bộ đã chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho đảng viên, viên chức và giáo viên, góp phần củng cố niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chính trị, tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, giúp đảng viên, viên chức và giáo viên nắm bắt kịp thời và thực hiện đúng đắn. Chi bộ luôn chú trọng quán triệt, triển khai kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước, những quy định của ngành đến toàn thể đảng viên, viên chức và giáo viên trường.

Thứ hai, đội ngũ đảng viên, viên chức và giáo viên trường có ý thức và bản lĩnh chính trị vững vàng; kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng, luôn thực hiện đúng đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của giáo dục hiện nay; phòng chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của đảng viên, viên chức và giáo viên. Đồng thời, mỗi đảng viên, viên chức và giáo viên đã tích cực chủ động tham gia và đóng góp ý kiến trong các buổi sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chính trị.

Thứ ba, chi bộ lãnh đạo thực hiện tốt các nguyên tắc của Đảng, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Mặt khác, trường có 36.7% viên chức là đảng viên có lợi thế trong công tác quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đa số giáo viên tích cực thực hiện tốt các Nghị quyết, kế hoạch của Đảng ủy cấp trên và chi ủy chi bộ.

Thứ tư, nhằm nâng cao nhận thức, năng lực, trách nhiệm của đảng viên, viên chức và giáo viên trường đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ. Hàng năm, Trường Mầm non Sao Sáng đều tổ chức phát động cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đến toàn thể đảng viên, viên chức và giáo viên trường. Cuộc thi khuyến khích sự tham gia tích cực của đảng viên, viên chức và giáo viên trường, thể hiện rõ sự nỗ lực trong việc nghiên cứu và tìm hiểu các vấn đề xã hội, chính trị hiện nay. Trường có nhiều hoạt động chỉ đạo, đổi mới hình thức tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thông qua việc tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm về các vấn đề chính trị, xã hội hiện nay. Từng đảng viên, viên chức và giáo viên trường đã tích cực tham gia các hoạt động này, nâng cao nhận thức về tầm quan

trọng của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh.

Những kết quả đạt được xuất phát từ các nguyên nhân đó là được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ Phường¹ thành phố Mỹ Tho, Chi ủy và Ban Giám hiệu nhà trường, đây là yếu tố quan trọng quyết định bảo đảm thắng lợi trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của chi bộ nhà trường trong thời gian qua; mỗi đảng viên, giáo viên nhận thức rõ vai trò trong việc hiểu rõ về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tích cực tham gia các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng của nhà trường và chi bộ.

2.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng tại Chi bộ Trường Mầm non Sao Sáng, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vẫn còn một số hạn chế sau:

Thứ nhất, một số đảng viên, giáo viên nhà trường chưa thật sự chủ động trong việc cập nhật kiến thức lý luận chính trị, đôi khi chưa kịp thời nắm bắt, đấu tranh phòng, chống với các thông tin xấu, độc trên mạng xã hội. Vẫn còn một số đảng viên, viên chức và giáo viên trường chưa tích cực trong tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề chính trị - xã hội của đất nước dẫn đến nhận thức chưa đầy đủ, kịp thời về thông tin thời sự hiện nay.

Thứ hai, việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ nền tảng tư tưởng còn chưa phong phú, chưa có nhiều hình thức sáng tạo để thu hút đảng viên, viên chức và giáo viên tham gia tích cực. Các buổi sinh hoạt tuyên truyền chủ yếu là đọc văn bản, học tập Nghị quyết dẫn đến việc tiếp nhận thông tin mang tính thụ động, chưa thực sự tạo sự hứng thú cho đảng viên trong chi bộ. Bên cạnh đó, chưa có nhiều hoạt động tuyên truyền theo hướng công nghệ số, ứng dụng công nghệ thông tin, trực quan sinh động hay kết hợp với các hình thức giao lưu, hội thi, sân khấu hóa nhằm làm mới nội dung tuyên truyền.

Thứ ba, thiếu nguồn lực hỗ trợ trong quá trình hoạt động của nhà trường, như hạn chế về cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động

của nhà trường có thể ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục tư tưởng, chính trị của đội ngũ giáo viên, viên chức của nhà trường.

Nguyên nhân của hạn chế xuất phát từ tính chất đặc thù của hoạt động dạy và học ở bậc học mầm non, dẫn đến đảng viên, viên chức và giáo viên không có nhiều thời gian đầu tư cập nhật kiến thức thực tiễn về tình hình chính trị - xã hội; đội ngũ đảng viên, giáo viên của nhà trường được đào tạo chủ yếu từ chuyên ngành giáo dục mầm non, chưa được đào tạo bài bản về công tác tuyên truyền chính trị; cơ chế, chính sách, các điều kiện về nguồn lực, phương tiện vật chất - kỹ thuật hỗ trợ công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng chưa được đầu tư hiệu quả.

2.3. Một số giải pháp phát huy vai trò của Chi bộ Trường Mầm non Sao Sáng trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy phường, Chi ủy và Ban Giám hiệu nhà trường trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy phường, Chi bộ quán triệt về công tác tư tưởng, đặc biệt là Nghị quyết 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới đến mỗi đảng viên, viên chức và giáo viên trường.

Thứ hai, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong nhà trường.

Tổ chức các buổi sinh hoạt chính trị định kỳ để quán triệt sâu sắc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành, nội quy, quy chế của trường. Lồng ghép nội dung giáo dục chính trị tư tưởng vào các hoạt động chuyên môn, tọa đàm nhằm nâng cao nhận thức của đảng viên, viên chức và giáo viên. Khuyến khích đảng viên, viên chức và giáo viên tự nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ lý luận chính trị và đạo đức, lý tưởng cách mạng. Phát huy vai trò nêu gương của đảng viên, giáo viên trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị 05-CT/TW. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông

tin vào công tác giáo dục chính trị, tuyên truyền các nội dung chính thống qua mạng xã hội và phương tiện truyền thông nội bộ.

Thứ ba, đổi mới phương thức tuyên truyền, giáo dục tư tưởng cho đảng viên, viên chức và giáo viên.

Tăng cường thực hiện các hình thức tuyên truyền đa dạng như hội thi, diễn đàn, chuyên đề, tiểu phẩm nhằm giúp đảng viên, viên chức và giáo viên dễ tiếp cận và hiểu sâu hơn về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Ứng dụng công nghệ thông tin để tuyên truyền, xây dựng nội dung giáo dục chính trị trực tuyến. Khuyến khích đảng viên, viên chức và giáo viên chia sẻ các bài viết, tư liệu về tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, nền tảng tư tưởng của Đảng, gương điển hình của đảng viên, viên chức và giáo viên có thành tích tốt trên các nền tảng mạng xã hội. Đặc biệt, chi ủy quán triệt để đảng viên, viên chức và giáo viên nhà trường không chia sẻ, đăng tải những thông tin không chính thống, bịa đặt không có cơ sở, văn bản trên các nền tảng mạng xã hội.

Thứ tư, phát huy vai trò nêu gương của đảng viên là giáo viên.

Mỗi đảng viên của nhà trường phải tiên phong, gương mẫu trong việc nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, gương mẫu trong lối sống; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và xây dựng phong cách làm việc khoa học, hiệu quả. Xây dựng tình đoàn kết, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và các phong trào thi đua. Đảng viên luôn gương mẫu trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đảng viên đi đầu trong việc sử dụng mạng xã hội một cách tích cực; lan tỏa thông tin chính thống, quyết liệt đấu tranh phòng, chống với các quan điểm sai trái, thông tin xấu, độc trên mạng xã hội.

Thứ năm, giáo viên tích cực tham gia đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch trong tình hình mới.

Đảng viên, giáo viên chủ động tham gia công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội

chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tích cực tham gia nâng chất các kênh thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận trong đảng viên, giáo viên nhà trường. Kịp thời phát hiện và ngăn chặn các thông tin xấu, xuyên tạc, chống phá Đảng và Nhà nước. Tăng cường kỹ năng về nhận diện và đấu tranh với các luận điểm sai trái trên không gian mạng.

3. Kết luận

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng tại Chi bộ Trường Mầm non Sao Sáng, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang có vai trò quan trọng trong việc giữ vững định hướng chính trị, tư tưởng cho đội ngũ đảng viên,

viên chức và giáo viên nhà trường. Những kết quả đạt được đã góp phần củng cố niềm tin của đội ngũ đảng viên, viên chức và giáo viên vào chủ trương, đường lối của Đảng, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của nhà trường. Trong bối cảnh tình hình chính trị, xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, chi bộ cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục chính trị tư tưởng, tận dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong tuyên truyền; đồng thời, phát huy vai trò trách nhiệm của chi ủy, đảng viên, viên chức và giáo viên trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành giáo dục. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Chính trị (2018): *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Chi bộ Trường Mầm non Sao Sáng: *Báo cáo số 15/CBCS ngày 1/10/2024 về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 1.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Sổ tay công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Nxb. Lý luận chính trị.
5. Trường Mầm non Sao Sáng (2024): *Công văn số 84/QC-MNSS ngày 13/9/2024 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Mầm non Sao Sáng*.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VÀO QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN, HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN GIAI ĐOẠN MỚI

ĐINH HOÀI PHÚC*

Tóm tắt: Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao nhân cách con người và đặt vào vị trí cốt lõi trong hệ giá trị con người. Cuộc đời và sự nghiệp của Người là minh chứng sống động cho nhân cách vĩ đại, năng lực phi thường của một anh hùng dân tộc kiệt xuất, một danh nhân văn hóa thế giới. Để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân cách con người vào quá trình phát triển, hoàn thiện nhân cách cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới thì chúng ta cần phải định hướng một số nội dung quan trọng, để từ đó giúp cán bộ, đảng viên hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao và thật sự là công bộc, đầy tớ trung thành của Nhân dân.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; phát triển, hoàn thiện; nhân cách; cán bộ, đảng viên...

1. Đặt vấn đề

Ngay từ những ngày đầu bắt tay xây dựng đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặc biệt chú trọng việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Người khẳng định đạo đức là nền tảng phẩm chất người cộng sản, coi phục vụ nhân dân là sứ mệnh cao cả. Tư tưởng “cán bộ là công bộc của nhân dân” thể hiện tầm nhìn tiên phong về một chính quyền vì dân, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên mọi lợi ích khác. Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa có đức, vừa có tài là nhiệm vụ then chốt. Đội ngũ này đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo xã hội văn minh, hiện đại, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Đây là yếu tố quyết định thành công trong quá trình xây dựng và bảo

(*) Thạc sĩ, Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Sóc Trăng

vệ Tổ quốc. Do vậy, để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc thì một trong những vấn đề đặt ra là cần phải không ngừng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân cách con người vào quá trình phát triển, hoàn thiện nhân cách cán bộ, đảng viên giai đoạn mới. Chính vì vậy, trong phạm vi bài viết này tác giả đề cập đến một số định hướng để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân cách con người vào quá trình phát triển, hoàn thiện nhân cách cán bộ, đảng viên giai đoạn mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân cách con người

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng vĩ đại của dân tộc Việt Nam, Người đã để lại một kho tàng di sản tư tưởng sâu sắc trong đó có tư tưởng về nhân cách con người. Triết lý của Người không chỉ giàu tính lý luận mà

rất phong phú về tính thực tiễn, trở thành nền tảng trong hệ thống quan điểm toàn diện của Người. Hồ Chí Minh hòa quyện tinh hoa văn hóa truyền thống Việt Nam với tinh thần nhân đạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tạo nên một quan điểm nhân cách độc đáo và toàn diện. Nhiều nhà nghiên cứu khoa học đánh giá cao sự tổng hòa tính nhân văn sâu sắc trong tư tưởng của Người. Người tiếp cận vấn đề nhân cách con người một cách hệ thống, bao gồm nhận thức, cấu trúc và quá trình hoàn thiện, đặc biệt nhấn mạnh nhân cách của người cán bộ cách mạng. Người cho rằng con người ban đầu chỉ là một cá thể sinh học, nhân cách được hình thành và phát triển qua quá trình xã hội hóa.

Tại lớp nghiên cứu chính trị khóa II, trường Đại học Nhân dân Việt Nam, ngày 08/12/1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh có buổi nói chuyện về Tam tự kinh, câu đầu tiên của Tam tự kinh là “Nhân chi sơ, tính bản thiện”. Người giải thích “người mới sinh, tính vốn thiện”. Sở dĩ trở nên ác là do tự mình không chịu học tập, rèn luyện, do bị ảnh hưởng xấu của xã hội, tiêm nhiễm của môi trường độc hại mà mình không “đề kháng” được; điều đó minh chứng cho quan điểm nhân cách con người chịu tác động của môi trường xã hội. Nhân cách không phải là điều cố hữu, mà là kết quả của quá trình tương tác phức tạp giữa cá nhân và xã hội; con người vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của các hoạt động và quan hệ xã hội. Con người có nét tiêu biểu của xã hội, có sự thống nhất, kết hợp chặt chẽ các mặt: đức, trí, thể, mỹ tạo nên phẩm chất năng lực đáp ứng những yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng xã hội.

Ngay từ năm 1927, trong tác phẩm Đường Cách mệnh, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đến 23 điều về “tư cách người cách mạng”, bao gồm toàn bộ phẩm chất, năng lực cần có của người cán bộ cách mạng. Trong Di chúc, Người viết: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”¹. Đối với cán bộ, đảng viên, Người đặc biệt đề cao

02 thành tố tài và đức (hồng và chuyên), trong đó đức là cái gốc của con người, nhất là người cán bộ, đảng viên. Theo Người, cái cốt lõi, nền tảng nhân cách của người cán bộ, đảng viên là đạo đức cách mạng. Người làm cách mạng phải có đạo đức cách mạng, không vì danh vọng cá nhân mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc và nhân loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng cho rằng năng lực con người không chỉ dừng lại ở trình độ chuyên môn mà còn bao gồm khả năng quán triệt và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Người có năng lực phải vừa có đạo đức cách mạng, vừa có trình độ và kỹ năng cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ. Và để trở thành người cách mạng chân chính, mỗi cá nhân phải không ngừng học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức và nâng cao năng lực, luôn là “người đầy tớ trung thành, tận tụy của nhân dân”. Người coi đạo đức là gốc của con người nên người cán bộ, đảng viên mà không có đức thì cũng như sông không có nguồn; không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc; không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, “*Không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân*”²; và sẽ không có ý thức làm chủ, không có tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa; sẽ không cần, kiệm, xây dựng nước nhà; cũng không có lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần quốc tế trong sáng...

Chính vì vậy, muốn phát triển và hoàn thiện nhân cách của một cán bộ, đảng viên thì cần quan tâm và xây dựng cả về trí, thể, mỹ đó là những yếu tố quyết định phẩm chất, năng lực của con người, tạo nên giá trị con người. Và nói đến trí tuệ là nói đến phẩm chất, năng lực riêng của con người, thể hiện “trình độ người”, tạo nên giá trị riêng của mỗi chủ thể. Con người trong giai đoạn vươn mình phát triển như hiện nay thì phải có kiến thức toàn diện về lý luận chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ và khoa học - kỹ thuật... và phải biết vận dụng, phát triển sáng tạo các tri thức nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, góp

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, 2011, tr. 612.

(2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.292.

phần không ngừng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Mỗi người lao động cần có tinh thần dám nghĩ, dám làm, vươn lên hàng đầu, thành người lao động tiên tiến... ra sức học tập, nâng cao trình độ văn hóa, kỹ thuật, có tinh thần sáng tạo, tìm tòi cái mới, học tập cái mới, ứng dụng cái mới, thực hiện cái mới”*⁽³⁾. Vận dụng hiệu quả năng lực bản thân vào thực tiễn và phát huy tinh thần sáng tạo nhưng cái sáng tạo phải đảm bảo và phải gắn liền với hiệu quả, phải hướng tới mục tiêu vì hạnh phúc của con người, vì sự tiến bộ của xã hội. Chỉ có như vậy thì đạo đức và tài năng không còn ranh giới mà gắn kết chặt chẽ với nhau, hội tụ ở người cán bộ, đảng viên. Và khi người cán bộ, đảng viên có đủ đức đủ tài sẽ làm chủ được bản thân mới khát khao cống hiến tài năng, trí tuệ của mình vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về nhân cách con người nói chung người cán bộ, đảng viên nói riêng là một hệ thống tư tưởng toàn diện, kết hợp giữa truyền thống dân tộc và tinh hoa nhân loại, không chỉ là kim chỉ nam cho người cách mạng mà còn là bài học quý giá cho mọi thế hệ trong việc xây dựng và hoàn thiện nhân cách, đặc biệt trong bối cảnh hiện đại, khi các giá trị đạo đức và nhân cách còn một số thách thức như: Nhận thức về tầm quan trọng của công tác tu dưỡng hoàn thiện nhân cách cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt trong bối cảnh biến động hiện nay, vẫn chưa thật sự được chú trọng trong nhiều tổ chức và cá nhân; việc triển khai chủ trương, đường lối của Đảng về giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên chưa đạt hiệu quả tối ưu; năng lực, phẩm chất đạo đức của một số cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng trọn vẹn yêu cầu nhiệm vụ hiện tại. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XIII) về xây dựng Đảng đã thẳng thắn chỉ ra: Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức chưa đầy đủ tính chất, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa nêu cao tinh

thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói chưa đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật.

2.2. Định hướng một số nội dung về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng nhân cách cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay

Một là, tự tu dưỡng, rèn luyện, con đường cơ bản để hoàn thiện nhân cách. Hồ Chí Minh coi việc tự tu dưỡng, rèn luyện là con đường cơ bản và quan trọng nhất để hình thành và hoàn thiện nhân cách. Người nhấn mạnh rằng, người cán bộ cách mạng phải không ngừng học tập, rèn luyện suốt đời. Đây không chỉ là quá trình tiếp thu kiến thức mà còn là sự tự nhận thức, tự đấu tranh để vượt qua những hạn chế của bản thân. Người yêu cầu mỗi cán bộ phải nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình, nhận rõ ưu điểm và khuyết điểm của mình để phát huy cái đúng, khắc phục cái sai. Quá trình này không phải là nhất thời mà là một hành trình liên tục, không ngừng nghỉ, giúp cá nhân và tập thể cùng tiến bộ.

Hai là, trau dồi phẩm chất cách mạng, yêu cầu thiết yếu của người cán bộ. Trau dồi phẩm chất cách mạng là yêu cầu không thể thiếu đối với người cán bộ. Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ phải kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, bài trừ bệnh quan liêu, và tránh tình trạng xa rời quần chúng. Người cán bộ cách mạng phải thực sự là “người đầy tớ, công bộc của nhân dân”⁽⁴⁾ luôn đặt lợi ích của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân. Để làm được điều này, mỗi người phải tự giác nhận thức về ưu điểm và khuyết điểm của mình, từ đó xây dựng kế hoạch tu dưỡng, rèn luyện để hoàn thiện nhân cách. Quá trình này đòi hỏi sự kiên trì, bền bỉ và ý thức trách nhiệm cao.

Ba là, phát huy ý chí là động lực vượt qua khó khăn. Phát huy ý chí là yếu tố then chốt giúp người cán bộ vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Hồ Chí Minh khẳng định: “Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền”. Ý chí kiên định, bền bỉ là động lực để đạt được

(3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70.

(4) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.275.

thành công, giúp con người vượt qua những thử thách trong cuộc sống và công việc. Bài học từ cuộc đời và sự nghiệp của Người là tấm gương sáng về sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng. Qua bài thơ “Nghe tiếng gĩa gạo”, Người đã đúc kết: “Gian nan rèn luyện mới thành công”. Điều này cho thấy, chỉ có ý chí mạnh mẽ mới giúp con người vượt qua nghịch cảnh và đạt được mục tiêu.

Bốn là, thông qua hoạt động thực tiễn để rèn luyện nhân cách. Theo Hồ Chí Minh, nhân cách không chỉ được hình thành qua lý thuyết mà còn thông qua hoạt động thực tiễn. Trong quá trình sinh hoạt, học tập, chiến đấu và công tác, con người điều chỉnh hành vi và thể hiện phẩm chất của mình. Người ví thực tiễn như “viên đá thử vàng”, qua đó nhân cách được rèn luyện và hoàn thiện. Người cũng nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn: lý luận cần thực tiễn để không rơi vào giáo điều, và thực tiễn cần lý luận để tránh bệnh kinh nghiệm. Chỉ có thông qua hoạt động thực tiễn, phẩm chất nhân cách mới được thể hiện một cách cụ thể, phong phú và ngày càng được bồi đắp, nâng cao.

Năm là, xây dựng môi trường lành mạnh, điều kiện thuận lợi để phát triển nhân cách. Xây dựng môi trường lành mạnh là điều kiện quan trọng để nhân cách hình thành và phát triển. Một tập thể đoàn kết, văn hóa lành mạnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển toàn diện của nhân cách. Tập thể tác động tích cực đến cá nhân, đồng thời cá nhân cũng góp phần xây dựng tập thể vững mạnh bằng phẩm chất và năng lực

của mình. Môi trường lành mạnh không chỉ giúp cá nhân phát triển mà còn tạo nên sức mạnh tập thể, thúc đẩy sự tiến bộ chung của xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân cách không chỉ có giá trị lý luận mà còn mang tính thực tiễn sâu sắc, đặc biệt trong bối cảnh đất nước ta đang thực hiện nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Người cán bộ cách mạng phải luôn thấm nhuần quan điểm: “Việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng cố làm; việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố tránh”. Điều này được thể hiện rõ trong Nghị quyết Trung ương 4, khóa XIII, yêu cầu cán bộ, đảng viên phải tự phê bình và phê bình nghiêm túc, gắn với thực hiện các quy định về đạo đức cách mạng.

3. Kết luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân cách con người là một hệ thống tư tưởng toàn diện, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, giữa cá nhân và tập thể. Năm yếu tố cốt lõi mà Người đề ra, tự tu dưỡng, rèn luyện; trau dồi phẩm chất cách mạng; phát huy ý chí; thông qua hoạt động thực tiễn; và xây dựng môi trường lành mạnh, không chỉ là kim chỉ nam cho người cán bộ cách mạng mà còn là bài học quý giá cho mọi thế hệ. Trong bối cảnh hiện đại, khi các giá trị đạo đức và nhân cách đang đối mặt với nhiều thách thức, tư tưởng của Người vẫn giữ nguyên giá trị, định hướng cho việc xây dựng và hoàn thiện nhân cách, góp phần xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và nhân văn. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lê Anh Dũng: “Phát triển nhân cách của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, số tháng 01/2024, tr.25.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
4. Chu Minh Thiện - Nguyễn Duy Tùng: “Rèn luyện nhân cách cán bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, <https://xaydungdang.org.vn/tu-tuong-ho-chi-minh/ren-luyen-nhan-cach-can-bo-theo-tu-tuong-ho-chi-minh-8399>.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NGUYÊN TẮC TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH TRONG ĐẢNG

LÊ NGUYỄN DUY*

Tóm tắt: Tự phê bình và phê bình là một nguyên tắc quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm xây dựng và chỉnh đốn Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh. Nguyên tắc tự phê bình và phê bình nhấn mạnh tính trung thực, khách quan và cầu thị trong việc nhận ra, sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm của bản thân, đồng chí, đồng nghiệp. Trên thực tế, việc thực hiện nguyên tắc này vẫn còn một số hạn chế nhất định. Bài viết nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình; thực trạng thực hiện nguyên tắc này trong Đảng, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác tự phê bình và phê bình theo đúng tinh thần của Người.

Từ khóa: Đảng ta, tự phê bình, phê bình, Hồ Chí Minh,...

1. Đặt vấn đề

Tự phê bình và phê bình theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là một nguyên tắc, mà còn là một biện pháp thiết yếu nhằm giữ vững sự lãnh đạo của Đảng. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tự phê bình và phê bình nhằm xây dựng một tổ chức trong sạch, vững mạnh. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, bên cạnh những kết quả tích cực, việc thực hiện nguyên tắc này vẫn còn một số hạn chế như mang tính hình thức, thiếu chiều sâu, nể nang hoặc lợi dụng để công kích cá nhân, tâm lý né tránh, sợ bị phê phán hoặc sử dụng phê bình không đúng mục đích, dẫn đến mất đoàn kết nội bộ, chưa đạt được hiệu quả mong muốn. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục đổi mới phương thức thực hiện để nguyên tắc tự phê bình và phê bình thực sự trở thành động lực giúp Đảng phát triển vững chắc hơn. Do đó, việc nghiên cứu và thực hiện tốt nguyên tắc tự phê bình và phê bình theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí

Minh không chỉ là nhiệm vụ của mỗi đảng viên mà còn là trách nhiệm của toàn Đảng, nhằm xây dựng một tổ chức đảng vững mạnh, đoàn kết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng. Người đã đề cập quan điểm này trong nhiều tác phẩm kinh điển do Người viết như tác phẩm Sửa đổi lối làm việc (1947), Thường thức chính trị (1953), Tự phê bình và phê bình (1952),..., đây là những tác phẩm có ý nghĩa rất lớn, vận dụng trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, “Tự phê bình là cá nhân (cơ quan hoặc đoàn thể) thật thà nhận khuyết điểm của mình để sửa chữa, để người khác giúp mình sửa chữa, mà cũng để người khác biết mà tránh những khuyết điểm mình đã phạm. Phê bình là thấy ai (cá nhân, cơ quan, đoàn thể) có khuyết điểm thì thành khẩn nói cho họ biết để họ sửa, để họ tiến bộ. Mục đích

(*) Cử nhân, Khoa Xây dựng Đảng.

của tự phê bình và phê bình đều nhằm giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, cùng nhau tiến bộ”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có sai lầm”. Bởi vậy, “về luật phát triển, Đảng Lao động Việt Nam dùng lối phê bình và tự phê bình để giáo dục đảng viên, giáo dục quần chúng”². Từ đó, Người đã nhìn nhận con người không phải đều hoàn hảo về mọi mặt, dù ở bất kỳ vị trí công tác nào, khuyết điểm, sai lầm là điều không thể tránh khỏi, nhất là khi con người tham gia vào hoạt động thực tiễn, Người không đặt nặng việc chỉ trích sai lầm mà quan tâm đến cách con người đối diện với sai lầm và sửa chữa để hoàn thiện hơn trong tương lai.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”³. Người lưu ý: “Mục đích phê bình cốt để... đoàn kết và thống nhất nội bộ”⁴; “tự phê bình và phê bình là một quy luật phát triển và tiến bộ của Đảng, cũng là một phương pháp căn bản để tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng”⁵. Người còn khẳng định: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”⁶. Do đó, Người yêu

cầu các tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu cao tính đảng, tiến hành kiểm tra, giám sát công tác thực hiện nghị quyết, tự phê bình và phê bình nghiêm túc, rõ ràng, thiết thực, ngay thẳng, chân thành để sửa chữa và cùng nhau tiến bộ.

Để Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục làm tròn sứ mệnh tiên phong của mình, nhất định phải thường xuyên, hằng ngày, mỗi cán bộ, đảng viên phải thực hiện tốt nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Theo Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình sẽ phát huy được tác dụng khi được thực hiện nghiêm túc, với tinh thần “phê bình mình cũng như phê bình người phải ráo riết, triệt để, thật thà, không nể nang, không thêm bớt. Phải vạch rõ cả ưu điểm và khuyết điểm. Đồng thời, chớ dùng những lời mĩ mai, chua cay, đâm thọc. Phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người”⁷. Quan điểm của Người đã nhấn mạnh về việc khi thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình phải thật sự trung thực, không né tránh, cũng không công kích cá nhân, cần mang tính xây dựng, trên tinh thần giúp nhau cùng tiến bộ.

2.2. Thực trạng thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình của Đảng ta

Hơn 95 năm từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời cho đến nay, Đảng ta đã có truyền thống tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Mỗi khi phát hiện có sai lầm Đảng đều công khai thừa nhận sai lầm và đưa ra những biện pháp sửa chữa. Trong lịch sử từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời cho đến nay, nhiều lần Đảng ta đã tự phê bình về khuyết điểm của mình để quyết tâm sửa chữa thành công. Từ đó, góp phần làm cho Đảng ngày càng lớn mạnh, vượt qua những thử thách quyết liệt, đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Chẳng hạn, trong thời kỳ 1936-1939, Đảng ta thực hiện tự phê bình và phê bình để uốn nắn những lệch lạc trong nhận thức về giai cấp. Đây là giai đoạn mở rộng mặt trận dân chủ, Đảng phạm khuyết điểm hợp tác vô nguyên tắc với các lực lượng khác.

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.386.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2001, t.12, tr.37.

(3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.611.

(4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.272.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2004, t.37, tr.638-639.

(6) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.301.

(7) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.279.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết và xuất bản cuốn sách *Tự chỉ trích* để chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm của Đảng và một số ý kiến không đúng với chủ trương của Đảng, đồng thời hướng dẫn cách thực hiện tự phê bình và phê bình trong Đảng. Năm 1986, trong giai đoạn Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Đại hội VI của Đảng đã nghiêm túc tự phê bình những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế - xã hội và những khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng. Gần đây nhất là qua các lần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI, và XII, XIII Đảng ta đều chú trọng đến công tác tự phê bình và phê bình, qua đó góp phần củng cố đoàn kết thống nhất trong Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình, trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Đảng ta luôn thực hiện nghiêm túc nguyên tắc này, Đại hội XIII đã đánh giá “các cấp ủy, tổ chức đảng đã nghiêm túc chỉ đạo, tổ chức thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII”⁸. Từ đó, đã góp phần khắc phục những khuyết điểm, hạn chế của tổ chức đảng và đảng viên, đồng thời đấu tranh ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” góp phần xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh. Thông qua đó sẽ củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, khi Đảng thực hiện tốt nguyên tắc này, Nhân dân sẽ thấy được tinh thần trách nhiệm, cầu thị của Đảng, từ đó Nhân dân có thể đóng góp ý kiến, giám sát hoạt động của cán bộ, đảng viên, giúp bộ máy chính trị hoạt động hiệu quả hơn.

Những ưu điểm trên xuất phát từ một số nguyên nhân sau: xuất phát từ bản chất cách mạng và truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam luôn lấy tự phê bình và phê bình làm nguyên tắc cơ bản để không ngừng tự đổi mới, phát triển. Do yêu

cầu của công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, trong bối cảnh đất nước hội nhập, Đảng phải luôn tự điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế. Phát huy vai trò của nhân dân có thể tham gia giám sát và đóng góp ý kiến, Đảng sẽ có thêm động lực để thực hiện tự phê bình và phê bình một cách thực chất.

Tuy nhiên, việc thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng hiện còn những hạn chế nhất định. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên về tự phê bình và phê bình chưa sâu sắc hoặc thiếu tự giác nhận khuyết điểm, trách nhiệm trong công việc; ở một số nơi nể nể, chế độ tự phê bình và phê bình chưa được thực hiện nghiêm. Đại hội XIII đã nhận định “Việc đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc về đạo đức, lối sống chưa mạnh mẽ. Tự phê bình và phê bình ở không ít nơi còn hình thức; tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tự giác nhận khuyết điểm và trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ được giao”⁹. Việc thực hiện các nội dung, quy trình tự phê bình và phê bình ở một số tổ chức đảng chưa thật sự nghiêm túc, ảnh hưởng đến chất lượng tự phê bình và phê bình. Một số cấp ủy chưa coi trọng và thiếu kiên quyết trong chỉ đạo thực hiện tự phê bình và phê bình; chưa nhìn nhận đúng khuyết điểm và trách nhiệm của mình trước những hạn chế, khuyết điểm của tập thể. Vẫn có tình trạng trong tổ chức đảng, người có nhiều ưu điểm chưa được động viên khen thưởng thỏa đáng; trái lại, người có khuyết điểm nhưng vẫn được đánh giá là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được khen thưởng, đưa vào quy hoạch... Những điểm này ít nhiều đã làm hạn chế chất lượng, hiệu quả thực hiện tự phê bình và phê bình trong Đảng.

Những hạn chế trên xuất phát từ một số nguyên nhân sau: một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự tự giác trong thực hiện tốt nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng, sợ mất lợi ích cá nhân. Một số

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.II, tr.175.

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.II, tr.179.

cơ chế, chính sách kiểm tra, giám sát chưa đủ mạnh, chưa có biện pháp khuyến khích và bảo vệ người phê bình đúng đắn.

2.3. Một số giải pháp thực hiện tốt nguyên tắc tự phê bình và phê bình theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Thứ nhất, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình.

Tăng cường giáo dục, tuyên truyền về tư tưởng Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình, giúp cán bộ, đảng viên hiểu được tầm quan trọng của công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng hiện nay. Từ đó sẽ khơi dậy ý thức tự giác, dũng cảm thừa nhận sai lầm, khuyết điểm và sửa chữa để cùng nhau tiến bộ. Thường xuyên tổ chức các chương trình, cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học về công tác tự phê bình và phê bình để thông qua đó sẽ tuyên truyền, định hướng, để thấm nhuần những nhận thức của cán bộ, đảng viên về việc thực hiện tốt nguyên tắc này. Mỗi cán bộ, đảng viên cần coi tự phê bình và phê bình là nhiệm vụ thường xuyên, không né tránh hay đùn đẩy trách nhiệm.

Thứ hai, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu.

Cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu cần gương mẫu trong thực hiện tốt nguyên tắc tự phê bình và phê bình một cách chân thành, thẳng thắn để cấp dưới học tập và làm theo, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn”, qua đó ta thấy được vai trò nêu gương của cán bộ, lãnh đạo quản lý là rất quan trọng. Vì vậy, trong giai đoạn hiện nay, cán bộ lãnh đạo và người đứng đầu cần phát huy tốt tính tiên phong, gương mẫu trong các công việc hằng ngày tại cơ quan, đơn vị.

Thứ ba, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Mỗi cán bộ, đảng viên cần thường xuyên học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lấy đó là kim chỉ nam cho mọi hoạt động, không ngừng học tập và rèn luyện để nâng cao tinh thần tự giác và trách nhiệm đối với bản thân và tổ chức đảng. Đặc biệt là quan điểm của Người

về tự phê bình và phê bình để thông qua đó góp phần nhìn nhận và khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của bản thân và của đồng chí, đồng nghiệp để cùng nhau tiến bộ hơn trong tương lai, nhằm xây dựng đội ngũ đảng viên “vừa hồng, vừa chuyên” và xây dựng Đảng ta ngày càng phát triển trong sạch, vững mạnh.

Thứ tư, phát huy vai trò giám sát của Nhân dân trong thực hiện tự phê bình và phê bình.

Thường xuyên tổ chức các buổi tiếp xúc cử tri, đối thoại với Nhân dân để tiếp thu những ý kiến, kiến nghị về các hạn chế, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên trong quá trình thực thi công vụ. Xây dựng các hòm thư góp ý, đường dây nóng, các kênh truyền thông để nhận được những phản ánh của Nhân dân để cho cán bộ, đảng viên nhìn nhận và khắc phục. Đồng thời khuyến khích sự tham gia của Nhân dân trong việc giám sát thực hiện tự phê bình và phê bình, qua đó đảm bảo được tính công khai, minh bạch trong các hoạt động công vụ.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng về công tác tự phê bình và phê bình.

Xây dựng cơ chế để kiểm tra, giám sát việc thực hiện tự phê bình và phê bình trong các tổ chức đảng, bảo đảm thực hiện nghiêm túc và hiệu quả. Đưa thực hiện nguyên tắc này là một trong những tiêu chí đánh giá đảng viên và chi bộ trong sạch, vững mạnh. Cần xử lý nghiêm minh để giáo dục răn đe, giữ gìn kỷ luật Đảng đối với những đảng viên, tổ chức đảng vi phạm, đấu tranh kiên quyết, xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên có thái độ và hành động không đúng đối với người phê bình thẳng thắn; xử lý kiên quyết, thích đáng những người lợi dụng phê bình để vu khống, xuyên tạc, chia rẽ nội bộ và trả thù cá nhân, lợi dụng phê bình để truyền bá quan điểm sai trái.

3. Kết luận

Tự phê bình và phê bình theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là một nguyên tắc và phương pháp rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên mà còn là nền tảng quan trọng giúp Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng tự đổi mới, tự chỉnh đốn để góp phần xây

dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. Tư tưởng này đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải có thái độ chân thành, thẳng thắn và trách nhiệm, đồng thời luôn hướng tới mục tiêu xây dựng và phát triển chứ không phải công kích, chia rẽ. Thực hiện tốt nguyên

tắc này không chỉ giúp Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh mà còn là yếu tố then chốt để Đảng giữ vững vai trò lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng hiện nay.□

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.I.
2. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Nguyễn Cao Lâm, Trần Hải Hà (2024): *Nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc xây dựng Đảng hiện nay*, Nxb.Đại học Huế.
4. Mạch Quang Thắng (2022): *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo sự chỉ dẫn của tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb.Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trần Đình Huỳnh, Đỗ Minh Tuấn (2021): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và chỉnh đốn Đảng*, Nxb. Hà Nội.

VẬN DỤNG PHONG CÁCH LÀM VIỆC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀO HOẠT ĐỘNG CÔNG VỤ HIỆN NAY

LÊ TRẦN MINH SA*

Tóm tắt: Phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là phong cách mẫu mực của một lãnh tụ chính trị và nhà khoa học chân chính, thể hiện rõ sự thống nhất biện chứng giữa tính chính trị - giai cấp, tính khoa học, thẩm nhuần chủ nghĩa nhân văn cao cả và triết lý hành động vì con người của một nhà văn hóa lớn. Cán bộ, công chức, viên chức cần phải học tập, vận dụng phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hoạt động công vụ để phục vụ tốt nhất cho Nhân dân. Bài viết nghiên cứu làm rõ phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ đó đưa ra một số yêu cầu đối với cán bộ, công chức, viên chức về việc vận dụng phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hoạt động công vụ hiện nay.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, phong cách làm việc, hoạt động công vụ...

1. Đặt vấn đề

Trong mục tiêu chung của cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 xác định cần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước... Từ đó, có thể khẳng định rằng mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị khi thực thi nhiệm vụ cần xây dựng thái độ, phong cách làm việc chuyên nghiệp nghiêm túc, là hình ảnh đại diện cho Nhà nước trước Nhân dân. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải thường xuyên học tập, vận dụng phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh để hoàn thành tốt công việc được giao để phụng sự Tổ quốc, phục vụ tốt hơn cho quần chúng Nhân dân. Vì vậy, nghiên cứu làm rõ phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ là cơ sở để cán bộ, công chức, viên chức học tập, vận dụng trong hoạt động công vụ là một nội dung quan trọng, cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phong cách làm việc trong hoạt động công vụ

Hoạt động công vụ là hoạt động được tiến hành trên cơ sở pháp luật nhằm thực hiện các chức năng của nhà nước vì lợi ích xã hội. Đây là loại hoạt động có tính tổ chức cao, được tiến hành thường xuyên, liên tục theo trật tự do pháp luật quy định dựa trên cơ sở sử dụng quyền lực nhà nước và được bảo đảm bằng quyền lực nhà nước. Hiện nay, ngoài hoạt động công vụ do cán bộ, công chức là người làm cho nhà nước thực hiện còn có các hoạt động do nhà nước trao quyền cho các cá nhân, tổ chức thực hiện. Để hoạt động công vụ đạt được hiệu quả cao, phục vụ tốt cho người dân thì cần có nhiều yếu tố như: cơ sở vật chất, môi trường làm việc, phong cách, tác phong làm việc. Trong đó, phong cách, tác phong làm việc của người thực thi công vụ rất quan trọng. Phong cách làm việc của cá nhân sẽ ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả chung của hoạt động công vụ.

Phong cách làm việc là cách thức thực hiện công việc thường xuyên, mang sắc thái riêng của mỗi người. Phong cách làm việc phụ thuộc

(*) Thạc sĩ, Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học.

vào nhiều yếu tố, như: phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực, khí chất của cá nhân; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, điều kiện làm việc, sinh hoạt; sự giáo dục, rèn luyện... Trong hoạt động công vụ mỗi cán bộ, công chức sẽ giữ vị trí, công việc nhất định. Ở đó, sẽ có những vị trí nhiệm vụ tương đồng nhau, tuy nhiên mỗi người có cách sắp xếp, xử lý công việc khác nhau, dần dần sẽ hình thành nên phong cách riêng, mang lại dấu ấn cá nhân của mỗi người. Trong môi trường công vụ, phong cách làm việc sẽ là một trong những căn cứ để đánh giá năng lực của cán bộ, công chức viên chức. Song song đó, khi công chức, viên chức tiếp xúc với người dân, phong cách làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp sẽ tạo được thiện cảm, góp phần khẳng định đội ngũ cán bộ, công chức thực sự là “công bộc của dân”.

2.2. Phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh dựa trên nguyên tắc “bất biến” là mọi quyền lực, lợi ích đều thuộc về Nhân dân và nguyên tắc phục tùng tổ chức, đoàn thể cách mạng. Phong cách làm việc của Bác được thể hiện qua tư tưởng và thực tế làm việc, phong cách này của Người mang sắc thái riêng của một vĩ nhân, nhưng lại không xa lạ, không cầu kỳ. Nghiên cứu về phong cách làm việc của Hồ Chí Minh, nhận thấy rằng có nhiều điều để cán bộ, công chức, viên chức học tập và nhất là trong bối cảnh thực hiện cải cách chế độ công vụ nhằm xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài.

Thứ nhất, phong cách làm việc phải có tính đảng, tính nguyên tắc cao, đồng thời năng động, sáng tạo, nhạy cảm với cái mới.

Đây là hai mặt của một yêu cầu thống nhất, không thể tách rời trong phong cách làm việc của người lãnh đạo. Tính đảng, tính nguyên tắc cao trong phong cách làm việc thể hiện rõ trong việc luôn giữ vững lập trường, quan điểm, đường lối của Đảng; tôn trọng pháp luật; chấp hành nghiêm túc, tự giác các nguyên tắc, chế độ, kỷ luật công tác, nghiêm khắc với bản thân; bảo vệ cái đúng, đấu tranh phê phán cái sai. Phong cách năng động, sáng tạo biểu hiện trước hết ở tính chủ động, sáng tạo. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng ai không có sáng kiến thì không phải người lãnh đạo.

Những sáng kiến trong thực tiễn công tác đó là cụ thể hóa quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng cho phù hợp với địa phương, đơn vị; thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp theo hướng hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả công tác. Mặt khác, sự năng động, sáng tạo chỉ thành công khi nó được thực hiện trên cơ sở những định hướng đúng đắn, những nguyên tắc nhất định. Không thể nhân danh năng động, sáng tạo mà bỏ qua các nguyên tắc từ đó sẽ dẫn đến sai lầm, thất bại. Hiện nay, trước những yêu cầu mới của công tác đòi hỏi cán bộ, công chức, viên chức phải xử lý tốt giữa yêu cầu năng động, sáng tạo và giữ vững những nguyên tắc chính trị. Phải rèn luyện bản lĩnh chính trị và sự cảnh giác cao độ trước những thủ đoạn tinh vi tấn công vào đội ngũ cán bộ, công chức của các thế lực thù địch, các phần tử cơ hội và chính kẻ địch trong bản thân mỗi người.

Thứ hai, phong cách làm việc không cố chấp, bảo thủ, luôn đổi mới.

Hồ Chí Minh từng nói: “Tư tưởng bảo thủ là như những sợi dây cột chân cột tay người ta... Muốn tiến bộ thì phải có tinh thần mạnh dạn, dám nghĩ dám làm”¹. Có thể thấy phong cách của Người là luôn luôn đổi mới, không chấp nhận tư duy “lối mòn”, kinh nghiệm chủ nghĩa, mà phải luôn cải tiến để ngày càng tốt hơn. Cuộc đời Người là một tấm gương tuyệt vời về đổi mới, có sức khơi gợi, kích thích sự thay đổi, sáng tạo cho mỗi chúng ta. Đây cũng là phong cách làm việc mà công chức, viên chức cần có trong giai đoạn thực hiện chuyển đổi số hiện nay. Để làm được điều đó, công chức, viên chức cần thay đổi nhận thức, không bảo thủ để học hỏi các kỹ năng, cách thức làm việc mới. Rèn luyện khả năng làm việc bất cứ lúc nào, làm việc ở bất cứ đâu để phù hợp với các nhiệm vụ trong các hoạt động công vụ.

Thứ ba, phong cách vừa làm việc vừa tự học hỏi để trau dồi và nâng cao tri thức.

Để đáp ứng với những yêu cầu mới trong công việc hàng ngày đặt ra Người thường nhắc nhở cán bộ: “Học hỏi là một công việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày càng

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.13, tr. 340.

đổi mới, nhân dân ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân”². Trong môi trường công vụ, cơ hội học tập cho cán bộ, công chức, viên chức luôn được các cấp lãnh đạo quan tâm, hiện nay việc học trực tuyến rất thuận lợi. Do đó, đội ngũ cán bộ, công chức cần có năng lực tự nghiên cứu, sáng tạo chủ động học tập nâng cao kỹ năng nghiệp vụ để làm chủ công nghệ mới, sử dụng thành thạo công nghệ để phục vụ công việc trong môi trường số.

Thứ tư, phong cách làm việc đúng giờ, khách quan khoa học, tôn trọng công việc và tôn trọng con người.

Một ngày làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu từ rất sớm: “Khi đài tiếng nói Việt Nam mở nhạc hiệu thì Bác cũng bật đèn phòng ngủ. Bác làm suốt cả ngày, nhiều hôm đến tận đêm khuya”³. Trong một ngày, Người giải quyết rất nhiều công việc từ tiếp cán bộ, tiếp khách ngoại giao, đi thăm cơ sở, họp Bộ Chính trị, nghiên cứu tài liệu, viết báo, viết thư.v.v... Sự phân bổ thời gian hợp lý, khoa học đã giúp Người tiết kiệm nhiều thời gian và giải quyết hiệu quả một khối lượng công việc đồ sộ, phức tạp trên cương vị một người lãnh đạo đất nước. Người quý trọng thời gian của mình bao nhiêu, thì cũng quý thời gian của người khác bấy nhiêu. Vì thế, không bao giờ để bất cứ ai phải đợi mình, đã hẹn là đến, đã hứa là làm, hẹn đồng chí nào giờ nào đến gặp, đến đúng giờ ấy là thấy Người đã chờ sẵn, hẹn cán bộ, quần chúng nào, dù khó khăn đến mấy cũng đến và đến đúng giờ. Học tập phong cách của Bác, trong thời đại ngày nay với những biến đổi nhanh chóng, phức tạp do tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và tình hình chính trị, kinh tế đa dạng, diễn biến khó lường, vấn đề xây dựng phong cách làm việc có tính khách quan, khoa học càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Phong cách làm việc khách quan, khoa học được biểu hiện rõ ở chỗ khi làm xong một công việc, dù thành công hay thất bại đều có tổng kết rút kinh nghiệm để tiến hành những công việc khác tốt hơn.

Thứ năm, phong cách làm việc sâu sát cơ sở, gần bó chặt chẽ với quần chúng.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn căn dặn đội ngũ cán bộ các cấp phải bám sát cơ sở, hòa mình với người dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Bác nhắc nhở: “Nếu không đi sâu, đi sát cơ sở, nắm vững tình hình... thì các đồng chí làm thế nào có thể vận dụng đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, chủ trương của tỉnh vào huyện mình?”⁴. Cơ sở là nơi quần chúng nhân dân, đảng viên sống và làm việc. Đây còn là nơi đường lối, chủ trương lãnh đạo được kiểm nghiệm qua thực tế. Bởi vậy, có sâu sát cơ sở, gần bó với quần chúng, dựa vào quần chúng thì người cán bộ lãnh đạo mới kịp thời chỉ đạo thực hiện các quyết định lãnh đạo của mình, biết được chỗ đúng chỗ sai, chủ trương phù hợp hay chưa phù hợp, từ đó mà điều chỉnh hoạt động lãnh đạo của mình. Đồng thời, sâu sát cơ sở mới giúp người cán bộ thu nhận, học hỏi được những kinh nghiệm từ thực tiễn, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

2.3. Yêu cầu đối với cán bộ, công chức, viên chức về việc vận dụng phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hoạt động công vụ hiện nay

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là lực lượng đi đầu, nòng cốt trong thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nhịp cầu nối liên giữa Đảng, Chính phủ và Nhân dân. Tác phong làm việc của đội ngũ này sẽ là thước đo, tác động trực tiếp đến chất lượng phục vụ Nhân dân. Do đó, để nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ cần quan tâm nhiều hơn đến phong cách, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, viên chức. Từ việc nghiên cứu phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh chúng ta rút ra được những vấn đề cần học tập, vận dụng trong công tác hiện nay. Mục tiêu cuối cùng là để từng cá nhân cán bộ, công chức, viên chức hoàn thiện bản thân mình và phục vụ tốt nhất cho công việc. Những nội dung cần học tập và thực hiện trong hoạt động công vụ như sau:

Một là, đối với phong cách làm việc phải có tính đảng, tính nguyên tắc cao, đồng thời năng động, sáng tạo, nhạy cảm với cái mới cán

(2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.377.

(3) Thư ký Bác Hồ kể chuyện, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, tr.303.

(4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.277.

bộ, công chức, viên chức cần thường xuyên tự tu dưỡng, rèn luyện thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm khắc tự rút kinh nghiệm trong công tác, có thái độ cầu thị, nghiêm túc và khiêm tốn trong tiếp thu ý kiến góp ý. Có ý thức khắc phục bệnh “lười” học tập lý luận chính trị, quán triệt quan điểm biện chứng và nguyên lý phát triển khi học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Biết khắc phục mọi khó khăn để phấn đấu vươn lên, phát huy tinh thần tự chủ trong các hoạt động công vụ. Song song đó, cần tôn trọng và làm việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chương trình, kế hoạch đã đề ra, tránh lối làm việc ngẫu hứng, tùy tiện. Điều đó thể hiện sự tôn trọng và trách nhiệm đối với công việc được giao và đối với đồng nghiệp, đối với Nhân dân.

Hai là, trong hoạt động công vụ, cán bộ, công chức cần rèn luyện phong cách làm việc không bảo thủ, luôn đổi mới. Muốn được như vậy cần có tinh thần cầu thị, không ngừng học tập, trau dồi kiến thức, dung nạp cái mới để bản thân ngày càng tiến bộ, học ở trường lớp học ở đồng nghiệp; sẵn sàng thích nghi và chấp nhận thử thách, xem thất bại là cơ hội để học hỏi, rút kinh nghiệm. Không chấp nhận tư duy lối mòn, kinh nghiệm chủ quan, cần hướng tới sự đổi mới, hiệu quả để phục vụ tốt hơn trong công việc từ đó đem lại hiệu quả phục vụ tốt nhất cho người dân.

Ba là, cán bộ, công chức, viên chức cần nâng cao kỹ năng tự học để trau dồi tri thức, chủ động tìm kiếm kiến thức mới để phục vụ tốt hơn cho công việc; phải xác định mục tiêu học tập rõ ràng và thời hạn để theo đuổi mục tiêu. Từ đó lập kế hoạch cụ thể cho mục tiêu. Sử dụng nhiều phương pháp học tập khác nhau như thảo luận, tham gia vào các nhóm, diễn

đàn nghề nghiệp để trao đổi kinh nghiệm; biết cách duy trì động lực học tập, vượt qua sự lười biếng, mất tập trung.

Bốn là, xây dựng rèn luyện phong cách làm việc khách quan, khoa học, đòi hỏi người cán bộ công chức trong xử lý công việc cần điều tra, nghiên cứu, phân tích toàn diện; phải tôn trọng quy trình ra quyết định, xây dựng nhiều phương án có tính dự báo tình hình, tranh thủ ý kiến chuyên gia. Cần chủ động nghiên cứu cải tiến quy trình làm việc, không thụ động, chờ sự phân công rồi mới thực hiện. Không ngại khó khi được phân công những công việc mới, tham khảo ý kiến của đồng nghiệp, của những người có kinh nghiệm.

Năm là, để hình thành nên phong cách làm việc sâu sát cơ sở, gần bó chặt chẽ với quần chúng thì cán bộ, công chức phải luôn gần gũi, lắng nghe ý kiến quần chúng nhân dân, biết dựa vào quần chúng để làm việc; song song đó cần chủ động tìm ra những hình thức tổ chức, cách làm việc phù hợp với trình độ, tâm lý, tập quán của quần chúng; cách tổ chức và làm việc nào không hợp với đa số người dân thì cần thay đổi.

3. Kết luận

Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài... là một trong những mục tiêu cải cách chế độ công vụ ở Việt Nam hiện nay. Theo đó, với mục tiêu phục vụ tốt nhất cho người dân thì đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phải tự trau dồi bản thân mình, học tập và thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao. Song song đó, thái độ, tác phong làm việc cũng phải được chú trọng để tạo được tác phong làm việc chuyên nghiệp. Từ đó, góp phần xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, hiện đại, phù hợp với mục tiêu phát triển của đất nước. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đặng Văn Mỹ (2025): “Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị Châu Văn Đăng tỉnh Bạc Liêu phát huy tính năng động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, <https://tct.baclieu.gov.vn>.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, T.10, T.13, T.15.
3. Thư ký Bác Hồ kể chuyện, Nxb CTQG, H. 2005, tr.303.
4. Trần Thị Minh Tuyết (2025): “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phong cách làm việc của người cán bộ”, truy cập tại https://tcnn.vn/news/detail/36950/Tu_tuong_Ho_Chi_Minh_ve_phong_cach_lam_viec_cua_nguoi_can_boall.html.

XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ THEO QUY ĐỊNH 144 -QĐ/TW

NGUYỄN THỊ HIỀN*

Tóm tắt: Phát triển đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới đòi hỏi phải toàn diện cả về trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức cách mạng để đủ năng lực phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Vì vậy, xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị là một nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới theo Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị, bài viết đưa ra những yêu cầu về xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu hiện nay về chuyên môn, phẩm chất đạo đức, kỹ năng.

Từ khóa: Giảng viên, đạo đức cách mạng, lý luận chính trị, Quy định 144...

1. Đặt vấn đề

Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã từng quán triệt với bao thế hệ thầy giáo, cô giáo về: “Nghề dạy học là nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý, nghề sáng tạo nhất trong những nghề sáng tạo vì nó đã sáng tạo ra những con người sáng tạo”¹. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Không có thầy giáo thì không có giáo dục... Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế, văn hóa”². Điều đó cho thấy, người thầy có tầm quan trọng rất lớn trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”³, “huấn luyện

cán bộ là công việc gốc của Đảng”⁴. Để nâng tầm nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới, mọi cán bộ, đảng viên phải cố gắng học tập (LLCT), coi việc học tập LLCT là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và thường xuyên. Để trang bị những kiến thức sâu rộng về LLCT, lập trường tư tưởng vững vàng, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, người thầy giáo giảng dạy LLCT (giảng viên) cần có kiến thức, trình độ, kỹ năng, phương pháp và nhiều yếu tố, phẩm chất chung của nghề giáo, trong đó quan trọng nhất là phẩm chất, chuẩn mực đạo đức cách mạng trong mỗi giảng viên giữ vai trò quan trọng, quyết định đến việc hình thành, phát triển thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng cho học viên.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Yêu cầu chung đối với giảng viên giảng dạy lý luận chính trị

(*) Thạc sĩ, Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang.

(1) Bài nói tại Trường đại học Sư phạm Hà Nội, ngày 20-7-1959.

(2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.345.

(3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.309.

(4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.280.

Giảng viên giảng dạy LLCT, trước hết cần phải có phẩm chất chính trị: tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Nhân dân; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Cùng với phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống cũng là một trong những yếu tố quan trọng mà giảng viên giảng dạy LLCT cần phải có: lối sống trong sạch, giản dị, chân thành, trung thực, thân thiện; yêu nghề, say mê cống hiến trong giảng dạy, trong nghiên cứu.

Bên cạnh rèn đức, giảng viên giảng dạy LLCT cần phải luyện tài. Bởi đây là “nghề sáng tạo nhất trong những nghề sáng tạo vì nó đã tạo ra những con người sáng tạo”, nên yêu cầu giảng viên cần thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn, kiến thức khoa học, thực tiễn; phải trau dồi kỹ năng sư phạm: nói và viết súc tích, rõ ràng, phù hợp với đối tượng. Như vậy, để trở thành giảng viên giảng dạy LLCT, giảng viên phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng; không ngừng nâng cao kiến thức chuyên môn; kiến thức khoa học và kỹ năng nghề nghiệp nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Những yêu cầu về phẩm chất, năng lực đặc thù của giảng viên lý luận chính trị là một trong những tiêu chí quan trọng trong đánh giá, nhận xét giảng viên giảng dạy LLCT. Đồng thời là yêu cầu cấp bách đặt ra của thực tiễn hoạt động giảng dạy LLCT, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục LLCT, góp phần xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập với nhiều thời cơ và thách thức mới đan xen.

2.2. Những yêu cầu về xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị theo Quy định số 144-QĐ/TW

Trong bối cảnh mới, để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ, mỗi giảng viên giảng dạy LLCT phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, đặc biệt “tự soi, tự sửa” theo “cầm nang” - Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới. Với 5 điều cốt lõi, súc tích, ngắn gọn nhưng chứa đựng nhiều nội hàm

sâu sắc về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Thực hiện Quy định số 144-QĐ/TW, đội ngũ giảng viên giảng dạy LLCT cần chú ý quán triệt, vận dụng trong xây dựng những chuẩn mực đạo đức của bản thân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao.

Một là, yêu nước, tôn trọng Nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc.

Giảng viên giảng dạy LLCT phải tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với sự nghiệp cách mạng; thể hiện được tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc thông qua các bài giảng trên lớp, các công trình khoa học... Giảng viên truyền đạt giúp cho người học thấm nhuần đạo đức của người cách mạng, trung thành với lý tưởng của Đảng, thấm nhuần tư tưởng phải hết lòng hết sức phục vụ Đảng, Tổ quốc và Nhân dân.

Giảng viên phải luôn gần gũi, gần bó với học viên; luôn phát huy dân chủ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tạo điều kiện để người học phát huy tính sáng tạo, tích cực trong học tập; luôn đặt người học ở vị trí “trung tâm”; đồng thời kiên quyết chống lại những biểu hiện lệch lạc, “bệnh lười học” LLCT.

Hai là, bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập.

Giảng viên giảng dạy LLCT phải kiên định, bản lĩnh, vận dụng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đảm bảo những giá trị bền vững của tư tưởng, chủ nghĩa ấy soi sáng, dẫn dắt trong nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Để làm được điều đó, giảng viên giảng dạy LLCT phải luôn đổi mới, sáng tạo, thực sự đem lý luận đó hòa cùng hơi thở đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương, sát với thực tiễn dân sinh, tiến cùng nhịp tiến của thời đại. Qua đó, từng bước nâng cao bản lĩnh chính trị, thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng; củng cố và tăng thêm niềm tin vững chắc vào sự nghiệp cách mạng của Đảng; nâng cao nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên; biến lý luận thành hành động tự giác của hàng triệu quần chúng tham gia vào các phong trào hành động cách mạng ở địa phương

một cách tích cực và hiệu quả.

Bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập của giảng viên còn thể hiện thông qua nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đội ngũ giảng viên có thể tham vấn chính sách cho địa phương nhằm xác định chủ trương, giải pháp công tác trong mỗi giai đoạn cách mạng phù hợp với thực tế từng địa phương, lãnh đạo Nhân dân đấu tranh thực hiện mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Thông qua nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, mỗi giảng viên LLCT không ngừng tìm hiểu, lý giải những quan điểm còn trái ngược, những vấn đề lý luận và thực tiễn còn chưa thống nhất. Trên cơ sở nắm được sự thay đổi diễn ra của thực tiễn ở các địa phương, đội ngũ giảng viên lý luận chính trị nhận thức, đánh giá và tham vấn khoa học, góp phần đảm bảo yêu cầu lý luận gắn thực tiễn.

Thông qua giảng dạy, giảng viên khẳng định cho người học những giá trị đúng đắn của LLCT; bồi dưỡng cho học viên thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng, niềm tin, lý tưởng cộng sản, có khả năng nhận biết và đấu tranh có hiệu quả với những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Từ đó, định hướng học viên theo đúng lập trường, tư tưởng của Đảng, nâng cao ý thức giác ngộ lý tưởng cách mạng cho học viên.

Thực tiễn cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa có nhiều vấn đề mới nảy sinh cần khái quát, hướng dẫn của lý luận. Do đó, cần phải tổng kết thực tiễn để phát triển thành lý luận nhằm giải quyết yêu cầu đó. Vì vậy, đội ngũ giảng viên LLCT cần thể hiện trí tuệ, bản lĩnh, lý luận sắc bén và tư duy khoa học, đặc biệt là sự nhạy cảm về chính trị và dũng khí để tham gia vào đấu tranh phản bác trên mặt trận tư tưởng, văn hóa.

Giảng viên giảng dạy LLCT cần thường xuyên đổi mới phương pháp dạy để nâng cao tính chủ động, tích cực, sáng tạo của người học trong việc tiếp cận tri thức mới. Giảng viên cần toàn tâm, toàn lực cống hiến cho công tác đào tạo, bồi dưỡng LLCT; chung tay khơi dậy khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc của Đảng; lấy hiệu quả phục vụ, thành công, hạnh phúc của học

viên, phát triển của quê hương, đất nước làm mục tiêu phấn đấu, tất cả vì sự nghiệp: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ba là, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Giảng viên giảng dạy LLCT phải không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ và kỹ năng nghiệp vụ; tâm huyết, trách nhiệm, mẫn cán, tận tụy với công việc nghiên cứu, giảng dạy; tiết kiệm, không xa hoa, lãng phí; giữ mình trong sạch, không tham nhũng, tiêu cực, không gây phiền hà, sách nhiễu cho người học; trung thực, ngay thẳng, công tâm, khách quan đối với người học, với đồng nghiệp và những người xung quanh.

Bên cạnh đó, giảng viên phải rũ bỏ lòng tham, không chỉ tiền tài vật chất mà cả danh vọng, địa vị, chức vụ. Phải luôn ý thức và làm đúng trách nhiệm, bổn phận của mình đó là phải truyền thụ tri thức cho học viên để giúp họ nâng cao trình độ lý luận và năng lực công tác; không được lợi dụng quyền hạn của mình mà gây khó khăn, phiền hà cho người học. Có như vậy mới giữ đúng nghĩa của chữ “thầy” và học viên mới tôn trọng nhân cách của người thầy, những nội dung bài giảng của thầy mới thuyết phục được người học.

Mỗi giảng viên khi thực hiện bất cứ công việc gì cũng phải luôn phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, làm đúng nhiệm vụ và chức trách người giảng viên, đặt việc công lên trước, lên trên việc tư. Ngoài việc chuyên môn, khi được phân công phụ trách việc gì thì phải nhiệt tình, có trách nhiệm cao, làm đến nơi, đến chốn, không ngại khó khăn, gian khổ. Đồng thời, giảng viên phải thể hiện tinh thần khách quan, công bằng trong đánh giá đúng thực chất năng lực của đồng nghiệp, của người học, không thiên tư, thiên vị.

Bốn là, đoàn kết, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm.

Để thật sự đoàn kết, tình thương yêu cầu giảng viên phải có tinh thần chia sẻ, phối hợp, giúp đỡ học viên, đồng chí, đồng nghiệp trong công việc và cuộc sống; bao dung, độ lượng, sẵn sàng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đồng chí, đồng nghiệp;

kiên quyết chống các biểu hiện gây chia rẽ, bè phái, đổ kỵ, cục bộ, lợi ích nhóm; thẳng thắn tự phê bình và phê bình trên tinh thần cầu thị, cùng tiến bộ; tôn trọng tập thể, mình vì mọi người.

Việc đề cao tính kỷ cương chính là yêu cầu giảng viên phải nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật, nghiêm túc chấp hành qui chế, qui định của Đảng, Nhà nước và của Nhà trường, đồng thời tuyên truyền giúp học viên cùng thực hiện tốt. Chấp hành sự chỉ đạo, điều hành phân công nhiệm vụ của tổ chức theo nguyên tắc: cá nhân tôn trọng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiểu số phục tùng đa số; đồng chí, đồng nghiệp tôn trọng lẫn nhau vì sự phát triển.

Giảng viên cần phải tâm huyết với nghề, có ý thức giữ gìn danh dự của nhà giáo, có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, tận tình, giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp, ứng xử với học viên, đồng nghiệp chân thành, gần gũi, có tinh thần đảm bảo vệ lẽ phải, đấu tranh chống những biểu hiện sai trái.

Năm là, gương mẫu, khiêm tốn, tu dưỡng, rèn luyện, học tập suốt đời.

Giảng viên phải nêu gương thực hành các giá trị chuẩn mực về đạo đức: kiên định, kỷ cương, dân chủ, đoàn kết, nêu gương, đổi mới sáng tạo; nêu gương về tinh thần học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên

môn, nghiệp vụ, phát triển phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; nêu gương trong chủ động, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn, tạo ra sự thay đổi tích cực của bản thân, tập thể; dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn và dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ; có trách nhiệm trong tham mưu, đề xuất và thực hiện nhiệm vụ; làm việc tâm huyết, tận tụy, trách nhiệm, chuyên nghiệp, khoa học, hiệu quả. Nói đi đôi với làm, thu hẹp khoảng cách giữa chủ trương, kế hoạch với tổ chức thực hiện; nói và làm đúng vị trí, đúng vai, đúng việc.

3. Kết luận

Thực hiện Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới nhằm xây dựng chuẩn mực đạo đức cho giảng viên LLCT là yêu cầu quan trọng, cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp giảng viên giảng dạy LLCT hoàn thành nhiệm vụ đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo phương châm nghiên cứu thực chất; dạy thực chất - học thực chất - kết quả thực chất; cống hiến, phục vụ thực chất; phục vụ tốt cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, tiến tới xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh và hạnh phúc. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Chính trị (2024): Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.
2. Nguyễn Thị Kim Dung (2016): “Người lãnh đạo hết lòng với sự nghiệp giáo dục - đào tạo”, <https://nhandan.vn/nguoi-lanh-dao-het-long-voi-su-nghiep-giao-duc-dao-tao>.
3. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, tập 5, 10, Hà Nội.

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TIỀN GIANG TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHỐI HỢP THỰC HIỆN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG*

Tóm tắt: *Phối hợp là một phương thức, một hình thức, một quy trình kết hợp hoạt động của tổ chức, cá nhân lại với nhau để bảo đảm cho cơ quan, tổ chức đó thực hiện được đầy đủ, hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, nhằm đạt được các lợi ích chung. Trong những năm qua, Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang luôn thực hiện tốt công tác phối hợp để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao, bài viết nghiên cứu sự cần thiết phối hợp công tác và đề xuất một số giải pháp tăng cường công tác phối hợp giữa Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang với các cơ quan, địa phương nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học trong thời gian tới.*

Từ khóa: *Trường chính trị, công tác phối hợp, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học...*

1. Đặt vấn đề

Thực hiện Quy định số 09-QĐ/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 1047-QĐ/TCT ngày 08/3/2019 của Tỉnh ủy Tiền Giang về Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang; Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang thường xuyên, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học gắn với địa phương, cơ sở, nhiệm vụ này đòi hỏi cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ. Do đó, để hoàn thành tốt nhiệm vụ, để giải quyết những vấn đề khó khăn cần phải có sự kết nối các hoạt động, hỗ trợ, hợp tác giữa các khoa, phòng, giảng viên, viên chức

trong trường, và đặc biệt là phối hợp với các cơ quan, tổ chức của tỉnh, các địa phương có liên quan. Đây là yêu cầu cần thiết, nhất là hướng đến hoàn thành các tiêu chí xây dựng Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang đạt chuẩn mức 2 theo Quy định số 11-QĐ/TCT và Đề án đã được Tỉnh ủy phê duyệt.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học ở Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang trong thời gian qua

Một là, phối hợp trong thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.

Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị; chủ trương, đường lối của

(*) Thạc sĩ, Phó Trưởng Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu.

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Với chức năng trên, trường chính trị đã chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện các nội dung như: xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo từng loại hình, chức danh, đối tượng; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm; thực hiện chiêu sinh, tuyển sinh; xác định thời điểm mở lớp; tổ chức thực hiện các lớp... đảm bảo đúng quy chế, quy định, giúp trường chính trị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Hai là, phối hợp trong biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Biên soạn sách, tài liệu phục vụ chương trình đào tạo, bồi dưỡng là một trong những nội dung góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của nhà trường. Trường Chính trị đã phối hợp với Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ xây dựng chương trình và tổ chức biên soạn tài liệu bồi dưỡng cho Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026; phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng chương trình và tổ chức biên soạn 02 tài liệu bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp cho trung tâm chính trị cấp huyện; biên soạn 02 quyển Tập bài giảng: 01 quyển với chủ đề “*Tình hình nhiệm vụ tỉnh Tiền Giang*” năm 2016 và 01 quyển với chủ đề “*Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển tỉnh Tiền Giang*” năm 2021 thuộc chương trình Trung cấp lý luận chính trị theo Hướng dẫn 313-HD/HVCTQG ngày 18/9/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Ngoài ra, trong các số Thông tin Lý luận và thực tiễn 04 số/năm, Trường cũng mời tác giả ở các sở, ban, ngành tỉnh, các Trường cao đẳng, đại học; các trung tâm lý luận chính trị... trên địa bàn tỉnh tham gia viết bài với các nội dung có tính thời sự và gắn với những vấn đề của

thực tiễn đang diễn ra.

Ba là, phối hợp đánh giá tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

Trường đã phối hợp với các ban ngành đoàn thể, các lãnh đạo cơ quan đơn vị, nơi cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng trong công tác đánh giá các chương trình đào tạo, bồi dưỡng với các nội dung như: nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng; chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên; cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy... qua kết quả đánh giá giúp nhà trường đưa ra các giải pháp kịp thời để đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

Bốn là, phối hợp trong xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng.

Trường Chính trị phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu xây dựng danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành tại Quyết định số 775-QĐ/TU ngày 02/6/2023 về phê duyệt danh sách giảng viên thỉnh giảng tại trường chính trị gồm 19 đồng chí. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan trên, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong công tác xây dựng, quản lý và sử dụng và đảm bảo quyền lợi cho đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đáp ứng với nhu cầu thực tiễn đặt ra và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Năm là, phối hợp trong công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Theo Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bên cạnh việc thực hiện các chức năng như tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, trường chính trị cấp tỉnh còn phải thực hiện chức năng tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Trong thời gian qua, trường chính trị đã tăng cường phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, mở rộng mối quan hệ hợp tác

với các nhà nghiên cứu, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh để nâng cao uy tín, vị thế, vai trò của trường trong nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Kết quả, trường đã tổ chức thực hiện 04 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh; 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và 15 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường (tính từ năm 2020 đến nay), đạt tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1.

Ngoài ra, trường chính trị còn phối hợp với địa phương trong việc cử cán bộ giảng viên đi nghiên cứu thực tế có kỳ hạn tại địa phương theo Quyết định số 260-QĐ/TU ngày 19/10/2021 của Tỉnh ủy Tiền Giang phê duyệt Đề án cử giảng viên Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang đi nghiên cứu thực tế có kỳ hạn tại cơ sở. Qua đó, giúp giảng viên nắm bắt tình hình thực tế, củng cố, bổ sung lý giải những vấn đề thực tiễn đặt ra ở cơ sở nhằm phục vụ cho công tác giảng dạy; đồng thời qua đó giúp nhà trường có định hướng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đạt chất lượng, hiệu quả hơn và sát với nhu cầu cơ sở. Với phương châm “Đội ngũ giảng viên vững vàng về lý luận, nhuần nhuyễn về phương pháp, sâu sát về thực tiễn”.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trên, công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng ở trường chính trị trong thời gian qua còn gặp một số hạn chế, khó khăn như sau: (1) Công tác phối hợp đánh giá kết quả sau đào tạo, có một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, dẫn đến việc đánh giá hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng chưa toàn diện, chưa đánh giá đúng thực chất cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng. (2) Việc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nhiều nơi chưa đảm bảo đúng quy trình, tiêu chuẩn, cử cán bộ đi đào tạo nhưng chưa gắn với quy hoạch; gửi thiếu hồ sơ gây khó khăn cho công tác xét tuyển. (3) Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, một số cơ quan, tổ chức chưa có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với trường chính trị trong triển khai thực hiện kế hoạch, đặc biệt chưa có cơ chế cụ thể để kiểm tra, đánh giá, lựa chọn những cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực sự có uy tín, chất lượng để đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương, cơ sở. (4)

Một số cơ quan, đơn vị cử giảng viên thỉnh giảng không đúng đối tượng, danh sách đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt; báo cáo viên không phải là lãnh đạo, thiếu kinh nghiệm thực tiễn.

2.2. Giải pháp tiếp tục tăng cường công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học ở Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang

Thứ nhất, phối hợp trong thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị, quy chế sẽ phân định rõ trách nhiệm chủ trì, trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan; tuân thủ quy trình giải quyết công việc trong mối quan hệ phối hợp; bảo đảm mục tiêu, yêu cầu, tiến độ đề ra; bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời các nội dung liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng như: tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh; phối hợp trong xây dựng, ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; phối hợp trong đăng ký nhu cầu, phân bổ chỉ tiêu, xét tuyển, cử cán bộ đi học; cử giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên đúng đối tượng danh sách đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt, là lãnh đạo có kinh nghiệm thực tiễn...

Thứ hai, tăng cường sự phối hợp của ban ngành, đoàn thể, địa phương trong việc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng phải luôn gắn liền với công tác quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ của các địa phương, đơn vị. Trong đó, các ban ngành, đoàn thể, địa phương phải thật sự chủ động trong công tác phối hợp với trường chính trị trong xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công tác tuyển chọn, cử cán bộ đi học gắn với quy hoạch, bố trí và sử dụng. Đồng thời, việc lựa chọn, cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo đúng quy trình, đúng tiêu chuẩn.

Thứ ba, tăng cường công tác phối hợp trong quản lý giữa trường chính trị với các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cụ thể như: sắp xếp công việc, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ cử đi đào tạo, bồi dưỡng tham gia đầy đủ nội dung, chương trình khóa học; phối hợp

thực hiện có hiệu quả công tác đánh giá cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng để trường chính trị có cơ sở, căn cứ để điều chỉnh phương pháp, nâng cao hiệu quả giảng dạy, đáp ứng yêu cầu của địa phương; theo dõi, đánh giá ý thức, thái độ của học viên trong quá trình học tập, căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của học viên là một trong các tiêu chí để đánh giá cán bộ, công chức, viên chức định kỳ hàng tháng, quý, năm tại cơ quan, đơn vị, nhằm giúp học viên có tinh thần và thái độ học tập nghiêm túc, chú trọng vào chất lượng trong quá trình học tập.

Thứ tư, mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhà nghiên cứu, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh, giảng viên có năng lực nghiên cứu khoa học ở các học viện, trường đại học để nâng cao uy tín, vị thế, vai trò của trường trong nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Phối hợp với các huyện ủy, thành ủy và các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên trường

chính trị đi nghiên cứu thực tế hoặc công tác có kỳ hạn ở địa phương theo kế hoạch, đảm bảo hiệu quả, nghiêm túc, thiết thực. Qua đó, giúp nhà trường có định hướng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đạt chất lượng, hiệu quả hơn và sát với nhu cầu cơ sở.

3. Kết luận

Tăng cường phối hợp với các cơ quan, tổ chức, địa phương thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học là một trong những nội dung quan trọng, mang tính tất yếu trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang cần tiếp tục phát huy vai trò công tác phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng ở Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang - là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ duy nhất của tỉnh, đảm bảo kỷ luật kỷ cương, chất lượng, hiệu quả. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo số 63-BC/TCT ngày 25/12/2024 của Trường Chính trị về kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý, Nxb. Lý luận chính trị, H.2021.
3. Quyết định số 1047-QĐ/TU ngày 08/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tiền Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang.
4. Quyết định số 260-QĐ/TU ngày 19/10/2021 của Tỉnh ủy Tiền Giang phê duyệt Đề án cử giảng viên Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang đi nghiên cứu thực tế có kỳ hạn tại cơ sở.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY PHẦN HỌC “NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM”

(chương trình Trung cấp lý luận chính trị)

LÊ THỊ MỸ DUYÊN - NGUYỄN DƯƠNG THANH THỦY*

Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam là một phần học thuộc chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị. So với giáo trình trước đây, phần học này được rút ngắn cả về nội dung và thời lượng giảng dạy. Về kết cấu, phần học Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam gồm 4 bài: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Chính quyền địa phương ở Việt Nam; Pháp luật và hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Thực hiện pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Về tổng quan, phần học cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc, bản chất, vai trò của pháp luật nói chung, pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng; cấu trúc của hệ thống pháp luật; các hình thức thực hiện pháp luật; các yếu tố bảo đảm cho việc thực hiện pháp luật; pháp chế và các yêu cầu bảo đảm pháp chế... làm nền tảng cơ bản để học viên tiếp cận các nội dung khác có liên quan đến nhà nước và pháp luật trong quá trình học tập. Song song đó, phần học này còn đề cập đến hai nội dung lớn mang tính thời sự được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, đó là việc xây dựng Nhà nước pháp quyền và xây dựng chính quyền địa phương ở Việt Nam, nhất là trong giai đoạn cả hệ thống chính trị nỗ lực thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy, sắp xếp lại các đơn vị hành chính.

Có thể nói, so với các phần học khác trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị, nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam tuy có số bài và thời gian học ít hơn nhưng lại là một phần học quan trọng với những kiến thức liên quan đến nhà nước pháp luật, đặc biệt là những vấn đề về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật; xây dựng nhà nước pháp quyền, xây dựng chính quyền địa phương có sự thay đổi theo từng thời kỳ lịch sử, luôn có sự bổ sung và phát triển qua các kỳ Đại hội Đảng. Mặt khác, các bài giảng trong phần học liên quan đến nhiều quan điểm, chủ trương của Đảng và nhiều văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung.

Cụ thể ở Bài 2 - Chính quyền địa phương ở Việt Nam; từ khi giáo trình được phát hành vào năm 2021 đến nay, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 đã qua hai lần sửa đổi, bổ sung vào năm 2017 và 2019 và hiện nay là Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (có hiệu lực vào 01 tháng 4 năm 2025). Trong thời gian tới, Quốc hội sẽ sửa đổi, bổ sung Hiến pháp và Luật này để phù hợp với chủ trương sắp xếp lại các đơn vị hành chính và xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp. Điều này đòi hỏi giảng viên phải luôn nắm bắt thông tin kịp thời và cập nhật văn bản để thực hiện tốt nghiên cứu, giảng dạy.

Để nâng cao hiệu quả giảng dạy phần học “Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam”, giảng viên cần quan tâm thực hiện tốt một số nội dung như sau:

(*) Thạc sĩ, Khoa Nhà nước và pháp luật.

Thứ nhất, giảng viên được phân công bài giảng phải nắm vững kiến thức lý luận chung về nhà nước và pháp luật. Học viên tham gia học tập chương trình Trung cấp lý luận chính trị là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị địa phương, đã có nhiều trải nghiệm thực tế trong hoạt động công vụ, do đó yêu cầu đặt ra đối với giảng viên trong quá trình giảng bài phải có kỹ năng phân tích, luận giải vấn đề; dùng ví dụ, thực tiễn để minh họa cho lý luận về nhà nước và pháp luật; qua đó giúp bài học trở nên đơn giản, dễ hiểu, gần gũi với người học.

Thứ hai, phần học “Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam” có liên quan đến nhiều phần học khác như triết học, kinh tế chính trị, chính trị học, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước... Vì vậy, trong quá trình giảng dạy giảng viên phải nghiên cứu, tìm hiểu, mở rộng kiến thức sang những môn học có liên quan; tránh tình trạng tập trung cô đọng kiến thức trong khuôn khổ của phần học. Giảng viên phải vận dụng linh hoạt kiến thức của các phần học khác để lý giải những vấn đề có liên quan đến nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; chẳng hạn như vận dụng kiến thức triết học để lý giải một cách khoa học về nguồn gốc, bản chất của nhà nước và pháp luật...

Thứ ba, phần học “Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam” là lĩnh vực khoa học ứng dụng, trong quá trình phân tích, diễn đạt, giảng viên phải đặt mục tiêu hình thành kỹ năng cần thiết cho người học bằng cách nêu hay gợi ý tình huống để học viên xử lý trên cơ sở lý thuyết được truyền tải. Bên cạnh đó, giảng viên phải dự phòng trước những nội dung vướng mắc, tình huống

mà người học thường gặp trong thực thi công vụ, để chủ động phân tích, giải đáp hợp lý. Đồng thời, phần học “Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam” liên quan đến rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật, do đó, trước khi lên lớp, giảng viên phải nắm đầy đủ và cập nhật kịp thời các văn bản có liên quan, nhất là những văn bản mới sửa đổi, bổ sung.

Thứ tư, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một nhiệm vụ của giảng viên trường chính trị, trong đó có giảng viên giảng dạy phần học “Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam”. Điều này đặt ra yêu cầu giảng viên phải nhận thức đúng đắn về trách nhiệm không ngừng tự học, tự nghiên cứu, chủ động tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng vào các nội dung có liên quan trong bài học; nghiêm túc tham gia sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên môn, trao đổi về các vấn đề liên quan đến học thuật, chia sẻ thông tin, thể hiện lập trường tư tưởng vững vàng; nhận diện và thẳng thắn đấu tranh với những quan điểm sai trái, xuyên tạc, nhận thức chưa đúng về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tóm lại, “Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam” là phần học quan trọng trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị. Vì vậy, giảng viên khi tham gia giảng dạy không chỉ đòi hỏi phải có kiến thức chuyên ngành tốt mà còn phải am hiểu kiến thức của các môn học liên quan; linh hoạt trong việc kết hợp các phương pháp giảng dạy; có khả năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xây dựng và xử lý tình huống... Từ đó, chất lượng, hiệu quả dạy và học đối với phần học ngày càng được nâng cao đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ giảng viên trường chính trị. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Chính trị (2024): Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.
2. Nguyễn Thị Kim Dung (2016): “Người lãnh đạo hết lòng với sự nghiệp giáo dục - đào tạo”, <https://nhandan.vn/nguoi-lanh-dao-het-long-voi-su-nghiep-giao-duc-dao-tao>.
3. Hồ Chí Minh (2011): *Tòan tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, tập 5, 10, Hà Nội.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÀI “HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC” THEO HƯỚNG TÍCH CỰC

NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG*

Tóm tắt: Bài “Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị có vai trò quan trọng trong việc giúp học viên hiểu rõ lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ và vai trò của Hội trong hệ thống chính trị nước ta. Tuy nhiên, phương pháp giảng dạy truyền thống chủ yếu dựa vào thuyết trình khiến học viên tiếp thu một cách thụ động, chưa phát huy hết khả năng tư duy và sáng tạo. Bài viết đề xuất việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực như thảo luận nhóm, phương pháp tình huống, đóng vai, sơ đồ tư duy và ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả giảng dạy. Việc đổi mới này không chỉ giúp học viên nắm vững kiến thức mà còn tạo sự hứng thú trong học tập, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo lý luận chính trị.

Từ khóa: lý luận chính trị, đổi mới, phương pháp, tích cực.

1. Đặt vấn đề

Trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị, bài “Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” là một nội dung quan trọng, giúp học viên hiểu rõ về lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và vai trò của Hội trong hệ thống chính trị. Qua đó, học viên có thể vận dụng kiến thức vào thực tiễn công tác tại địa phương, cơ quan, đơn vị, đặc biệt là trong việc phối hợp với Hội Cựu chiến binh để thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy bài học này tại Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang nói riêng và các cơ sở đào tạo lý luận chính trị trên cả nước nói chung vẫn còn những hạn chế như: Phương pháp giảng dạy chủ yếu dựa vào thuyết trình;

nội dung bài học mang tính lý luận cao, ít có sự gắn kết với thực tế; thiếu các hoạt động trực quan, trải nghiệm thực tế. Vì vậy, nghiên cứu và đưa ra các giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy bài “Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” theo hướng tích cực là một nhiệm vụ quan trọng, không chỉ nâng cao hiệu quả giảng dạy mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang nói riêng và các cơ sở đào tạo lý luận chính trị trên cả nước nói chung.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp giảng dạy truyền thống và những hạn chế

Hiện nay, phương pháp giảng dạy bài “Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” tại Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang chủ yếu dựa vào

(*) Thạc sĩ, Khoa Xây dựng Đảng.

phương pháp thuyết trình. Đây là phương pháp phổ biến trong giảng dạy lý luận chính trị từ trước đến nay, với đặc điểm là giảng viên truyền đạt nội dung theo giáo trình, học viên lắng nghe, ghi chép và tiếp thu kiến thức một cách thụ động.

Trong một số trường hợp, giảng viên có thể đặt câu hỏi để học viên trả lời hoặc đưa ra ví dụ minh họa, nhưng mức độ tương tác giữa giảng viên và học viên còn hạn chế. Hình thức kiểm tra, đánh giá chủ yếu là bài tự luận, trong khi các hoạt động trao đổi, thảo luận hoặc ứng dụng thực tiễn còn ít được triển khai. Mặc dù phương pháp giảng dạy truyền thống có ưu điểm là giúp truyền tải khối lượng kiến thức lớn trong thời gian ngắn, đảm bảo tính hệ thống, nhưng trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, phương pháp này bộc lộ nhiều hạn chế, cụ thể:

Một là, học viên tiếp thu kiến thức một cách thụ động. Phương pháp thuyết trình khiến học viên chỉ nghe giảng, ghi chép mà ít có cơ hội trao đổi, tranh luận. Do không được đặt vào tình huống cụ thể hoặc không được khuyến khích suy luận, học viên dễ rơi vào trạng thái tiếp thu kiến thức một chiều, thiếu sự chủ động trong học tập. Khi học lý thuyết theo cách ghi nhớ máy móc, học viên có thể khó ứng dụng kiến thức vào thực tế công tác.

Hai là, nội dung mang tính lý luận cao, thiếu sự gắn kết với thực tiễn. Bài “*Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*” có những nội dung về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội, nhưng nếu chỉ trình bày lý thuyết thì học viên khó hình dung được vai trò thực tế của Hội trong đời sống chính trị - xã hội. Việc thiếu đi những dẫn chứng cụ thể, những mô hình hoạt động hiệu quả của Hội Cựu chiến binh tại các địa phương có thể khiến bài giảng trở nên khô khan, kém hấp dẫn. Học viên, đặc biệt là những người chưa từng làm việc trực tiếp trong Hội Cựu chiến binh, khó có thể hiểu được tầm quan trọng của tổ chức này trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Ba là, thiếu tính tương tác giữa giảng viên và học viên. Với phương pháp truyền thống, giảng viên là trung tâm của quá

trình dạy học, còn học viên đóng vai trò tiếp nhận thụ động. Học viên không có nhiều cơ hội để bày tỏ quan điểm, đặt câu hỏi hoặc phản biện, dẫn đến hạn chế trong việc phát triển tư duy phản biện và kỹ năng tranh luận. Việc giảng viên chỉ truyền đạt nội dung mà không tổ chức các hoạt động tương tác có thể khiến không khí lớp học kém sôi nổi, học viên dễ mất tập trung.

Bốn là, chưa khai thác hiệu quả các phương tiện trực quan và công nghệ thông tin. Bài giảng chủ yếu dựa vào lời nói của giảng viên, chưa tận dụng triệt để các công cụ hỗ trợ như hình ảnh, video tư liệu lịch sử, sơ đồ tư duy, bản đồ tổ chức Hội Cựu chiến binh để minh họa nội dung. Việc thiếu đi các tư liệu thực tế khiến bài học khó gây ấn tượng với học viên, trong khi đây là nội dung có liên quan mật thiết đến lịch sử và tình hình chính trị - xã hội của đất nước. Công nghệ thông tin chưa được khai thác triệt để trong giảng dạy. Việc sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học như PowerPoint, E-learning, diễn đàn trực tuyến còn hạn chế, khiến quá trình học tập chưa thực sự linh hoạt, hấp dẫn.

Năm là, chưa có nhiều hoạt động thực tế gắn với bài học. Việc học lý thuyết mà không có thực tiễn minh họa sẽ khiến học viên khó ghi nhớ và thiếu sự hứng thú trong học tập. Một số nội dung trong bài học nếu được tổ chức dưới dạng thảo luận nhóm, phân tích tình huống thực tế, đóng vai sẽ giúp học viên hiểu sâu hơn, nhưng hiện nay chưa được triển khai thường xuyên.

2.2. Phương pháp dạy học tích cực

Phương pháp dạy học tích cực là cách tiếp cận giảng dạy hiện đại, lấy người học làm trung tâm, khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của học viên thay vì truyền thụ kiến thức một chiều từ giảng viên. Phương pháp này giúp người học: Một là, tăng cường khả năng tư duy độc lập và tự khám phá kiến thức; hai là, chủ động tham gia vào quá trình học tập thông qua các hoạt động nhóm, thảo luận, tranh luận và thực hành; ba là, gắn lý luận với thực tiễn, giúp kiến thức trở nên dễ hiểu, dễ vận dụng vào công việc sau này.

Đối với các bài học trong phần “Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội” nói chung và bài *“Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”* nói riêng, việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực không chỉ giúp học viên hiểu rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, hệ thống tổ chức... của Hội Cựu chiến binh mà còn giúp học viên phát triển kỹ năng tư duy, phản biện, thuyết trình và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Bài học này có nhiều nội dung quan trọng, nhưng nếu chỉ giảng dạy theo phương pháp truyền thống (thuyết trình) thì sẽ khó khơi dậy sự hứng thú của học viên. Vì vậy, cần vận dụng các phương pháp tích cực bởi vì: Dạy học thông qua tình huống thực tiễn, giúp học viên liên hệ bài học với công việc thực tế; thảo luận nhóm, tranh luận, khuyến khích học viên tự tìm hiểu thông tin và bảo vệ quan điểm của mình; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng video, sơ đồ tư duy, bài tập trực tuyến để tăng tính trực quan.

Để triển khai thành công các giải pháp trên, cần có những điều kiện sau: Giảng viên cần được đào tạo về phương pháp giảng dạy tích cực, biết cách thiết kế bài giảng hấp dẫn, sử dụng công nghệ thông tin hiệu quả; trường cần đầu tư cơ sở vật chất như internet ở các phòng học, loa âm thanh đảm bảo khi giảng viên trình chiếu học viên nghe được âm; học viên cần có tinh thần chủ động, sẵn sàng tham gia vào các hoạt động thảo luận, tranh luận và học tập trải nghiệm; sự phối hợp với Hội Cựu chiến binh tỉnh, giúp tổ chức các buổi giao lưu, tham quan thực tế để bài học gắn kết chặt chẽ với thực tiễn.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực giúp nâng cao hiệu quả học tập bài *“Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”* thay vì truyền đạt kiến thức một chiều, giảng viên cần áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại như dạy học tình huống, thảo luận nhóm, ứng dụng công nghệ thông tin và học tập trải nghiệm. Điều này không chỉ giúp học viên hiểu sâu sắc bài học mà còn rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, làm việc nhóm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn công tác.

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy thông qua phương pháp dạy học tích cực

Một là, sử dụng phương pháp dạy học tình huống.

Mô tả tình huống thực tế, giảng viên đưa ra một tình huống có thật hoặc giả định nhưng phải gần với hoạt động của Hội Cựu chiến binh trong thực tế, chẳng hạn như ở mục 1.3. *Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Hội Cựu chiến binh Việt Nam*, giảng viên có thể đưa tình huống: “Tại một xã nông thôn, hai gia đình có tranh chấp đất sản xuất kéo dài, không tìm được tiếng nói chung. Sự việc ngày càng căng thẳng, dẫn đến mất đoàn kết trong cộng đồng. Chính quyền địa phương đã can thiệp nhưng chưa thể giải quyết triệt để.

Giảng viên gợi ý các câu hỏi giúp học viên dễ trao đổi:

Câu 1: Hội Cựu chiến binh có thể đóng vai trò gì trong tình huống này?

Câu 2: Nếu đồng chí là hội viên Hội Cựu chiến binh, đồng chí sẽ làm gì để góp phần giải quyết tranh chấp này?

Câu 3: Qua tình huống này, đồng chí rút ra bài học gì về chức năng của Hội Cựu chiến binh trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc?

Ở tình huống này học viên phân tích tình huống và mỗi nhóm đưa ra quan điểm của mình, sau đó cả lớp cùng phản biện và rút ra bài học thực tiễn. Với phương pháp này giúp học viên rèn luyện kỹ năng tư duy, xử lý vấn đề và gắn bài học với thực tiễn.

Hai là, thảo luận nhóm, tranh luận để kích thích tư duy phản biện.

Tổ chức thảo luận theo nhóm nhỏ: Mỗi nhóm sẽ được giao một chủ đề liên quan đến bài học, ví dụ: “Vai trò của Hội Cựu chiến binh trong giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh niên”; “Những khó khăn của Hội Cựu chiến binh trong giai đoạn hiện nay và giải pháp khắc phục”; “Hội Cựu chiến binh có nên mở rộng đối tượng tham gia không?”. Hoặc đi vào nội dung ở mục 2.1. *Phát huy vai trò của Hội Cựu chiến binh tham gia tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước*

giảng viên có thể cho học viên câu hỏi dạng tranh luận như:

Quan điểm A: Hội Cựu chiến binh là lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Quan điểm B: Công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách nên do các cơ quan truyền thông và chính quyền địa phương thực hiện, Hội Cựu chiến binh chỉ đóng vai trò hỗ trợ.

Câu hỏi thảo luận:

Đồng chí đồng tình với quan điểm nào hơn? Vì sao?

Nếu đồng chí là hội viên Hội Cựu chiến binh, đồng chí sẽ làm gì để nâng cao hiệu quả tuyên truyền?

Với câu hỏi này giúp học viên có cơ hội tranh luận, phân tích và hiểu sâu hơn về vai trò của Hội Cựu chiến binh trong công tác tuyên truyền.

Cách thực hiện: chia lớp thành 2 nhóm, 1 nhóm đồng tình, 1 nhóm không đồng tình cho học viên thời gian chuẩn bị, sau các nhóm trình bày ý kiến: Giảng viên đóng vai trò điều phối, đặt câu hỏi gợi mở để giúp học viên đi sâu vào vấn đề. Các nhóm sẽ tranh luận với nhau qua đó các nhóm phản biện ý kiến của nhau, từ đó làm sáng tỏ nội dung bài học. Thực hiện phương pháp này giúp học viên chủ động nghiên cứu tài liệu, phát triển tư duy phản biện và kỹ năng làm việc nhóm.

Ba là, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Trình chiếu video tư liệu về Hội Cựu chiến binh, giúp bài học trở nên sinh động hơn. Ví dụ ở mục 1.1. *Sơ lược sự ra đời của Hội Cựu chiến binh* nếu giảng viên thuyết trình sẽ làm học viên không chú ý. Giảng viên cho học viên xem đoạn phim ngắn về sự ra đời của Hội. Giảng viên đưa ra những câu hỏi ví dụ như: Hội Cựu chiến binh Việt Nam được thành lập trong bối cảnh nào? Những yếu tố nào đã thúc đẩy sự ra đời của tổ chức này? Việc thành lập Hội Cựu chiến binh có ý nghĩa gì đối với cựu chiến binh và sự phát triển chung của đất nước? Những câu hỏi này buộc học viên theo dõi phim một cách chủ động, để trả lời khi

đoạn phim kết thúc, Ở mục 1.2. *Hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam*. Giảng viên có thể sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống hóa kiến thức, giúp học viên dễ nhớ nội dung bài học. (Sơ đồ có nhiều cách và phần mềm hỗ trợ là canva).

Ngoài ra có thể giảng viên tổ chức bài tập trắc nghiệm tương tác trên nền tảng trực tuyến như wordwall.net để kiểm tra nhanh mức độ hiểu bài của học viên. Hay cho các câu trắc nghiệm trên PowerPoint. Giảng viên làm tốt phương pháp này giúp bài học sinh động hơn, thu hút học viên và nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức. Việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy không chỉ giúp nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức mà còn rèn luyện tư duy phản biện, khả năng làm việc nhóm và kỹ năng xử lý tình huống thực tế cho học viên. Đặc biệt, khi giảng dạy về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh, giảng viên cần linh hoạt sử dụng các phương pháp phù hợp với từng đối tượng học viên và bối cảnh lớp học.

Khi tổ chức giảng dạy, giảng viên cần lưu ý:

Không nhất thiết phải sử dụng tất cả các phương pháp trong một buổi học, mà nên chọn lọc từ một đến hai phương pháp phù hợp để đảm bảo hiệu quả.

Cần tùy chỉnh phương pháp giảng dạy theo đối tượng, đặc điểm của từng lớp học, tránh áp dụng máy móc gây mất hiệu quả.

Đảm bảo thời gian hợp lý, tạo không gian để học viên tương tác, trao đổi nhưng vẫn giữ được trọng tâm bài học.

Như vậy, việc đổi mới phương pháp giảng dạy không chỉ giúp học viên dễ dàng tiếp thu kiến thức mà còn giúp họ hiểu rõ hơn về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh, từ đó có ý thức vận dụng vào thực tiễn công tác.

3. Kết luận

Đổi mới phương pháp giảng dạy bài "*Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*" theo hướng tích cực không chỉ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn góp phần khơi dậy tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm và niềm tự hào dân tộc trong học

viên. Bằng cách áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại như thảo luận nhóm, tình huống thực tiễn, ứng dụng công nghệ và kể chuyện truyền cảm hứng, bài học sẽ trở nên sinh động, dễ hiểu và gắn kết hơn với thực tiễn cuộc sống. Thông qua bài giảng, học viên không chỉ nắm vững vai trò quan trọng của Hội Cựu chiến binh

Việt Nam mà còn nhận thức sâu sắc về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc tiếp nối truyền thống, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đổi mới giảng dạy không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là động lực để nâng cao hiệu quả giáo dục, giúp bài học thực sự hữu ích mang lại giá trị lý luận và thực tiễn cho người học. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Giáo trình Trung cấp lý luận Chính trị: *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội*, Nxb LLCT, Hà Nội, năm 2021.
2. Nguyễn Trần Bách Diệp: *Một số giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy ở Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa, đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hiện nay*. <http://truongchinhtrithanhhoa.gov.vn/web/trang-chu/khoa-hoc-thong-tin-tu-lieu/bai-viet-chuyen-de/mot-so-giai-phap-doi-moi-phuong-phap-giang-day-o-truong-chinh-tri-tinh-thanh-hoa-dap-ung-yeu-cau-dao-tao-boi-duong-can-bo-hien-nay.html>.
3. Trần Thị Mai Hương: *Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị trong các trường đại học*. <https://tapchicongsan.org.vn/thong-tin-ly-luan/-/2018/47728/doi-moi-phuong-phap-giang-day-cac-mon-ly-luan-chinh-tri-trong-cac-truong-dai-hoc.asp>.

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TIỀN GIANG ĐỔI MỚI CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN CÁC LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

NGUYỄN VĂN TƯƠI*

Tóm tắt: Đánh giá kết quả học tập là một khâu quan trọng nhằm xác định mức độ hiểu biết về kiến thức, kỹ năng và khả năng vận dụng của người học sau quá trình tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Qua kiểm tra đánh giá người dạy và cơ sở đào tạo so sánh kết quả đạt được so với mục tiêu đã đề ra, từ đó điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy phù hợp. Trong những năm qua, Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang đã triển khai nhiều giải pháp nhằm đánh giá một cách xác thực kết quả học tập của học viên, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng. Bài viết nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đánh giá kết quả học tập của học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang trong thời gian tới.

Từ khóa: Trường chính trị, đánh giá kết quả học tập, trung cấp lý luận chính trị...

1. Đặt vấn đề

Kết quả học tập của học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị ở trường chính trị được thể hiện qua kết quả thi hết phần học, thi tốt nghiệp, bài thu hoạch nghiên cứu thực tế, thi và viết khóa luận tốt nghiệp. Thực hiện Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành bộ Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; công tác tổ chức thi hết phần học luôn được Ban Giám hiệu Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, góp phần nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ. Đánh giá kết quả học tập của học viên có nhiều khâu, nhiều đối

tượng tham gia và đòi hỏi có sự khách quan, khoa học, phù hợp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ, công chức, viên chức tại Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát tình hình đánh giá kết quả học tập ở các lớp Trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang thời gian qua

Quy định số 09-QĐ/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định: “Trường chính trị cấp tỉnh có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận

(*) Thạc sĩ, Khoa Xây dựng Đảng.

Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương”¹.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Tiền Giang theo Quyết định số 1047-QĐ/TU ngày 08/3/2021 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang, Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang luôn xem việc đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Nhiều loại hình đào tạo, bồi dưỡng như: tập trung, không tập trung, ngắn hạn với nhiều nội dung lồng ghép, phong phú tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập nghiêm túc, đúng quy định. Bên cạnh đó, việc tổ chức thi hết phần học đã được Ban Giám hiệu đổi mới căn bản, tạo bước đột phá trong đánh giá kết quả học tập của học viên, trên tinh thần không gây áp lực cho học viên, không tiêu cực trong quá trình tổ chức thi và chấm thi. Trong quá trình học tập, học viên được giảng viên định hướng nội dung thi, cách triển khai vấn đề trong làm bài thi. Công tác đánh giá kết quả học tập của học viên thông qua thi hết phần được tổ chức nghiêm túc.

Đối với thi tốt nghiệp, viết khóa luận tốt nghiệp, căn cứ Mục 4, Mục 5 của Quy chế đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, được ban hành kèm theo Quyết định 6468-QĐ/HVCTQG; lãnh đạo phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học sẽ phổ biến quy chế ngay những ngày đầu mới khai giảng, các nội dung cụ thể về điều kiện được dự thi tốt nghiệp, tỷ lệ và điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp, giúp học viên có định hướng học tập, chuẩn bị tốt cho kỳ thi tốt nghiệp cuối khóa. Ngoài ra, nhằm nâng cao kỹ năng vận dụng lý luận với thực tiễn, chương trình học còn có một phần đi nghiên cứu thực tế. Tùy từng loại hình đào tạo, bồi dưỡng, Ban Giám hiệu sẽ chọn địa điểm và nội dung nghiên cứu thực tế phù hợp với

từng lớp để học viên đi nghiên cứu thực tế và viết bài thu hoạch, điểm bài thu hoạch đi nghiên cứu thực tế được tính là một cột điểm của khóa học.

Để đánh giá toàn diện quá trình học tập của học viên, nhà trường còn căn cứ vào điểm rèn luyện của học viên trong suốt quá trình học dựa trên các tiêu chí như: tinh thần, thái độ học tập, ý thức chấp hành nội quy của lớp, tinh thần tham gia các hoạt động tập thể, các phong trào văn nghệ - thể thao do trường, lớp tổ chức... Việc đánh giá toàn quá trình học được căn cứ vào kết quả học tập và điểm rèn luyện để đảm bảo toàn diện, khách quan quá trình học tập của học viên.

Trong thời gian qua, công tác đánh giá kết quả học tập của học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang được thực hiện khách quan, tuân thủ chặt chẽ Quy chế đào tạo của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Việc đánh giá kết quả học tập các lớp Trung cấp lý luận chính trị được Ban Giám hiệu rất quan tâm, đánh giá đúng năng lực học tập của từng học viên. Tuy nhiên, trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hiện nay, công tác đánh giá kết quả học tập của học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị cũng còn một số hạn chế về con người, cơ sở vật chất, quy trình tổ chức thực hiện...

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng đánh giá kết quả học tập của học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang trong thời gian tới

Thứ nhất, Ban Giám hiệu tiếp tục chỉ đạo các khoa chuyên môn và các phòng chức năng làm tốt công tác tham mưu chuẩn bị các khâu trong quy trình thi, đánh giá kết quả học tập của học viên. Đặc biệt là việc bổ sung, điều chỉnh nội dung của bộ đề thi gắn lý luận và thực tiễn của địa phương; quản lý chặt chẽ và thực hiện các công việc trên đúng với quy định, quy trình, tiến độ. Đây là những yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định chất lượng đánh giá kết quả học tập của học viên.

Đối với việc ra đề và tổ chức thi: Việc ra đề và tổ chức thi có vai trò quan trọng trong đánh giá kết quả học tập. Trường cần linh hoạt các hình thức ra đề, tổ chức thi cho phù

(1) Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

hợp như: thi tự luận, thi trắc nghiệm và thi vấn đáp. Đặc biệt, đối với thi trắc nghiệm phải thường xuyên đổi mới, không để tình trạng sử dụng 01 đề cho nhiều lần thi nhằm tránh trùng lặp đề giữa các lớp. Trường cần có hình thức xử lý nghiêm các trường hợp học viên vi phạm quy chế thi. Bên cạnh đó, cần chú ý vào đặc thù một số phân học như nghiệp vụ, kỹ năng, các khoa có thể thực hiện hình thức thi vấn đáp. Việc kết hợp các hình thức thi cả tự luận, trắc nghiệm và vấn đáp vừa giúp đánh giá toàn diện kết quả học tập đối với học viên, nâng cao ý thức, kỹ năng học tập của học viên và tăng cường trao đổi giữa người dạy và người học. Đây là cơ hội để các giảng viên tham gia đánh giá hệ thống kiến thức phân học, xác định được những điểm cần điều chỉnh trong quá trình thực hiện chương trình.

Đối với thi tốt nghiệp: Trường đã xây dựng hệ thống bộ đề thi tốt nghiệp tự luận chia làm 3 khối kiến thức. Khối kiến thức thứ nhất gồm Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Khối kiến thức thứ hai gồm: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam; Xây dựng Đảng; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Khối kiến thức thứ ba gồm: Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam; Quản lý hành chính nhà nước; Kỹ năng lãnh đạo, quản lý. Mỗi khối kiến thức cần đảm bảo kiến thức cơ bản, phát huy khả năng liên hệ thực tiễn, sáng tạo của học viên.

Đối với viết khóa luận tốt nghiệp: Học viên đủ điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp tuân thủ đúng các quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, cần nâng cao tinh thần trách nhiệm của thầy, cô hướng dẫn và

sự nỗ lực, cố gắng trong quá trình thu thập tài liệu và tiến hành viết khóa luận của học viên, nhất là khả năng vận dụng lý luận vào nhiệm vụ của cơ quan để giải quyết các vấn đề thực tiễn, khắc phục tình trạng sao chép của học viên.

Thứ hai, giảng viên phải thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy học viên làm trung tâm, thực hiện hiệu quả phương pháp theo hướng “3 tăng” (tăng thực hành, tăng đối thoại, tăng xử lý tình huống), “3 giảm” (giảm lý thuyết suông, giảm đọc thoại, giảm đọc chép), giúp học viên chủ động trong nghiên cứu, học tập, gắn kết giữa lý luận và thực tiễn.

Thứ ba, học viên cần xây dựng một động cơ, thái độ học tập đúng đắn, tự giác, tích cực và trung thực trong quá trình học tập, tranh thủ sự hướng dẫn, giúp đỡ của giảng viên, tự nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

3. Kết luận

Đánh giá kết quả học tập của học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị có nhiều khâu, nhiều lực lượng tham gia. Đổi mới cách đánh giá hiện nay để có sự khách quan, khoa học, phù hợp có ý nghĩa tích cực là động lực để người học phấn đấu vươn lên. Ngược lại, cách đánh giá thiếu khách quan, thiếu công bằng sẽ làm mất động lực phấn đấu của người học. Mỗi đối tượng khác nhau cần có những cách đánh giá khác nhau cho phù hợp. Phát huy những kết quả đạt được về công tác đánh giá kết quả học tập của học viên, đồng thời bổ sung một số nội dung đánh giá góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tại Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Bí thư (2018): *Quy định số 09-QĐ/TW ngày 13/11/2018 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.*
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021): *Quyết định số 6468/QĐ-HVCTQG ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành bộ Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.*

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TIỀN GIANG QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 45-NQ/TW

PHẠM THỊ DIỄM HÀ*
NGUYỄN QUỐC BÌNH**

Tóm tắt: Thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới. Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang có vai trò quan trọng trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên, viên chức, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị cấp cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Bài viết nghiên cứu làm rõ nhiệm vụ và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai Nghị quyết số 45-NQ/TW ở Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang.

Từ khóa: Trường chính trị; Nghị quyết 45/TW, đội ngũ trí thức...

1. Đặt vấn đề

Xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức vững mạnh về số lượng và chất lượng là quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước và Đảng bộ, chính quyền tỉnh Tiền Giang. Nghị quyết số 45-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới” có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc định hướng, tạo động lực cho sự phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam. Nghị quyết đã xác định 4 mục tiêu chính là: Xây dựng đội ngũ trí thức có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và hợp tác quốc tế; phát triển các cơ sở giáo dục, đào

tạo, trong đó có hệ thống trường chính trị cấp tỉnh. Điều này cho thấy, Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang cũng có vai trò quan trọng góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhiệm vụ của Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang trong quản triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW

Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang giữ vai trò quan trọng trong việc quản triệt và triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 45-NQ/TW, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh theo định hướng của Đảng. Vai trò của Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang được thể hiện qua các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức trong việc thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Đảng. Ban Giám hiệu chỉ đạo cho giảng viên tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng hình thức lồng ghép vào

(*) Thạc sĩ, Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học.

(**) Thạc sĩ, Khoa Nhà nước và pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

nội dung bài giảng; tổ chức hội thảo khoa học và đăng ký đề tài khoa học cấp tỉnh về “Xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới”. Từ đó, góp phần tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

Thứ hai, trường đã góp phần phát triển đội ngũ trí thức của tỉnh qua tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ trí thức là cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Thông qua các chương trình giảng dạy, giảng viên bên cạnh đã lồng ghép nội dung Nghị quyết số 45-NQ/TW vào nội dung bài giảng, còn góp phần đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và các ban ngành, đoàn thể, doanh nghiệp của tỉnh.

Thứ ba, trường tạo môi trường và điều kiện cho đội ngũ trí thức tham gia nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, khuyến khích giảng viên và học viên thực hiện các nghiên cứu khoa học, tham gia các đề tài liên quan đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thứ tư, trường đã xây dựng môi trường học tập hiện đại đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ trí thức của tỉnh, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy để đáp ứng yêu cầu đào tạo trí thức trong thời kỳ chuyển đổi số.

Nhìn chung, với vai trò là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang không chỉ thực hiện tốt nhiệm vụ triển khai, quán triệt Nghị quyết 45-NQ/TW mà còn góp phần quan trọng vào việc xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức là cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và bản lĩnh chính trị để thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

2.2. Một số giải pháp tiếp tục nâng cao hiệu quả quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang cần tập trung vào các giải pháp đồng bộ, mang tính chiến lược và thực tiễn, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đáp ứng yêu

cầu phát triển trong giai đoạn mới. Cụ thể:

Một là, tăng cường phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh.

Xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội nhằm đảm bảo chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn địa phương. Thiết lập cơ chế trao đổi thông tin, cập nhật nhu cầu đào tạo của các sở, ban, ngành để điều chỉnh nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tổ chức các hội thảo, tọa đàm với sự tham gia của các chuyên gia, nhà nghiên cứu, lãnh đạo địa phương nhằm chia sẻ kinh nghiệm và cập nhật kiến thức mới trong công tác quản lý nhà nước.

Hai là, đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy.

Cập nhật và lồng ghép các nội dung mới về phát triển trí thức, kinh tế tri thức, cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số vào chương trình đào tạo. Đưa các tình huống thực tiễn vào giảng dạy, khuyến khích phương pháp học tập chủ động, nghiên cứu tình huống để học viên có thể áp dụng kiến thức vào thực tiễn công tác. Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm như kỹ năng lãnh đạo, quản trị công, tư duy phản biện, xử lý tình huống thực tế trong quản lý nhà nước. Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu theo chuyên đề cho cán bộ lãnh đạo, quản lý để nâng cao năng lực tham mưu và hoạch định chính sách.

Ba là, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý đào tạo.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý đào tạo, đánh giá năng lực học viên và hỗ trợ giảng viên trong việc soạn thảo giáo án, bài giảng. Xây dựng thư viện điện tử, cung cấp tài liệu học tập trực tuyến, giúp học viên tiếp cận nhanh chóng với các nguồn tri thức mới. Tăng cường bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo an toàn dữ liệu trong công tác giảng dạy và quản lý.

Bốn là, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, gắn kết lý luận với thực tiễn.

Khuyến khích giảng viên và học viên tham gia nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các đề tài gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, kinh phí, cơ chế hỗ trợ để giảng viên thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học có giá trị

thực tiễn. Tổ chức các hội nghị khoa học, diễn đàn trao đổi học thuật nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và học viên. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu với các học viện, trường đại học, trung tâm nghiên cứu trong và ngoài tỉnh để mở rộng phạm vi ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn quản lý nhà nước.

3. Kết luận

Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang có vai trò quan trọng trong việc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW

thông qua hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học. Việc thực hiện tốt các nhiệm vụ này sẽ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ trí thức, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn mới. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ giúp Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết 45-NQ/TW, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương và đất nước. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Vân Anh (2024): “Tiếp tục xây dựng, phát huy vai trò đội ngũ trí thức trong giai đoạn mới”, <https://baobinhphuoc.com.vn/news/53/159350/tiep-tuc-xay-dung-phat-huy-vai-tro-doi-ngu-tri-thuc-trong-giai-doan-moi>.
2. Nguyễn Văn Báo (2025): “Học viện Chính trị đẩy mạnh xây dựng đội ngũ trí thức theo Nghị quyết số 45-NQ/TW”, <http://tapchiquptd.vn/vi/quan-triet-thuc-hien-nghi-quyet/hoc-vien-chinh-tri-day-manh-xay-dung-doi-ngu-tri-thuc-theo-nghi-quyet-so-45nqtw/21458.html>.
3. Nguyễn Bá Dương (2023): “Phát huy vai trò đội ngũ trí thức, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/dua-nghi-quyet-cua-dang-vao-cuoc-song/nghi-quyet-va-cuoc-song/phat-huy-vai-tro-doi-ngu-tri-thuc-dap-ung-yeu-cau-phat-trien-dat-nuoc-nhanh-va-ben-vung-755757>.
4. Sơn Thị Thanh Loan (2024): “Giải pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức tỉnh Trà Vinh theo tinh thần Nghị quyết số 45-NQ/TW, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII”, <https://tcttv.travinh.gov.vn/ly-luan-thuc-tien/giai-phap-phat-huy-vai-tro-cua-doi-ngu-tri-thuc-tinh-tra-vinh-theo-tinh-than-nghi-quyet-so-45-nq-716637>.
5. Nhật Nam (2024): “Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách đối với đội ngũ trí thức”, <https://tcnn.vn/news/detail/66268/Tang-cuong-quan-ly-nha-nuoc-hoan-thien-he-thong-phap-luat-co-che-chinh-sach-doi-voi-doi-ngu-tri-thuc.html>.
6. Bộ Tư pháp (2024): “Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”, <https://www.moj.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/qt/tintuc/Lists/ThôngTinKhac&ListId=4c6dbf3e-0473-40ca-94e4-339ee75540ef&SiteId=b11f9e79-d495-439f-98e6-4bd81e36adc9&ItemID=4276&SiteRootID=b71e67e4-9250-47a7-96d6-64e9cb69ccf3>.
7. Phương Thủy (2023): “Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước”; <https://cand.com.vn/su-kien-binh-luan-thoi-su/phat-huy-vai-tro-cua-doi-ngu-tri-thuc-dap-ung-yeu-cau-phat-trien-dat-nuoc-i715936/>.
8. Ban Chấp hành Trung ương (2023): *Nghị quyết số 45-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 24/11/2023 “về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới”*.
9. Nguyễn Thị Hải Yến (2024): “Quan điểm khách quan tại Nghị quyết 45-NQ/TW, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII”, https://dtcblehongphong.hanoi.gov.vn/nghien-cuu-trao-doi/-/view_content/5582396-quan-diem-khach-quan-tai-nghi-quyet-45-nq-tw-hoi-nghi-lan-thu-tam-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii.html.

NGUYỄN THỊ THẬP - NGƯỜI PHỤ NỮ TRỌN ĐỜI VÌ ĐỘC LẬP, TỰ DO CỦA TỔ QUỐC

LÂM ÁI CHINH*

Tóm tắt: Nguyễn Thị Thập là một trong những nữ đại biểu tiêu biểu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và là một trong 10 phụ nữ được vinh danh bằng tên đường phố trong lịch sử dân tộc. Cả cuộc đời bà đã cống hiến trọn vẹn tuổi thanh xuân cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Hình ảnh người phụ nữ bất khuất, trung kiên và giàu lòng yêu nước của bà mãi là tấm gương sáng cho các thế hệ người Việt Nam noi theo. Bài viết này khái quát những đóng góp to lớn của Nguyễn Thị Thập đối với phong trào cách mạng Việt Nam, đặc biệt là trong tâm thức người dân Tiền Giang và vùng Nam Bộ.

Từ khóa: Nguyễn Thị Thập, độc lập, tự do, Tổ quốc...

1. Đặt vấn đề

Cuộc đời và những đóng góp của bà Nguyễn Thị Thập không chỉ là một phần quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam mà còn là biểu tượng sáng ngời của truyền thống phụ nữ Việt Nam. Những cống hiến của bà đã góp phần làm rạng rỡ thêm truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của phụ nữ, trở thành niềm tự hào và nguồn động lực to lớn cho các thế hệ sau. Xuất thân từ một gia đình nghèo nhưng giàu truyền thống cách mạng tại xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, bà Nguyễn Thị Ngọc Tốt (sau này đổi tên thành Nguyễn Thị Thập) đã sớm giác ngộ lý tưởng cách mạng. Trong hồi ký, bà từng chia sẻ: “Tôi rất ham đọc sách, mỗi lần gánh chuối, gánh trầu cau đi chợ bán, tôi không dám ăn quà vặt, dành tiền mua sách về đọc... Qua những câu chuyện giữa cha và anh, tôi dần hiểu “thế nào là nổi nhục mất nước”. Tôi muốn thoát khỏi những lễ thói cổ hủ của xã hội phong kiến và thực dân. Tôi tràn đầy nhiệt huyết, muốn hành động, muốn làm điều gì đó để cứu nước”. Những lời tâm huyết này

không chỉ phản ánh khát vọng cá nhân mà còn thể hiện tinh thần yêu nước mãnh liệt, sẵn sàng vượt qua mọi rào cản để đóng góp cho đất nước. Trong gần 60 năm hoạt động cách mạng, bà Nguyễn Thị Thập đã không ngừng vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Sự kiên trung, bất khuất và tinh thần hy sinh của bà không chỉ là tấm gương sáng cho phụ nữ Việt Nam mà còn là nguồn cảm hứng cho toàn thể dân tộc. Có thể khẳng định rằng, cuộc đời bà là một minh chứng sống động cho sự cống hiến không mệt mỏi vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của phụ nữ trong lịch sử đấu tranh và xây dựng đất nước. Những giá trị mà bà để lại mãi mãi là di sản quý báu, tiếp thêm sức mạnh cho các thế hệ tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Nguyễn Thị Thập

Nguyễn Thị Thập, tên thật là Nguyễn Thị Ngọc Tốt, sinh năm 1908 tại xã Long Hưng, tỉnh Tiền Giang, trong một gia đình nông dân nghèo. Xuất thân từ tầng lớp lao

(*) Thạc sĩ, Trường Chính trị tỉnh Sóc Trăng.

động, bà sớm thấu hiểu và đồng cảm với nỗi khổ của người dân dưới ách thực dân phong kiến. Điều này đã trở thành động lực thúc đẩy bà dồn tâm sức vào con đường cách mạng, đấu tranh vì độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân. Từ năm 20 tuổi, Nguyễn Thị Thập đã giác ngộ lý tưởng cách mạng, tham gia tổ chức Nông hội và chính thức được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1931. Sự nhạy bén và ý chí đấu tranh mạnh mẽ của bà từ khi còn trẻ đã thể hiện rõ nét qua những hoạt động tích cực trong phong trào cách mạng. Bà không chỉ là một chiến sĩ cách mạng kiên cường mà còn là một nhà giáo dục tận tâm, luôn nỗ lực tuyên truyền, giáo dục nhân dân, đặc biệt là phụ nữ, xóa bỏ những hủ tục lạc hậu và chống lại chế độ “ngu dân” của thực dân. Những nỗ lực này đã góp phần nâng cao nhận thức và ý thức cách mạng cho quần chúng, tạo nên tảng vững chắc cho phong trào đấu tranh. Cùng với anh trai (Tám Cảnh) và chồng (Lê Văn Giác), Nguyễn Thị Thập đã xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng ở nhiều địa phương như Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre, Sài Gòn. Khả năng tổ chức và lãnh đạo của bà đã góp phần mở rộng phong trào cách mạng, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Tuy nhiên, con đường cách mạng không hề dễ dàng. Bà đã nhiều lần bị thực dân Pháp bắt giam (năm 1935 và 1937), nhưng trước mọi khó khăn, nguy hiểm, bà luôn kiên trung, không khuất phục. Sau mỗi lần ra tù, bà lại tiếp tục hoạt động cách mạng, thể hiện tinh thần bất khuất và lòng trung thành với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đặc biệt, khi bà bị bắt, nhân dân địa phương đã đứng lên giải thoát cho bà, điều này cho thấy sự gắn bó và tin tưởng sâu sắc của quần chúng đối với bà và phong trào cách mạng. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ (1930), thực dân Pháp ra sức vơ vét nhân lực, tài lực phục vụ chiến tranh, Nguyễn Thị Thập đã tích cực vận động nhân dân chống lại sưu cao thuế nặng và chính sách bóc lột tàn bạo của chúng. Bà đã truyền đơn kêu gọi nhân dân đoàn kết đấu tranh, thể hiện sự nhạy bén và khả năng nắm bắt nguyện vọng của

quần chúng. Trong một lần rải truyền đơn, bà bị địch bắt nhưng đã được nhân dân giải thoát, một lần nữa khẳng định sự ủng hộ mạnh mẽ của quần chúng đối với bà và phong trào cách mạng. Cuối năm 1944, bà cùng nhiều đồng chí trong tỉnh Mỹ Tho và các tỉnh lân cận xúc tiến thành lập Tỉnh ủy giải phóng Mỹ Tho và Xứ ủy giải phóng. Năm 1945, Nguyễn Thị Thập được cử đi dự Quốc dân Đại hội Tân Trào, nơi thông qua chủ trương Tổng khởi nghĩa và thành lập Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Sự kiện này khẳng định vai trò quan trọng của bà trong việc thúc đẩy phong trào cách mạng trên cả nước. Nhiệm vụ quan trọng nhất của đồng chí Mười Thập được Tổng Bí thư Trường Chinh giao lúc này là giúp đồng chí Hoàng Quốc Việt - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, đặc phái viên của Trung ương vào hỗ trợ Đảng bộ Nam bộ thống nhất Xứ ủy Tiền phong và Xứ ủy Giải phóng, góp phần củng cố sức mạnh của Đảng và chính quyền cách mạng còn non trẻ. Đây là đóng góp lớn lao của bà trong việc xây dựng nền móng cho chính quyền mới, đảm bảo sự thống nhất và đoàn kết trong lực lượng cách mạng.

Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Thị Thập là biểu tượng của sự kiên trung, bất khuất và tinh thần hy sinh vì đất nước. Bà không chỉ là niềm tự hào của phụ nữ Việt Nam mà còn là nguồn động lực cho các thế hệ tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng. Những đóng góp của bà mãi mãi là di sản quý báu, tiếp thêm sức mạnh cho các thế hệ tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, xây dựng một đất nước Việt Nam độc lập, tự do và hạnh phúc.

2.2. Những cống hiến của Nguyễn Thị Thập cho phong trào cách mạng giải phóng dân tộc và cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Bà Nguyễn Thị Thập là một trong những nhà lãnh đạo tiêu biểu của cách mạng Việt Nam, người đã dành gần 70 năm cuộc đời cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và đấu tranh vì quyền bình đẳng của phụ nữ. Từ khi tham gia phong trào cách mạng năm 1928 tại quê nhà Long Hưng, đến khi đảm nhiệm các vị trí quan trọng như Xứ

ủy viên Nam kỳ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, và Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, cuộc đời bà là một bản hùng ca về tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất.

Trong thời kỳ thoái trào những năm 1930, khi đất nước chìm trong làn sóng khủng bố của kẻ thù, bà Nguyễn Thị Thập cùng Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho đã kiên trì khôi phục cơ sở Đảng, phục hồi phong trào cách mạng, và giữ vững ý chí chiến đấu của nhân dân. Bà kết hợp nhuần nhuyễn giữa chiến lược cách mạng và công việc cụ thể, thiết thực, tạo nên những bước đi vững chắc cho phong trào. Từ năm 1931 đến 1935, bà trực tiếp lãnh đạo nông dân đấu tranh chống chủ đất, giành quyền lợi thiết thực cho nhân dân, góp phần duy trì và phát triển phong trào cách mạng. Ngay cả khi bị địch bắt giam, bà vẫn thể hiện tinh thần chiến đấu kiên cường, không một phút ngừng nghỉ, trở thành biểu tượng của người chiến sĩ cộng sản kiên trung.

Bà Nguyễn Thị Thập là một trong những nhà lãnh đạo tiêu biểu, góp phần vào các thắng lợi vĩ đại của dân tộc như Khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940, Cách mạng Tháng Tám năm 1945, và hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Những thành tựu này không chỉ là kết quả của sự lãnh đạo tài tình mà còn là minh chứng cho tinh thần bất khuất, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc của bà. Trong cao trào kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, bà đã dồn hết sức lực và trí tuệ để vận động nhân dân, tạo nên phong trào cách mạng sôi nổi, thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

Không chỉ là một nhà cách mạng kiên cường, bà Nguyễn Thị Thập còn là tấm gương sáng về tinh thần học tập và rèn luyện không ngừng. Dù không được học hành từ nhỏ, bà luôn khát khao trau dồi kiến thức, học tập chủ trương, đường lối của Đảng để áp dụng vào thực tiễn cách mạng. Bà kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, trở thành nhà lãnh đạo năng động, sáng tạo, luôn giải quyết các vấn đề cách mạng một cách đúng đắn và hiệu quả.

Bên cạnh sự nghiệp cách mạng, bà

Nguyễn Thị Thập còn có những đóng góp to lớn cho phong trào phụ nữ Việt Nam. Trên cương vị Hội trưởng Hội Phụ nữ cứu quốc Nam bộ (1947-1952) và Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong 18 năm (1956-1974), bà đã thúc đẩy mạnh mẽ quyền bình đẳng giới và quyền lợi của phụ nữ. Bà đóng góp quan trọng trong việc xây dựng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1960, cũng như nhiều chính sách bảo vệ quyền lợi phụ nữ. Bà còn lãnh đạo các phong trào thi đua như “Năm tốt” và “Ba đảm đang”, thu hút đông đảo phụ nữ từ thành thị đến nông thôn tham gia. Phong trào “Ba đảm đang” phát động năm 1965 được xem là một mốc son trong lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam, thể hiện sức mạnh và vai trò của phụ nữ trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Dù phải chịu nhiều mất mát lớn lao về gia đình, bà Nguyễn Thị Thập luôn đặt lợi ích cách mạng lên trên hết. Bà tâm niệm rằng sự hy sinh của bà cũng là hy sinh chung của hàng ngàn bà mẹ Việt Nam. Những mất mát cá nhân không làm bà chùn bước, mà ngược lại, càng thôi thúc bà cống hiến nhiều hơn cho sự nghiệp chung. Di sản của bà Nguyễn Thị Thập tiếp tục được phát huy qua sự phát triển của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với hơn 15 triệu hội viên. Bà nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học tập và nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật để phụ nữ có thể thực sự bình đẳng và đóng góp cho xã hội. Theo bà, “muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, muốn có xã hội văn minh, gia đình hạnh phúc, không thể không có người phụ nữ văn minh”.

2.3. Nguyễn Thị Thập và những bài học quý cho thế hệ sau

Đức tính đáng trân trọng nhất của bà Nguyễn Thị Thập là tinh thần ham học hỏi và không ngừng nỗ lực rèn luyện bản thân. Dù thiếu thốn cơ hội học tập trong những năm tháng niên thiếu, sự nghiệp cách mạng của bà lại càng thôi thúc khát vọng trau dồi tri thức. Bà luôn tận dụng mọi thời cơ, mọi hoàn cảnh để học tập, đặc biệt là quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng. Mục tiêu của bà là trang bị cho mình một nền tảng nhận thức vững chắc,

nắm vững quan điểm, phương pháp tư duy, từ đó giải quyết vấn đề một cách chính xác, sáng tạo và hiệu quả. Minh chứng cho điều đó là cả hành trình hoạt động cách mạng của bà; từ bước chân đầu tiên đến khi kết thúc cuộc đời, bà Nguyễn Thị Thập luôn vững tin vào lý tưởng, kiên định với nghị lực phi thường. Sự miệt mài học tập và rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh đã trang bị cho bà hiểu biết sâu rộng về lý luận chính trị. Bà trở thành một nhà lãnh đạo xuất sắc, biết kết hợp hài hòa giữa thực tiễn sống động và lý luận khoa học, giải quyết thấu đáo những vấn đề nan giải mà cách mạng đặt ra, nhất là trong những tình huống khó khăn, phức tạp. Trong thời kỳ cao trào vận động nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Mỹ Tho đã vượt qua vô vàn thử thách, tạo nên một phong trào cách mạng sôi nổi, thu hút đông đảo quần chúng. Thành công ấy ghi dấu công lao to lớn của bà Nguyễn Thị Thập. Bà nhận được sự diu dặt tận tình của các đồng chí nhiều kinh nghiệm và am hiểu lý luận. Bà đã tiếp thu, lĩnh hội những quan điểm, nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tinh thần yêu nước Việt Nam. Những kiến thức ấy được bà nghiền ngẫm, chiêm nghiệm, đúc rút thành những bài học quý giá, soi sáng con đường hoạt động thực tiễn. Điều này đã hỗ trợ đắc lực cho bà trong công tác cách mạng, đặc biệt khi đảm nhiệm những trọng trách quan trọng của Đảng và cách mạng.

Bà Nguyễn Thị Thập là biểu tượng tiêu biểu của người cộng sản kiên trung, giàu nghị lực, có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá sát thực tình hình địa phương; Là tấm gương sáng về sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa học tập và hành động, luôn tận tâm phục vụ Đảng và nhân dân. Suốt cuộc đời, bà Nguyễn Thị Thập cống hiến trọn vẹn cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân. Từ thuở thiếu thời đến khi nhắm mắt xuôi tay, bà luôn đặt lợi ích của cách mạng lên trên lợi ích cá nhân và hạnh phúc gia đình. Tình cảm nồng nàn và tấm lòng son sắt của người cộng sản luôn dành trọn cho

Đảng và nhân dân. Trên chặng đường hoạt động cách mạng, bà Nguyễn Thị Thập đã thể hiện trọn vẹn tinh thần hy sinh cao cả. Vì lý tưởng cộng sản, vì vận mệnh dân tộc, bà đã dũng cảm từ bỏ cuộc sống riêng tư, chấp nhận gian khổ, tù đày và hiểm nguy rình rập. Những năm tháng bị giam cầm không hề làm suy giảm ý chí cách mạng kiên cường của bà, mà ngược lại, càng hun đúc thêm quyết tâm đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Dù ở cương vị nào, từ một đảng viên trẻ đến những chức vụ lãnh đạo cao cấp như Xứ ủy viên Nam kỳ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, hay Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, bà luôn gần gũi, chia sẻ với mọi tầng lớp nhân dân, từ nông dân, công nhân đến trí thức. Bà không chỉ là người lãnh đạo tài ba mà còn là người đồng hành, người bạn, người mẹ của nhân dân. Với tinh thần trách nhiệm cao cả, bà luôn nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật Đảng, bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ. Bà tích cực thực hiện tự phê bình và phê bình, góp phần làm trong sạch tổ chức Đảng, đảm bảo sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Uy tín, đạo đức và lối sống mẫu mực của bà đã trở thành tấm gương sáng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân noi theo.

Cuộc đời cách mạng của bà Nguyễn Thị Thập là bài học quý giá về ý chí, nghị lực và đạo đức cách mạng, tinh thần không ngừng tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ, tích cực học tập vận dụng lý luận vào thực tiễn, đặt lợi ích của Đảng và dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng vì lòng yêu nước nồng nàn, và sự cống hiến không mệt mỏi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như bình đẳng giới. Cuộc đời và sự nghiệp của bà là nguồn cảm hứng bất tận cho các thế hệ phụ nữ Việt Nam hôm nay và mai sau.

3. Kết luận

Có thể thấy rằng, cả cuộc đời và sự nghiệp của bà Nguyễn Thị Thập luôn là ngọn đuốc soi sáng chặng đường phấn đấu của mỗi cán bộ, đảng viên. Tinh thần cách mạng kiên trung, đạo đức sáng ngời, cùng sự nỗ lực không ngừng trau dồi tri thức và

năng lực thực tiễn của bà là minh chứng sống động. Lấy lợi ích quốc gia, dân tộc làm kim chỉ nam, bà đã dâng hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, để lại di sản quý báu cho hậu thế. Noi gương bà, chúng ta cùng kiến tạo một Việt Nam hùng

cường, thịnh vượng, ấm no, tự do, hạnh phúc - xứng đáng với những hy sinh cao cả của các thế hệ cha anh đi trước. Đó là con đường duy nhất để đền đáp công lao to lớn của các anh hùng dân tộc, trong đó có đồng chí Nguyễn Thị Thập. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Thị Hiền Linh (2017), *Nguyễn Thị Thập và phụ nữ miền Nam*, <https://hoiphunu.camau.gov.vn/wps/portal/?1dmy&page=hpn.chitiet&urile=wcm%3Apath%3A/hoiphunulibrary/hoiphunusite/lichsuphunuvn/nfgfd>.
2. TS. Trần Thế Ngọc (2017), *Nguyễn Thị Thập - Người con ưu tú của quê hương Tiền Giang*, <http://www.thtg.vn/ba-nguyen-thi-thap-nguoi-con-uu-tu-cua-que-huong-tien-giang/>.
3. Vĩnh Sơn (2019), *Nguyễn Thị Thập - Người con ưu tú của Nam bộ thành đồng*, <https://cand.com.vn/van-hoa/Nguyen-Thi-Thap---Nguoi-con-uu-tu-cua-Nam-Bo-thanh-dong-i138731/>.
4. Nguyễn Anh Tuấn (2016), *Bà Nguyễn Thị Thập: Người chiến sĩ cộng sản kiên trung bất khuất*, <http://baoapbac.vn/chinh-tri/201603/ba-nguyen-thi-thap-nguoi-chien-si-cong-san-kien-trung-bat-khuat-665847/>.
5. Nguyễn Túc (2022), *Nguyễn Thị Thập - Người phụ nữ Việt Nam tiêu biểu của thế kỷ XX*, <https://daibieunhandan.vn/dien-dan-quoc-hoi-va-cu-tri/nguyen-thi-thap-nguoi-phu-nu-viet-nam-tieu-bieu-cua-the-ky-xx-i288607/>.
6. Thanh Thủy (2020), *Khí phách Người con gái sông Tiền - Nguyễn Thị Thập*, <https://hoilhpn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/khi-phach-nguoi-con-gai-song-tien-nguyen-thi-thap-36511-4529.html>.
7. Trích điệu văn của Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đọc tại Lễ tang đồng chí Mười Thập.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NGƯỜI DÂN Ở KHU VỰC BIỂN TỈNH TIỀN GIANG

PHẠM THỊ MỸ PHƯỢNG*

Tóm tắt: Tỉnh Tiền Giang có lợi thế về phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới. Tuy nhiên, tình hình phát triển kinh tế biển ở tỉnh Tiền Giang trong thời gian qua vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, đời sống người dân còn thấp. Do đó, nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển kinh tế biển với nâng cao đời sống người dân khu vực biển, làm rõ những nhân tố ảnh hưởng và đề xuất những giải pháp tăng cường phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển tỉnh Tiền Giang là vấn đề mang tính thời sự cấp bách, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Từ khóa: phát triển kinh tế biển, đời sống người dân, khu vực biển...

1. Đặt vấn đề

Tỉnh Tiền Giang có diện tích bờ biển kéo dài 32km, có vị trí địa lý thuận lợi với các cửa sông lớn như Soài Rạp và Cửa Tiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương và phát triển kinh tế biển. Các ngành nghề chính bao gồm nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, chế biến hải sản xuất khẩu và du lịch sinh thái biển. Phát triển kinh tế biển ở tỉnh trong thời gian qua vẫn còn một số khó khăn, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, gây khó khăn trong việc khai thác hiệu quả các tiềm năng để phát huy lợi thế kinh tế biển; ô nhiễm môi trường biển và suy giảm nguồn lợi thủy sản do khai thác quá mức và thiếu biện pháp bảo vệ môi trường. Người dân ven biển chủ yếu sống dựa vào nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, nhưng thu nhập không ổn định do biến đổi khí hậu và thị trường tiêu thụ không bền vững; một số dự án phát triển du lịch sinh thái biển và các

hợp tác xã khai thác thủy hải sản chưa được đầu tư và hỗ trợ nhiều. Vì vậy, phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển tỉnh Tiền Giang cần nghiên cứu, đánh giá để đề xuất những giải pháp khả thi đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan hệ giữa phát triển kinh tế biển với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển

Phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển có mối quan hệ chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau, bởi vì phát triển kinh tế biển là cơ sở, điều kiện nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển; còn đời sống người dân ở khu vực biển được đảm bảo trở thành động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế biển phát triển. Quan hệ này được biểu hiện cụ thể như sau:

Thứ nhất, phát triển kinh tế biển là cơ sở, điều kiện góp phần nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển.

(*) Tiến sĩ, Trưởng khoa Lý luận cơ sở.

Kinh tế biển phát triển sẽ tạo cơ sở, điều kiện ổn định về việc làm, thu nhập và đời sống an sinh cho người dân ở khu vực biển. Trong quá trình phát triển kinh tế biển, các doanh nghiệp và ngành nghề biển phát triển. Các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế biển như: hạ tầng cảng biển, giao thông vận tải, dịch vụ, du lịch hoàn thiện hơn; cơ sở y tế, giáo dục và nhà ở tốt,... Với tiềm năng về nguồn lợi thủy sản, cảng biển, du lịch và tài nguyên thiên nhiên, kinh tế biển có thể tạo ra nhiều cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện kết cấu hạ tầng của địa phương. Đồng thời, nếu được quản lý tốt, quá trình phát triển kinh tế biển cũng giúp bảo tồn môi trường biển, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái. Có thể nói, phát triển kinh tế biển không chỉ là một chiến lược quan trọng thúc đẩy sự phát triển bền vững mà còn đóng vai trò thiết yếu trong việc cải thiện đời sống và sinh kế của cộng đồng dân cư ở khu vực biển.

Thứ hai, nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển là nhân tố thúc đẩy phát triển kinh tế biển.

Khi đời sống người dân ở khu vực biển được nâng cao, họ sẽ có điều kiện và động lực tốt hơn để tham gia phát triển kinh tế biển một cách bền vững. Cộng đồng dân cư ở khu vực biển thông qua quá trình đào tạo, bồi dưỡng trở thành nguồn lực lao động trực tiếp tác động đến chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế biển. Bên cạnh đó, người dân ở khu vực biển còn là lực lượng chính tiếp thu và thúc đẩy các ngành nghề mới trong kinh tế biển phát triển, tham gia bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, xây dựng kết cấu hạ tầng thúc đẩy phát triển kinh tế biển; là đối tượng liên quan đến các chính sách phúc lợi như đảm bảo quyền lợi lao động và hỗ trợ xã hội để người dân ở khu vực biển an tâm làm việc. Chính sự tham gia trực tiếp của người dân ở khu vực biển vào các hoạt động phát triển kinh tế biển sẽ thúc đẩy kinh tế biển phát triển nhanh, bền vững. Kinh tế biển không thể phát triển mạnh mẽ nếu thiếu sự hỗ trợ, kỹ năng, và lao động của cộng đồng dân cư ở khu vực biển. Khi cộng đồng dân cư ở khu vực biển phát triển mạnh không chỉ là nhân tố phát

triển kinh tế mà còn trở thành lực lượng nòng cốt bảo vệ biển quốc gia.

2.2 Những nhân tố tác động đến phát triển kinh tế biển gắn với đời sống của người dân ở khu vực biển tỉnh Tiền Giang

Thứ nhất, tác động của môi trường và biến đổi khí hậu.

Môi trường và biến đổi khí hậu là một trong những yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cả phát triển kinh tế biển và đời sống của người dân ở khu vực biển. Người dân ven biển, đặc biệt là những cộng đồng phụ thuộc vào khai thác thủy sản, bị giảm thu nhập và sinh kế. Môi trường suy thoái cũng dẫn đến các vấn đề sức khỏe, như nguồn nước bị ô nhiễm hoặc mất đi thực phẩm tự nhiên ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế biển. Tỉnh Tiền Giang có điều kiện địa lý - tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế biển, có đường bờ biển dài 32km, địa hình bằng phẳng, độ cao trung bình từ 0,8 - 1,1m. Hệ thống sông ngòi phong phú, đặc biệt là sông Tiền, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông thủy và nuôi trồng thủy sản. Đất đai màu mỡ, đất cát giồng thích hợp cho nông nghiệp và phát triển các khu vực nuôi trồng thủy sản, rừng ngập mặn. Khí hậu ôn hòa, nhiều giờ nắng, phù hợp cho năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió).

Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế biển và đời sống người dân khu vực biển tỉnh Tiền Giang chịu ảnh hưởng không nhỏ từ môi trường và biến đổi khí hậu, gây ra nước biển dâng, xâm nhập mặn, thời tiết xấu như bão, lũ lụt, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, thủy sản và sinh hoạt của người dân. Hàng năm, tình trạng xâm nhập mặn kéo dài từ 4-9 tháng mỗi năm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp. Khu vực biển Tiền Giang thiếu nước ngọt cho sản xuất, sinh hoạt. Các hiện tượng thời tiết xấu làm gián đoạn hoạt động khai thác và vận chuyển hàng hóa qua đường biển. Hệ thống xử lý rác thải, thoát nước đô thị còn kém, làm tăng nguy cơ dịch bệnh, ô nhiễm. Mặt khác, tình trạng nước biển dâng, sạt lở ven biển, ô nhiễm môi trường

biển do thâm canh gây áp lực đến đời sống của người dân ở khu vực biển.

Thứ hai, các yếu tố về văn hóa - xã hội.

Các yếu tố văn hóa - xã hội như truyền thống văn hóa, các quan hệ cộng đồng xã hội, nhận thức xã hội, vai trò của phụ nữ và bình đẳng giới, vấn đề giáo dục, cơ hội cho thế hệ trẻ và du lịch văn hóa, sinh thái,... đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc cản trở sự phát triển kinh tế biển cũng như nâng cao đời sống của người dân ở khu vực biển. Có thể thấy, sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố văn hóa và xã hội với chiến lược kinh tế bền vững sẽ mang lại hiệu quả lâu dài và toàn diện. Người dân ở khu vực biển Tiền Giang hiền hòa, cần cù, thích ứng tốt với sản xuất ven biển gắn với truyền thống văn hóa phong phú, đặc biệt là các lễ hội và phong tục liên quan đến biển như lễ hội Nghinh Ông, làng nghề (làm chiếu, mắm tôm chà, rượu sơ ri...) và các hoạt động văn hóa - du lịch truyền thống là tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế đa ngành. Những giá trị văn hóa này có tiềm năng khai thác để phát triển du lịch biển, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân ở khu vực biển.

Thứ ba, chính sách phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển.

Một là, chính sách quản lý tài nguyên biển.

Thực hiện tốt chính sách kinh tế sẽ góp phần hỗ trợ tài chính, đầu tư; phát triển nguồn nhân lực; bảo vệ môi trường và tài nguyên biển; thúc đẩy du lịch phát triển; góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng xã hội và chính sách an sinh xã hội được từng bước thực hiện tốt. Chính sách phát triển kinh tế biển đúng đắn là chìa khóa quan trọng để không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn nâng cao đời sống của người dân ở khu vực biển. Những chính sách này cần được xây dựng trên cơ sở bền vững, công bằng và hợp với đặc thù địa phương. Hiện tại, tỉnh Tiền Giang đã triển khai nhiều chính sách quản lý tài nguyên biển nhằm bảo vệ và khai thác bền vững. Tỉnh đã xây dựng các quy hoạch và kế hoạch dài hạn để quản lý

và sử dụng tài nguyên biển một cách hiệu quả, phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Chính quyền các địa phương đã thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong việc phát triển các ngành kinh tế biển như nuôi trồng thủy sản, du lịch biển, khai thác tài nguyên biển. Tuy nhiên, việc thực thi các chính sách này vẫn gặp nhiều khó khăn, bao gồm nguồn lực hạn chế và tác động của biến đổi khí hậu. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các cơ quan chức năng và cộng đồng.

Hai là, chính sách huy động và sử dụng các nguồn vốn.

Tỉnh đã quy hoạch và ban hành các chính sách khuyến khích phát triển khu kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn 2050 gắn với Nghị quyết 36-NQ/TW về phát triển kinh tế biển bền vững; ưu tiên phát triển kinh tế biển, kêu gọi đầu tư, đặc biệt trong du lịch, công nghiệp chế biến, điện gió - điện mặt trời; nhiều dự án hỗ trợ thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế. Tuy nhiên, Tiền Giang còn thiếu vốn đầu tư công - tư, nhiều dự án chậm triển khai do thiếu ngân sách và thu hút đầu tư phát triển các lĩnh vực trồng trọt, nuôi trồng thủy hải sản, công nghiệp - xây dựng. Chính sách liên kết vùng chưa hiệu quả, thiếu sự phối hợp giữa các tỉnh. Quản lý quy hoạch biển - đất ven biển còn chồng chéo, thiếu minh bạch trong một số khu vực. Các cơ chế, chính sách về nguồn vốn đầu tư còn thiếu hấp dẫn đối với các nhà đầu tư lớn, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế biển và đời sống người dân khu vực biển của tỉnh.

Ba là, chính sách đào tạo nguồn nhân lực.

Ở khu vực biển Tiền Giang, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, chưa được đào tạo chuyên sâu và đồng đều, đặc biệt trong các ngành liên quan kinh tế biển như thủy sản, du lịch biển, hàng hải. Nguồn nhân lực chủ yếu là lao động phổ thông, kỹ năng nghề biển còn hạn chế, thiếu chuyên môn sâu trong các ngành mới (năng lượng tái tạo, logistics...). Chính sách đào tạo chưa gắn kết chặt với nhu cầu phát triển kinh tế biển. Mặc dù các chính sách của Chính phủ đã tạo điều kiện phát triển đội ngũ lao động

cho kinh tế biển, nhưng thực tế Tiền Giang chưa có sự chuyển dịch lao động và nâng cao chất lượng lao động gắn liền với định hướng phát triển các ngành kinh tế biển. Hiện nay có đến 70-80% lao động trong khu công nghiệp và chế xuất là lao động nhập cư, và phần lớn lao động trong nông, lâm nghiệp và thủy sản chưa được đào tạo nghề phù hợp khi chuyển sang các ngành kinh tế có yêu cầu cao hơn. Hơn nữa, Tiền Giang thiếu các cơ sở đào tạo chuyên ngành biển, chưa có chương trình đào tạo nguồn nhân lực biển dài hạn. Do đó, nguồn nhân lực của tỉnh hiện nay chưa tạo động lực phát triển kinh tế biển nhanh, bền vững, ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống người dân.

Bốn là, khoa học - công nghệ và kết cấu hạ tầng

Hiện nay, trong bối cảnh đất nước đang thực hiện chuyển đổi số, việc nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng thành công những thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại trong nuôi trồng, khai thác thủy sản, bảo vệ môi trường biển sẽ nâng cao hiệu quả kinh tế, đồng thời giảm thiểu rủi ro và cải thiện thu nhập cho đời sống của người dân ở khu vực biển. Việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ, năng lượng tái tạo và phát triển các ngành kinh tế biển mới đạt được nhiều thành tựu đáng trân trọng như: phát triển dự án điện gió (do các Công ty TNHH Năng lượng tái sinh Trác Việt (Châu Á), Công ty Equis Vietnam Pte.Ltd (Singapore), Công ty Cổ phần năng lượng điện gió Tiền Giang đầu tư); phát triển năng lượng điện mặt trời.

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật ven biển như giao thông đường bộ, đường thủy, điện, nước,... phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân, doanh nghiệp về cơ bản đáp ứng tốt, góp phần nâng cao đời sống của người dân. Hệ thống kết cấu hạ tầng đã từng bước được chú trọng đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực Gò Công kết nối với các trung tâm kinh tế trong tỉnh, Đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kết cấu hạ tầng chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của tỉnh.

Thứ tư, nhận thức và hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế biển gắn với nâng

cao đời sống người dân ở khu vực biển.

Thời gian qua, chính quyền địa phương rất quan tâm đến phát triển kinh tế biển để đảm bảo đời sống của người dân ở khu vực biển. Tuy nhiên, một bộ phận người dân chưa nhận thức được tầm quan trọng của phát triển kinh tế biển sẽ tạo điều kiện việc làm, thu nhập và ổn định đời sống của người dân ở địa phương. Nhận thức về bảo vệ môi trường kém, gây ra ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống và phát triển kinh tế. Mặt khác, hợp tác quốc tế đã giúp Tiền Giang tiếp cận các nguồn lực, công nghệ và kinh nghiệm từ các quốc gia khác trong việc khai thác và bảo vệ tài nguyên biển. Các chương trình hợp tác quốc tế như chống khai thác bất hợp pháp (IUU), phát triển du lịch biển, và bảo tồn môi trường biển đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực. Các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ quốc tế giúp xây dựng kết cấu hạ tầng, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, góp phần ổn định đời sống người dân.

3. Một số giải pháp phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển tỉnh Tiền Giang trong thời gian tới

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển.

Chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục định hướng về phát triển kinh tế biển và tầm quan trọng của kinh tế biển đối với đời sống của người dân ở khu vực biển trong giai đoạn chuyển đổi số. Chính quyền địa phương khu vực biển chủ động tổ chức các hội thảo, tập huấn cho người dân ven biển về kỹ năng khai thác và bảo vệ tài nguyên biển; cung cấp các nguồn lực và hỗ trợ tài chính để người dân có thể tham gia vào các hoạt động kinh tế biển.

Thứ hai, hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển.

Một là, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên biển. Tỉnh Tiền Giang xây dựng quy hoạch tổng thể khai thác và sử dụng tài nguyên biển, tích hợp các yếu tố môi trường, kinh tế, xã hội vào quy hoạch để tối ưu hóa lợi ích. Tăng cường công tác

phối hợp và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên biển. Ứng dụng khoa học - công nghệ và học tập kinh nghiệm từ các nước phát triển để có kế hoạch quản lý và sử dụng đúng đắn, hiệu quả nguồn tài nguyên biển, phát huy tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế biển, nâng cao đời sống của người dân ở khu vực biển.

Hai là, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn thúc đẩy phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển. Cung cấp các gói hỗ trợ vay vốn ưu đãi cho ngư dân và doanh nghiệp ven biển để đầu tư vào các ngành kinh tế biển. Xây dựng chính sách bảo hiểm nghề nghiệp, hỗ trợ cư dân biển trong trường hợp bị thiệt hại do thiên tai.

Ba là, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển. Tổ chức các chương trình đào tạo nghề, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ và quản lý tài nguyên biển. Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững. Chính quyền địa phương có chính sách ưu tiên phát triển nguồn nhân lực biển, mở rộng các khóa đào tạo chuyên ngành về lĩnh vực kinh tế biển như thủy sản, du lịch, logistics biển, hàng hải... Thực hiện chế độ đãi ngộ cho các đơn vị, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về đào tạo và phát triển nhân lực phục vụ kinh tế biển; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê và giám sát liên kết đào tạo giữa các địa phương.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển. Tăng cường nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững, áp dụng công nghệ cao để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ biển, nhất là phát triển các khu du lịch sinh thái kết hợp với văn hóa ven biển để quảng bá thương hiệu sản phẩm biển, mang lại thu nhập ổn định cho dân cư biển. Phát triển năng lượng tái tạo từ biển như điện gió ngoài khơi, tạo cơ hội việc làm và bảo vệ môi trường.

Năm là, phát triển đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển. Chủ động xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật phát triển kinh tế biển như: giao thông ven biển và khu công nghiệp hiện đại, hỗ trợ cho các hoạt động kinh tế. Cải thiện kết cấu hạ tầng xã hội như trường học, bệnh viện, và dịch vụ công cộng để nâng cao đời sống dân cư. Mời gọi đầu tư phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch... giải quyết những khó khăn, vướng mắc về cơ chế và kinh phí phát triển kết cấu hạ tầng vùng phía, thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế biển đảm bảo nâng cao chất lượng đời sống của người dân.

Thứ ba, tăng cường bảo vệ môi trường biển và thích ứng với biến đổi khí hậu biển.

Áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ hệ sinh thái biển như trồng rừng ngập mặn, tuyên truyền và giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong nhân dân. Tăng cường giám sát và xử lý các hành vi khai thác trái phép, giữ gìn sự cân bằng sinh thái. Đầu tư vào các công trình chống xói lở, kè biển và hệ thống cảnh báo sớm nhằm giảm thiểu tác động của thiên tai. Người dân chủ động trong ứng phó với diễn biến khí hậu và ô nhiễm môi trường. Chính quyền địa phương đào tạo, giới thiệu việc làm, hỗ trợ cư dân chuyển đổi ngành nghề hoặc phát triển sinh kế gắn với phát triển kinh tế biển để ổn định việc làm, thu nhập cho người dân.

Thứ tư, tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển.

Xây dựng và tham gia các chương trình hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm và tiếp cận khoa học - công nghệ tiên tiến trong quản lý và phát triển kinh tế biển. Tăng cường hợp tác với các tỉnh, các quốc gia phát triển biển hiệu quả để nghiên cứu, học tập kinh nghiệm quản lý tài nguyên biển, giải quyết các vấn đề về ô nhiễm môi trường biển, thích ứng biến đổi khí hậu và khai thác hải sản bền vững. Chính quyền địa phương tham mưu xây dựng và thực

thi các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế biển bền vững đảm bảo quyền lợi và sự tham gia của cộng đồng trong các dự án phát triển kinh tế biển.

3. Kết luận

Phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân khu vực biển là một trong những mục tiêu, chiến lược quan trọng của Đảng, Nhà nước, chính quyền tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, trước những khó khăn,

thách thức hiện nay, vấn đề phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển tỉnh Tiền Giang vẫn chưa thật sự đạt hiệu quả cao. Do đó, việc phát huy mặt tích cực của những yếu tố tác động và thực hiện đồng bộ những giải pháp trên sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế biển gắn với nâng cao đời sống người dân ở khu vực biển tỉnh Tiền Giang trong thời gian tới. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII: *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.*
2. <https://baoapbac.vn/chinh-tri/202311/tien-giang-phat-huy-loi-the-de-giau-manh-le-n-tu-bien-995605/index.htm>.
3. <https://baoapbac.vn/kinh-te/202406/bai-toan-kinh-te-bien-bai-cuoi-phan-bo-khong-gian-phat-trien-1013833/index.htm>.
4. <https://tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin/?tien-giang-phat-huy-tiem-nang-va-loi-the-cua-kinh-te-bien/39555841>.
5. <https://tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin/?tien-giang-phat-huy-tiem-nang-va-loi-the-cua-kinh-te-bien/39555841>.
6. <https://tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin/?tien-giang-phat-huy-tiem-nang-va-loi-the-cua-kinh-te-bien/39555841>.
7. Tỉnh ủy Tiền Giang: *Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 5/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - đô thị 03 vùng của tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.*
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang: *Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Báo cáo phương án phát triển và bố trí không gian khu vực Gò Công trở thành địa bàn kinh tế biển gắn với liên kết vùng Đông Nam Bộ.*
9. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang: *Quy hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp thủy sản tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THEO HƯỚNG BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH MỚI

HỒ THỊ THU NGÂN*

Tóm tắt: Đồng bằng sông Cửu Long có vị thế quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và giao thương với các quốc gia Đông Nam Á, tiểu vùng sông Mê Kông. Bên cạnh thuận lợi, ĐBSCL cũng gặp không ít những khó khăn, thách thức về điều kiện tự nhiên, công nghệ, vốn nhân lực, kết cấu hạ tầng, môi trường đầu tư - kinh doanh và cơ chế quản trị - hợp tác - liên kết vùng. Những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức của ĐBSCL trong bối cảnh kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc luôn tồn tại đan xen nhau. Việc nghiên cứu làm rõ những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức có vai trò quan trọng là cơ sở đề xuất giải pháp khả thi để Đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

Từ khóa: Đồng bằng sông Cửu Long, vươn mình, kỷ nguyên mới...

1. Đặt vấn đề

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có diện tích tự nhiên 39.734 km², chiếm 12,2% diện tích cả nước; dân số khoảng 18 triệu người, chiếm 19% dân số cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2024 của vùng đạt 7,31%, cao hơn mức tăng bình quân cả nước (cả nước khoảng 7%), đứng thứ 3/6 các vùng kinh tế. Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đạt 1.409,28 nghìn tỷ đồng, tăng 11,9% so với năm 2023 và chiếm 12,2% cả nước. Thu nhập bình quân đầu người toàn vùng năm 2024 đạt 80,7 triệu đồng/người/năm, đứng thứ 5/6 vùng trên cả nước¹. ĐBSCL là vựa lúa, trung tâm sản xuất thủy sản, trái cây lớn nhất cả nước; đóng góp 31,37% GDP toàn ngành nông nghiệp và hơn 50% sản lượng lúa, 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản, 70% lượng

trái cây, 95% lượng gạo xuất khẩu và 60% sản lượng thủy sản xuất khẩu; đóng vai trò quan trọng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu². Vùng có vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh, đường biên giới đất liền phía Tây Nam, hơn 700km bờ biển (bằng 23% cả nước), 367 nghìn km² vùng biển và vùng đặc quyền kinh tế, giàu tiềm năng về tài nguyên và năng lượng tái tạo như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy triều,... Với tiềm năng to lớn và nhiều lợi thế, ĐBSCL hội đủ những yếu tố cần thiết để trở thành một trong những vùng kinh tế trọng điểm của cả nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số kết quả đạt được

Đảng và Nhà nước đã có nhiều quyết sách và giải pháp để phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của vùng ĐBSCL như: Chính phủ ban hành Nghị

(*) Thạc sĩ, Khoa Lý luận cơ sở.

(1) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tài liệu Hội nghị Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL lần thứ năm, ngày 03/01/2025.

(2) Văn phòng Chính phủ: Thông tin báo chí, Hội nghị công bố “Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030” ngày 21/6/2022.

quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu; Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL giai đoạn 2020-2025; Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 phê duyệt Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 mở ra các cơ hội phát triển mới cho vùng ĐBSCL. Với thế mạnh về hệ thống sông ngòi dày đặc, được hình thành bởi hai hệ thống sông chính là sông Tiền và sông Hậu với tổng chiều dài các tuyến 14.826 km. Trong đó, đường thủy nội địa quốc gia là 2.882 km, đường thủy nội địa địa phương 11.944 km. Việc phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa ở ĐBSCL được đánh giá là một trong những phương thức vận tải có nhiều ưu điểm vượt trội với chi phí thấp, nhanh chóng, an toàn và ít gây ô nhiễm môi trường³.

Ngày 27/11/2023, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững một triệu hecta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030” theo Quyết định số 1490/QĐ-TTg, đây là đề án sản xuất lúa carbon thấp với quy mô lớn, lần đầu tiên được triển khai trên thế giới, sẽ tạo ra cuộc “cách mạng” về sản xuất lúa gạo, với mục tiêu giảm 30% chi phí đầu vào sẽ giảm chi phí sản xuất lúa cho các hộ nông dân khoảng 9.500 tỷ đồng; tỉ suất lợi nhuận của người trồng lúa tăng 50%; góp phần giảm 10% lượng khí nhà kính phát thải; với 1 triệu hecta lúa, giá trị tín chỉ carbon có thể đạt 100 triệu USD mỗi năm nếu bán được với giá 10 USD mỗi tín chỉ⁴.

(3) Học viện Chính trị khu vực IV, Trường Đại học Cần Thơ và Cơ quan thường trực Tập chí Cộng sản tại miền Nam phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học “Kinh tế sông ở ĐBSCL: Những vấn đề lý luận và thực tiễn” ngày 11/8/2022.

(4) Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Báo cáo tại Hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện Đề án “Phát

Năm 2024, nông sản, thực phẩm Việt Nam đã được xuất khẩu sang 190 quốc gia và vùng lãnh thổ, rất nhiều nhóm ngành hàng đã vượt mốc kim ngạch xuất khẩu hơn 1 tỷ USD như nhóm hàng rau quả, gạo, tôm,... và dự kiến còn tăng trưởng mạnh trong thời gian tới, phần lớn đến từ ĐBSCL. Năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 9 triệu tấn gạo, thu về 5,67 tỷ USD, tăng 11,1% về lượng nhưng tăng đến 23% về giá trị. Giá gạo xuất khẩu bình quân năm 2024 cũng tăng 16,7% so với năm 2023; đây là bước bứt phá vô cùng ấn tượng sau 35 năm kể từ khi Việt Nam bắt đầu xuất khẩu gạo. Về thị trường, gạo Việt Nam đã đi khắp thế giới với khoảng 150 quốc gia, vùng lãnh thổ⁵. Vùng ĐBSCL đang đóng góp khoảng 31% GDP toàn ngành nông nghiệp với khoảng 50% sản lượng lúa, 95% lượng gạo xuất khẩu, 65% sản lượng thủy sản nuôi, khai thác, 60% lượng cá xuất khẩu và xấp xỉ 70% trái cây các loại⁶. Việc phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới tại ĐBSCL đã đạt nhiều kết quả tốt; đời sống người dân nông thôn được nâng cao, điều kiện sinh hoạt được cải thiện đáng kể: chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật, cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được quan tâm đầu tư góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển và đổi mới bộ mặt nông thôn.

2.2. Một số hạn chế, khó khăn

Bên cạnh thuận lợi, ĐBSCL cũng gặp không ít những khó khăn, thách thức về điều kiện tự nhiên, công nghệ, vốn nhân lực, kết cấu hạ tầng, môi trường đầu tư - kinh doanh và cơ chế quản trị - hợp tác - liên kết vùng, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Theo kết quả nghiên cứu và lập bản đồ thiệt hại do xâm nhập mặn ở vùng ĐBSCL của Viện Khoa học Tài nguyên nước

triển bền vững một triệu hecta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030” ngày 17/12/2024.

(5) Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI, Xuất khẩu gạo và câu chuyện đường dài, ngày 04/02/2025.

(6) Ban Tuyên giáo Trung ương, Phát huy thế mạnh của vùng ĐBSCL trong xuất khẩu nông sản thế mạnh, ngày 17/01/2025.

(Bộ Tài nguyên và Môi trường), thiệt hại đối với hoạt động sản xuất cây ăn quả, hoa màu, lúa và thủy sản do xâm nhập mặn ở ĐBSCL năm 2024 khoảng 70.168 tỷ đồng. Các nhà khoa học đã xây dựng kịch bản thiệt hại do xâm nhập mặn tại ĐBSCL vào các năm 2030, 2040 và 2050 với mức thiệt hại dự báo lần lượt là 72.385 tỷ đồng, 73.530 tỷ đồng và 76.485 tỷ đồng⁷.

Báo cáo về công tác phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn vùng ĐBSCL của Cục Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và PTNT), dẫn số liệu của Ủy hội sông Mekong quốc tế (Mekong River Commission - MRC) đến năm 2024, các quốc gia thượng nguồn sông Mekong đã xây dựng 128 hồ (13 hồ trên dòng chính, 115 hồ trên dòng nhánh) với dung tích khoảng 88 tỷ m³, dự kiến tăng lên 90-95 tỷ m³ vào năm 2030 và 120 tỷ m³ khi hoàn thành 231 hồ theo quy hoạch giai đoạn 2040 - 2060. Trong tương lai, khi các nước ở thượng nguồn hoàn thành hồ chứa theo quy hoạch, cùng với nước biển dâng, biến đổi khí hậu, hạ thấp lòng dẫn sông, xâm nhập mặn có xu thế gay gắt, bất thường hơn với cường độ và tính phức tạp ngày càng tăng cao, khó lường. Theo báo cáo của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam gửi Cục Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và PTNT) đánh giá về lượng nước giảm từ dự án kênh đào Phù Nam - Techo, trong trường hợp Campuchia sử dụng kênh đào cho mục đích giao thông thủy và đa mục tiêu như phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và thương mại thì ước tính lưu lượng khai thác có thể đến 150m³/s chiếm khoảng 30% lưu lượng về sông Hậu trong mùa kiệt. Điều này tác động nghiêm trọng đến tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn của ĐBSCL⁸.

Về công nghệ và nguồn nhân lực, phần lớn doanh nghiệp ở ĐBSCL ở quy mô nhỏ, siêu nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng khoa học công nghệ dù được đầu tư nhưng chưa tương xứng nhu cầu phát triển công nghệ sản xuất; tác động của khoa học và công nghệ

đến kinh tế-xã hội chưa rõ nét; thiếu lao động có tay nghề trình độ cao, năng suất lao động thấp. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã được hình thành, nhưng chất lượng các dịch vụ cung cấp cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo còn ở mức thấp. Các tổ chức hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo còn dàn trải, hoạt động riêng lẻ ở từng ngành, lĩnh vực; thiếu đơn vị dẫn dắt cho nên một số hoạt động hỗ trợ vẫn còn thiếu sự liên kết.

Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông còn hạn chế, đặc biệt là hệ thống đường bộ cao tốc, chưa đáp ứng được nhu cầu vận tải với khối lượng lớn, tốc độ nhanh, an toàn. Việc phát triển đường thủy vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh vốn có của vùng. Việc xác định đúng vai trò của kinh tế sông (bao gồm các hoạt động kinh tế dựa vào nguồn tài nguyên sông nước, không gian sông nước), từ đó xây dựng lộ trình khai thác, phát triển kinh tế sông phù hợp và có cơ chế quản lý hệ thống sông phù hợp với tình hình mới... Bên cạnh đó, kinh tế sông vùng ĐBSCL đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên nước, ô nhiễm môi trường và nhiều yếu tố bất định khác.

Cấu trúc kinh tế ĐBSCL đã được định hình và thay đổi, cơ cấu lại chuỗi cung ứng sản xuất, cải thiện năng suất còn chậm. ĐBSCL được quy hoạch là “vựa lúa” của Việt Nam và trên thế giới, có nhiệm vụ bảo đảm an ninh lương thực. Điều này khiến cơ hội tăng trưởng và phát triển kinh tế ĐBSCL suy giảm vì phải trồng lúa trong thời gian dài, không được chuyển đổi đất trồng sang mục đích khác.

Những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức của ĐBSCL trong bối cảnh kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, luôn xuất hiện cùng nhau, đan xen nhau. Việc nhận diện rõ những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đó có vai trò, ý nghĩa quan trọng, là cơ sở xây dựng những chiến lược đúng đắn ở tầm vĩ mô và đề xuất được những giải pháp cụ thể, mang tính hệ thống, khả thi để khắc phục khó khăn, tận dụng mọi thời cơ cho công cuộc phát triển đất nước nhanh, bền vững, vững bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

(7) Báo Tiền Phong và Trường Đại học Cần Thơ phối hợp tổ chức “Hội thảo Sông chung với hạn, mặn vùng ĐBSCL” ngày 27/3/2024.

(8) Hội nghị “Tham vấn về đề xuất Dự án kênh đào Phù Nam - Techo của Campuchia” ngày 23/4/2024.

2.3. Một số giải pháp

Thứ nhất, thực hiện có hiệu quả “Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022. Các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL cần nghiên cứu hoạch định chiến lược phát triển với những giải pháp đột phá, chú trọng liên kết vùng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thứ hai, xác định phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và logistics là giải pháp đột phá đưa ĐBSCL phát triển nhanh, bền vững. Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, cả đường thủy và đường bộ. Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại, đồng bộ, hỗ trợ hiệu quả cho các trung tâm đầu mối về nông nghiệp; phát triển thương mại điện tử, thương mại biên giới để mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm nông sản có thể mạnh.

Thứ ba, đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và tích hợp, nông nghiệp sinh thái là trọng tâm, công nghiệp năng lượng là đột phá, dịch vụ là bệ đỡ, dựa trên hệ sinh thái, phù hợp quy luật tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa, con người vùng ĐBSCL. Trong đó, nâng cao vai trò khu vực công nghiệp - xây dựng, khu vực dịch vụ; thúc đẩy tăng trưởng trên từng lĩnh vực, GRDP vùng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu trong nội hàm khu vực 1: Nông nghiệp; khu vực 2: Công nghiệp - Xây dựng; khu vực 3: Dịch vụ theo chiến lược phát triển; từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chủ yếu dựa vào sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Thứ tư, chuyển đổi nông nghiệp một cách toàn diện, cải thiện năng suất và gia tăng giá trị sản phẩm, sản xuất nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn, áp dụng mô hình sản xuất “thuận thiên”, thích ứng biến đổi khí hậu, biến thách thức thành cơ hội “chủ động sống chung với lũ, ngập, nước lợ, nước mặn”. Phát triển các sản phẩm chiến lược theo ba trọng tâm: thủy sản, trái cây và lúa gạo theo lợi thế

của vùng và các tiểu vùng dựa trên nguyên lý phát huy tối đa tính thích ứng tự nhiên các sản phẩm nông nghiệp và theo nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, phải dựa trên hệ thống canh tác, hạ tầng thủy lợi đã hình thành và điều chỉnh dần trong tương lai theo lộ trình, tránh làm xáo trộn đời sống người dân.

Thứ năm, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với tiềm năng, lợi thế của vùng. Phát triển công nghiệp bền vững, công nghệ tiên tiến, công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng gió, năng lượng mặt trời gắn với kinh tế biển, kiểm soát tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển; nâng cao tính tập trung của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với khu vực đô thị, hệ thống kết cấu hạ tầng liên kết vùng, liên vùng, quốc tế để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh.

Thứ sáu, tăng cường đầu tư cho y tế, giáo dục, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của nhân dân; thu hút các dự án đầu tư đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội để góp phần giữ chân lao động trẻ ở lại vùng ĐBSCL, đồng thời cải thiện kiến thức, kỹ năng, thái độ của người lao động; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho yêu cầu phát triển nền nông nghiệp hiện đại, kinh tế biển bền vững và các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ chuẩn bị sẵn sàng cho phát triển nền kinh tế ĐBSCL trong kỷ nguyên mới.

Thứ bảy, chủ động huy động nguồn lực, phát huy vai trò đóng góp của doanh nghiệp, người dân cùng phát triển địa phương. Tăng cường thu hút các nhà đầu tư chiến lược mở rộng sản xuất, gia tăng đầu tư; ưu tiên thu hút đầu tư PPP phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp kết hợp du lịch; công nghiệp chế biến, chế tạo; các ngành hỗ trợ cho sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; chuyển đổi số; logistics; dịch vụ y tế; giáo dục; du lịch và bất động sản. Tiếp tục huy động mọi nguồn lực thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn tiếp theo.

Thứ tám, đưa liên kết vùng trở thành tư duy chủ đạo dẫn dắt sự phát triển toàn vùng và từng địa phương trong vùng. Tăng cường quán triệt sâu sắc, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng

và liên kết vùng. Chủ động và tích cực tham gia các hoạt động liên kết vùng để tư vấn, kết nối, tạo việc làm cho người lao động; giải quyết những vấn đề liên tỉnh, thành phố thuộc thẩm quyền của các địa phương trong vùng; tăng cường học tập, giao lưu, liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố thuộc các vùng kinh tế trọng điểm khác để khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế sẵn có của các địa phương trong tiểu vùng, toàn vùng.

Thứ chín, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh; chủ động nắm bắt và xử lý tốt các vấn đề an ninh phi truyền thống; kiểm soát tình hình ma túy, tín dụng đen, khiếu kiện đông người, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; chủ động phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm; xây dựng xã hội ổn định, an toàn phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; chủ động phòng ngừa và đấu tranh kiên quyết, làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”; vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Thứ mười, xây dựng, hoàn thiện tổ chức

bộ máy hệ thống chính trị “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực và uy tín với nhân dân. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Đổi mới mạnh mẽ tác phong, phong cách, phương pháp, lề lối làm việc cán bộ, công chức, viên chức theo hướng nhanh nhẹn, khoa học, hiệu quả với phương châm “lấy công việc làm trung tâm; lấy hiệu quả, kết quả công việc làm thước đo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ”. Tăng cường hoạt động đối thoại giữa chính quyền và doanh nghiệp để tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo đảm nguyên tắc “lợi ích hài hòa - rủi ro chia sẻ” giữa chính quyền và doanh nghiệp.

Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều tiềm năng, cơ hội, lợi thế cạnh tranh so với các vùng trong cả nước, khi các thách thức, khó khăn được tháo gỡ sẽ tạo nên sức bật mới để vùng đất này mạnh mẽ bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương, Phát huy thế mạnh của vùng ĐBSCL trong xuất khẩu nông sản thế mạnh, ngày 17/01/2025.
2. Báo Tiền Phong và Trường Đại học Cần Thơ phối hợp tổ chức “Hội thảo Sống chung với hạn, mặn vùng ĐBSCL” ngày 27/3/2024.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tài liệu Hội nghị Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL lần thứ năm, ngày 03/01/2025.
4. Lê Minh Hoan: Báo cáo tái cơ cấu nông nghiệp và đầu tư hệ thống các công trình thủy lợi vùng ĐBSCL giai đoạn 2022 - 2030, Hội nghị công bố “Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030” ngày 21/6/2022.
5. Học viện Chính trị khu vực IV, Trường Đại học Cần Thơ và Cơ quan thường trực Tạp chí Cộng sản tại miền Nam phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học “Kinh tế sông ở ĐBSCL: Những vấn đề lý luận và thực tiễn” ngày 11/8/2022.
6. Hội nghị “Tham vấn về đề xuất Dự án kênh đào Phù Nam - Techo của Campuchia” ngày 23/4/2024.
7. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI, Xuất khẩu gạo và câu chuyện đường dài, ngày 04/02/2025.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Báo cáo tại Hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030” ngày 17/12/2024.
9. Văn phòng Chính phủ: Thông tin báo chí, Hội nghị công bố “Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030” ngày 21/6/2022.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP XÃ Ở TỈNH TIỀN GIANG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

NGUYỄN VĂN TƯƠI*

Tóm tắt: Chính quyền cơ sở là cấp gần dân, sát dân nhất, là cầu nối trực tiếp giữa Đảng và Nhà nước tới Nhân dân. Cán bộ, công chức cấp xã có vai trò hết sức quan trọng đối với sự nghiệp đổi mới của đất nước. Hệ thống chính trị cấp xã chỉ phát huy được vai trò khi xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực tổ chức thực tiễn. Bài viết nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, tình hình trình độ đội ngũ của cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Tiền Giang, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Từ khóa: Cán bộ, công chức; chính quyền cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng;...

1. Đặt vấn đề

Kế thừa tinh hoa của dân tộc “hiền tài là nguyên khí quốc gia”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của cán bộ và tầm quan trọng của công tác cán bộ. Người cho rằng: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo lại cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”⁽¹⁾. Người cũng nhấn mạnh đến trách nhiệm của Đảng đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ: là việc làm hệ trọng, phải rất công phu, chu đáo, tỉ

mỉ, cũng giống như người làm vườn chăm sóc, vun trồng những cây cối quý báu, cần mẫn, tâm huyết mới có hoa thơm, quả ngọt. Đảng và Nhà nước nói chung, lãnh đạo tỉnh Tiền Giang nói riêng luôn xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách, là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị. Công tác đào tạo, bồi dưỡng là một khâu không thể thiếu của công tác cán bộ, có vai trò quan trọng trong việc góp phần xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đặc biệt, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã có vai trò rất quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở, là nền tảng để nâng cao năng lực, hiệu quả thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức nói chung và đội

(*) Thạc sĩ, Khoa Xây dựng Đảng.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.269.

ngũ cán bộ, công chức cấp xã nói riêng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Trong thời kỳ đổi mới đất nước, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong đó đều nhấn mạnh đến nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ, nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ. Trong Nghị quyết Trung ương IV khóa XI, XII, XIII, Đảng ta đặc biệt nhấn mạnh đến việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống cũng như những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên. Nghị quyết xác định đào tạo, bồi dưỡng là một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm. Bên cạnh đó, Đảng, Nhà nước ta còn đề ra các quy định cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để các cấp ủy đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên thực hiện.

Theo Quy định số 164-QĐ/TW ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị đã quy định cụ thể về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trong đó có quy định cụ thể về bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy quản lý (trong đó có đối tượng là cán bộ, công chức cấp xã).

Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, trong đó quy định rõ về nội dung, hình thức, loại hình tổ chức bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có cán bộ, công chức cấp xã, cụ thể như sau: (1) Về nội dung bồi dưỡng: lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng và an ninh; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm; (2) Về hình thức bồi dưỡng: Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã; (3) Về loại hình tổ chức bồi dưỡng: Tập trung; không tập trung.

Bên cạnh đó, Điều 10 Nghị định 33/2023/

NĐ-CP quy định tiêu chuẩn của từng chức danh đối với cán bộ, công chức công chức cấp xã như sau: Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông; Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã.

2.2. Khái quát tình hình trình độ đội ngũ của cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Tiền Giang

2.2.1. Ưu điểm

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là từ khi có Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chương trình, kế hoạch, hướng dẫn... để lãnh đạo, chỉ đạo công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 27/6/2011 của Tỉnh ủy Tiền Giang về nâng cao chất lượng công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước khẳng định: “Đội ngũ cán bộ các cấp ngày càng trưởng thành, tăng về số lượng, được đào tạo cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học...; số cán bộ trẻ ngày càng vững vàng, thể hiện được bản lĩnh, tính năng động, sáng tạo, có khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và quá trình hội nhập quốc tế”⁽²⁾

Thông kê của Sở Nội vụ và Ban Tổ chức Tỉnh ủy về số lượng cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Tiền Giang năm 2024, toàn tỉnh có 3.443 cán bộ, công chức cấp xã. Đây là một nguồn lực lớn của tỉnh Tiền Giang trong quá trình đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mang tính toàn diện. Trong đó, trình độ chuyên môn cụ thể như sau: Sơ cấp: 85 người, chiếm tỷ lệ 2,46%; Trung cấp:

(2) Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 27/6/2011 của Tỉnh ủy Tiền Giang về nâng cao chất lượng công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

348 người, chiếm tỷ lệ 10,10%; Cao đẳng: 74 người, chiếm tỷ lệ 2,14%; Đại học: 2.881 người, chiếm tỷ lệ 83,67%; Sau đại học: 55 người, chiếm tỷ lệ 1,63%.

Về trình độ lý luận chính trị và quản lý nhà nước của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Tiền Giang cụ thể như sau: (1) Trình độ lý luận chính trị của cán bộ, công chức cấp xã (Cao cấp: 287 người, chiếm tỷ lệ 8,34%; Cử nhân: 6 người, chiếm tỷ lệ 0,17%; Trung cấp: 2.817 người, chiếm tỷ lệ 81,82%; Sơ cấp: 253 người, chiếm tỷ lệ 7,35%; Chưa qua đào tạo: 80 người, chiếm tỷ lệ 2,32%); (2) Trình độ quản lý nhà nước (Chuyên viên chính và tương đương: 146 người, chiếm tỷ lệ 4,24%; Chuyên viên và tương đương: 1.254 người, chiếm tỷ lệ 36,42%; Chưa qua đào tạo: 2.043 người, chiếm tỷ lệ 59,34%). Trên cơ sở số liệu thống kê có thể thấy công tác chuẩn hóa đối với cán bộ, công chức ở tỉnh Tiền Giang về trình độ lý luận chính trị đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Bên cạnh đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 03/3/2017 của Tỉnh ủy nhằm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đã khẳng định: “Qua 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 12-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, đã tạo sự chuyển biến quan trọng trong tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đa số cán bộ, đảng viên; từng bước ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính tự giác, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị... Phần lớn đội ngũ cán bộ, đảng viên từ tỉnh đến cơ sở luôn thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng của Đảng và dân tộc; ra sức rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, có ý thức phục vụ nhân dân,

được nhân dân tin tưởng”³.

Kết quả trên thể hiện sự nỗ lực rất lớn của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp của tỉnh Tiền Giang thời gian qua, trong đó có một phần không nhỏ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Họ đã kế thừa kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý của thế hệ cha anh đi trước, tích cực học tập, nghiên cứu, đổi mới cách nghĩ, cách làm, đóng góp công sức và trí tuệ của mình vào quá trình xây dựng và phát triển tỉnh Tiền Giang thêm vững mạnh. Họ là những người có đạo đức, có trí tuệ, tính năng động và sáng tạo cao trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2.2.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, đội ngũ cán bộ, công chức tỉnh nói chung và cấp xã nói riêng cũng còn một số hạn chế nhất định như: “Một bộ phận cán bộ, công chức chưa tự giác phấn đấu, rèn luyện, thiếu tính chủ động, năng động trong công tác tham mưu, đề xuất; việc am hiểu và cập nhật về chuyên môn nghiệp vụ và pháp luật chưa được thường xuyên, công tác quan hệ, đối ngoại còn thụ động, bên cạnh đó một số cán bộ, công chức có biểu hiện quan liêu, thực dụng, thiếu trách nhiệm, hiệu quả công việc chưa cao nhưng chậm được khắc phục”⁴; “một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức có biểu hiện quan liêu, thụ động, dựa dẫm, trông chờ cấp trên, chưa tích cực đổi mới lề lối làm việc, tỏ ra lười biếng, trì trệ, tắc trách, nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít, tinh thần trách nhiệm đối với công việc không cao, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm, vô trách nhiệm hoặc đùn đẩy khó khăn của cán bộ, công chức cho người dân, doanh nghiệp; thiếu năng

(3) Chương trình hành động số 14-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

(4) Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 27/6/2011 của Tỉnh ủy Tiền Giang về nâng cao chất lượng công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

động, sáng tạo”⁵.

Theo thống kê của Sở Nội vụ và Ban Tổ chức Tỉnh ủy về số lượng cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Tiền Giang năm 2024, đa số cán bộ công chức cấp xã đã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và trình độ lý luận chính trị. Bên cạnh đó, đa số cán bộ, công chức chưa qua đào tạo về trình độ quản lý nhà nước chiếm tỷ lệ 59,34%. So với tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và trình độ lý luận chính trị theo Nghị định 33/2023/NĐ-CP thì tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã chưa đạt trình độ chuyên môn đại học khá cao 14,7%, và 2,32% cán bộ, công chức cấp xã chưa qua đào tạo trình độ lý luận chính trị.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời gian tới

Thứ nhất, đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, nhất là phát huy vai trò, trách nhiệm của của người đứng đầu trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nói chung và cán bộ, công chức cấp xã nói riêng. Xác định đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là một trong những khâu quan trọng trong công tác cán bộ, do vậy cần phải được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc. Các cấp ủy địa phương cần chú trọng chỉ đạo xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo tiêu chuẩn chức danh, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm của từng giai đoạn; chọn cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng đúng đối tượng, tránh tràn lan, gây tốn kém, lãng phí.

Thứ hai, đổi mới, ban hành cơ chế, chính sách tạo động lực để cán bộ, công chức nâng cao ý thức tự đào tạo, chủ động, tích cực tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng. Bên cạnh đó, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong và sau quá trình tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Thứ ba, đổi mới nội dung, chương trình

(5) Chỉ thị số 07-CT/TU của Tỉnh ủy Tiền Giang về việc nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực phát huy tinh năng động, sáng tạo của cán bộ, công chức, viên chức các cấp của tỉnh Tiền Giang trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở phải đảm bảo tính hệ thống, tính cơ bản, tính hiện đại và tính thực tiễn, sát hợp với từng đối tượng, từng loại chức danh cán bộ; chú trọng hơn nữa về kỹ năng, bồi dưỡng kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.

Thứ tư, xây dựng được đội ngũ giảng viên, báo cáo viên đảm bảo về số lượng và chất lượng, giỏi lý luận, giàu kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn, có phương pháp giảng dạy tích cực, có đạo đức nghề nghiệp, tâm huyết với nghề; có cơ cấu hợp lý, tăng cường đội ngũ giảng viên, báo cáo viên kiêm chức, thỉnh giảng đã và đang là cán bộ lãnh đạo, quản lý tại địa phương; hoặc mời các chuyên gia tham gia báo cáo một số chuyên đề.

Thứ năm, nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng. Ngoài đội ngũ cán bộ giảng dạy, quản lý thì cơ chế hoạt động, năng lực vận hành tổ chức bộ máy cần được quan tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm cho giảng dạy, nghiên cứu và học tập.

3. Kết luận

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức cấp xã là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới. Để hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã đem lại kết quả cao, đòi hỏi cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp phải có những chiến lược dài hạn căn cứ vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và thực tiễn hoạt động cán bộ trong từng năm. Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới cần thực hiện nhiều giải pháp mang tính đồng bộ. Bên cạnh đó, mỗi cán bộ, công chức cũng không ngừng nâng cao ý thức tự đào tạo, tinh thần trách nhiệm trong công tác nhằm nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần “xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài”. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (2017): Chương trình hành động số 14-CTr/TU thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.
2. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 5.
3. Tỉnh ủy Tiền Giang (2011): Nghị quyết số 03-NQ/TU về nâng cao chất lượng công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
4. Tỉnh ủy Tiền Giang (2013): Chỉ thị số 07-CT/TU về việc nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực phát huy tính năng động, sáng tạo của cán bộ, công chức, viên chức các cấp của tỉnh Tiền Giang trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT VÀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHỢ GẠO

NGUYỄN DƯƠNG THANH THỦY - LÊ THỊ MỸ DUYÊN*

Tóm tắt: Giám sát và phản biện xã hội là chức năng, nhiệm vụ của MTTQ Việt Nam, qua đó thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, đồng thời là phương thức để người dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Trong những năm qua, hoạt động giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam các cấp trên địa bàn huyện Chợ Gạo đã đạt được những kết quả quan trọng, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế cần được nghiên cứu làm rõ để có những giải pháp thực hiện tốt hoạt động này trong thời gian tới. Bài viết nghiên cứu những kết quả đạt được, hạn chế và đề xuất một số giải pháp nâng cao hoạt động giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam các cấp trên địa bàn huyện Chợ Gạo trong thời gian tới.

Từ khóa: MTTQ Việt Nam, giám sát, phản biện xã hội, Chợ Gạo...

1. Đặt vấn đề

Thực tế hoạt động giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam có nội dung trải rộng trên nhiều lĩnh vực gắn với địa bàn cơ sở. Trong thời gian qua, hoạt động giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam ở các cấp trên địa bàn huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang còn gặp nhiều khó khăn, một bộ phận cán bộ tham gia thực hiện hoạt động giám sát và phản biện xã hội còn hạn chế về trình độ, nghiệp vụ, kinh nghiệm, đặc biệt là đối với một số lĩnh vực giám sát có nội dung phức tạp, dẫn đến chất lượng, hiệu quả giám sát chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Nghiên cứu phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam các cấp trên địa bàn huyện Chợ Gạo là một nhiệm vụ cần thiết gắn với nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và của tỉnh Tiền Giang.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những kết quả đạt được

2.1.1. Kết quả thực hiện hoạt động giám sát

Giai đoạn 2023 - 2024, hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các cấp trên địa bàn huyện Chợ Gạo tập trung vào các nội dung giám sát gồm nhiều lĩnh vực khác nhau, hầu hết là những vấn đề gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương và liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, cụ thể như:

Năm 2023, tập trung giám sát việc rà soát, bình xét hộ nghèo thoát nghèo bền vững; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thu - chi Quỹ nhân dân đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi ở địa phương; thu - chi của Tổ hợp tác cung cấp nước sinh hoạt; tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; giải quyết các thủ tục hành chính thuộc UBND cấp xã; giải quyết chính

(*) Thạc sĩ, Khoa Nhà nước và Pháp luật.

sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội của UBND cấp xã; xử phạt vi phạm hành chính đối với Công an xã năm 2021, 2022; vận động và quản lý quỹ của Đội dân phòng năm 2022; công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn xã; giám sát cán bộ, đảng viên; việc bình xét và tuyển chọn công dân nhập ngũ; thực hiện các công trình, dự án của cấp đầu tư thi công trên địa bàn huyện.

Năm 2024, tập trung giám sát công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ của MTTQ trên địa bàn huyện năm 2024; công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn huyện năm 2024; công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; công tác thực hiện pháp luật hòa giải trong hòa giải tranh chấp đất đai; thực hiện quy chế dân chủ trong việc điều tra, công khai kết quả hộ nghèo năm 2023 và triển khai thực hiện các chế độ chính sách trong năm 2024; giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ; việc rà soát, bình xét hộ nghèo thoát nghèo bền vững; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thu - chi quỹ nhân dân đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi ở địa phương; thu - chi của Tổ hợp tác nước; việc tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; giải quyết các thủ tục hành chính thuộc UBND cấp xã; công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn xã; việc bình xét và tuyển chọn công dân nhập ngũ.

Sau giám sát, MTTQ Việt Nam các cấp đã tổ chức các cuộc hậu giám sát (năm 2023: tổ chức 13 cuộc; năm 2024: tổ chức 08 cuộc) để giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị mà các đơn vị, cá nhân được giám sát phải thực hiện. Sau khi tổ chức giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị, hầu hết các đơn vị, cá nhân được giám sát đã kịp thời khắc phục, sửa chữa và giải quyết dứt điểm những hạn chế, thiếu sót.

2.1.2. Kết quả thực hiện hoạt động phản biện xã hội

MTTQ Việt Nam các cấp trên địa bàn huyện Chợ Gạo đã tổ chức thực hiện công tác phản biện xã hội tập trung vào các nội dung về việc thực hiện các chính sách pháp

luật của Nhà nước, lối sống, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; cách ứng xử giải quyết các thủ tục hành chính của dân đối với công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận một cửa; tác phong, ngôn phong, ý thức phục vụ Nhân dân, mối liên hệ, gương mẫu của cán bộ nơi cư trú. Nội dung góp ý được thông qua việc lấy phiếu tín nhiệm, mức độ hài lòng của người dân đối với cán bộ một cửa, tổ chức lấy ý kiến tại hội nghị cán bộ, công chức. Các góp ý được thực hiện trực tiếp qua các cuộc họp Ban chấp hành, hội nghị do Đảng ủy tổ chức hoặc thông qua văn bản. Các cấp ủy Đảng giải quyết kịp thời, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của nhiệm vụ đặt ra và phù hợp với quy định của các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh đó, MTTQ Việt Nam các cấp ở huyện Chợ Gạo đã tham gia đóng góp ý kiến về việc thực hiện công tác cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng; công tác thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Bộ phận một cửa, một cửa liên thông, cũng như công tác tiếp dân định kỳ của lãnh đạo UBND các cấp. Nội dung góp ý được thể hiện bằng văn bản, qua việc tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp của Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp, các cuộc họp liên ngành, góp ý trực tiếp qua các cuộc hội nghị, họp hàng tháng, quý, năm, hoặc các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ với Nhân dân.

Qua công tác góp ý, phản biện, UBND cấp xã, các ngành có liên quan đã đề ra các giải pháp giải quyết các vấn đề bức xúc của đoàn viên, hội viên và Nhân dân thuộc thẩm quyền, những nội dung thuộc thẩm quyền cấp trên thì tổng hợp báo cáo để giải quyết kịp thời đúng pháp luật.

Những kết quả đạt được nêu trên trước hết là được sự quan tâm của lãnh đạo các cơ quan trong việc đảm bảo thực hiện các nội dung hoạt động giám sát và phản biện xã hội; các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung ngày càng hoàn thiện tạo lập cơ sở pháp lý cho việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện, thực thi công vụ và nâng cao đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức (CBCC) trên địa bàn huyện; nhận thức

cũng như sự quan tâm và tham gia vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội của người dân được thể hiện cụ thể; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng và trách nhiệm của đội ngũ CBCC thực hiện các hoạt động giám sát và phản biện xã hội trên địa bàn huyện Chợ Gạo ngày càng được nâng cao; đồng thời, sự phát triển của khoa học - công nghệ đã góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam các cấp đối với hoạt động của Đảng, chính quyền địa phương trên địa bàn huyện.

2.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

Một là, việc quán triệt, phổ biến, tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giám sát, phản biện xã hội ở một số địa phương chưa thực sự hiệu quả, chưa mạnh dạn, thẳng thắn góp ý xây dựng, các kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội chưa có tính thuyết phục cao.

Hai là, chất lượng giám sát, phản biện xã hội, có lúc, có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa phát huy mạnh mẽ vai trò, sự tham gia của các thành viên MTTQ các cấp và Nhân dân; một số tổ chức chính trị - xã hội cấp xã thiếu chủ động phát huy vai trò là chủ thể giám sát, chọn nội dung giám sát phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Ba là, việc lập dự toán và đề xuất với HĐND, UBND xét duyệt, cấp kinh phí cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của MTTQ các cấp chưa kịp thời theo quy định.

Nguyên nhân của hạn chế trên là do sự quan tâm của một số cấp ủy, chính quyền về vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ chưa đầy đủ; công tác tuyên truyền, vận động, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời; việc xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch giám sát, phản biện xã hội chưa chủ động, thiếu trọng tâm, trọng điểm; việc theo dõi, giải quyết kiến nghị của MTTQ các cấp còn thiếu quyết liệt.

2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng giám sát và phản biện xã hội của MTTQ các cấp trên địa bàn huyện Chợ Gạo trong thời gian tới

Thứ nhất, tăng cường sự quan tâm của

các cấp ủy Đảng, chính quyền về vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ các cấp. Sự quan tâm của cấp ủy đảng, chính quyền quyết định hiệu quả hoạt động giám sát và phản biện xã hội, thông qua những việc làm cụ thể như: Tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt quy chế phối hợp, thống nhất hành động giữa MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội với UBND các cấp, các ngành nhằm tạo nên sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ chung; bố trí cán bộ có năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị cho MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội để có đủ khả năng thực hiện công tác giám sát phản biện xã hội. Chính quyền địa phương cần có chương trình phối hợp cụ thể hàng năm, tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam các cấp thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội, tiếp thu, giải quyết kịp thời những kiến nghị của MTTQ các cấp.

Thứ hai, đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền, quán triệt sâu sắc trong cấp ủy Đảng, Chính quyền, MTTQ Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về các quy định của Đảng, Nhà nước về giám sát và phản biện xã hội; thực hiện tốt chương trình phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, các cơ quan truyền thông trong thực hiện công khai của giám sát và phản biện xã hội, phát huy được dân chủ tập hợp được ý kiến đông đảo của Nhân dân tham gia.

Thứ ba, MTTQ Việt Nam các cấp kịp thời củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Tư vấn pháp luật, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và Nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ tham gia góp ý, phản biện xã hội đối với việc xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật ở cơ sở.

Thứ tư, hàng năm MTTQ các cấp chủ động lựa chọn những nội dung, vấn đề bức xúc có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân để xây dựng kế hoạch triển khai công tác giám sát và phản biện

xã hội; đa dạng hóa các hình thức giám sát, chú trọng giám sát các vấn đề mà Nhân dân quan tâm; theo dõi, đôn đốc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị sau giám sát; phát huy vai trò của những cá nhân có uy tín, tiêu biểu, có kinh nghiệm tham gia vào quá trình giám sát, lắng nghe ý kiến của người dân.

3. Kết luận

Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của MTTQ các cấp trên địa bàn huyện Chợ Gạo thời gian qua đã đạt được những kết

quả quan trọng, nhưng cũng còn những khó khăn và hạn chế nhất định. Trong thời gian tới, các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ các cấp tiếp tục lãnh đạo thực hiện đồng bộ những giải pháp, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCCC, phát huy sự đoàn kết, đồng lòng của cả hệ thống chính trị ở cơ sở và Nhân dân để nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát và phản biện xã hội của MTTQ các cấp trên địa bàn huyện Chợ Gạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Chợ Gạo: *Báo cáo số 477/BC-MTTQ-BTT, Báo cáo số 266/BC-MTTQ-BTT về tổng kết công tác giám sát, phản biện xã hội của MTTQ huyện Chợ Gạo năm 2023, 2024.*
2. Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Chợ Gạo: *Báo cáo số về tổng kết hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng năm 2024.*
3. Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Chợ Gạo: *Báo cáo số 419/BC-MTTQ-BTT Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2017, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam.*

CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY PHÁT HUY Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG DÂN TỘC, XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC NGÀY CÀNG PHỒN VINH, HẠNH PHÚC GẮN VỚI TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG

ĐỖ THỊ HỒNG THU*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn yêu cầu cán bộ, đảng viên phải nêu gương trước quần chúng. Người quan niệm: Một tấm gương sống có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền; trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến; quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức; muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước; đảng viên đi trước, làng nước theo sau...

Vấn đề nêu gương của cán bộ, đảng viên cũng được đề cập rất nhiều lần trong các văn kiện, chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng như: Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Quy định số 55-QĐ/TW của Bộ Chính trị đã nghiêm cấm một số việc và yêu cầu cán bộ, đảng viên thực hiện nghiêm một số việc, nhằm tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, giữ gìn hình ảnh, uy tín của Đảng... Quy định 08-QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương đề cập 8 nội dung mà các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương phải gương mẫu thực hiện; đồng thời thẳng thắn chỉ rõ những nội dung phải nghiêm khắc với bản thân và kiên quyết chống, tập trung vào những khuyết điểm, yếu kém, bức xúc trong xã hội do cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu gây ra; việc nêu gương không chỉ tự thân cán bộ, đảng viên, mà còn trong

quan hệ đối với người thân, gia đình, đối với công việc, tập trung vào các vấn đề về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong công tác, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, chấp hành kỷ cương, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân...

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, chỉ rõ: “Động lực và nguồn động lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”. Để khơi dậy tinh thần yêu nước, phát huy ý chí tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải thật sự thực hiện tốt vấn đề nêu gương.

Nhận thức đầy đủ nội dung, giá trị, ý nghĩa to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, biến thành động lực, mục tiêu, phương pháp hành động của mỗi cán bộ, đảng viên với tinh thần nêu gương, chủ động và sáng tạo, chính là nguồn sức mạnh to lớn để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy nội lực, vượt qua khó khăn,

(*) Phó Giám đốc Trung tâm chính trị huyện Gò Công Tây

thách thức, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên ở Đảng bộ huyện Gò Công Tây cần phát huy cao độ tinh thần yêu nước bằng việc nêu gương trước toàn dân thông qua những hành động cụ thể, thiết thực, gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao, đặc biệt là trong việc khơi dậy và phát huy trách nhiệm nêu gương nhằm chuyển hóa chủ nghĩa yêu nước thành khát vọng cống hiến, dựng xây đất nước thành động lực, tinh thần to lớn thúc đẩy sự phát triển toàn diện và bền vững của quốc gia.

Cán bộ, đảng viên phải nêu gương về đạo đức cách mạng; phải thật sự nêu gương dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung; phải nêu gương gần dân, sát dân, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân. Vì vậy, trong thời gian tới, để phát huy ý chí tự lực, tự cường dân tộc, xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên và Đảng bộ huyện Gò Công Tây yêu cầu thực hiện một số nội dung sau:

Một là, mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu, nhận thức đúng, đầy đủ nhiệm vụ mục tiêu phát triển của quê hương đất nước, bằng bản lĩnh và ý chí của người cách mạng, thể hiện khát vọng phát triển cá nhân hài hòa trong khát vọng phát triển chung của quê hương, đất nước, xem đây là động lực trong sáng dẫn dắt ý chí, khát vọng hành động nhằm góp phần xây dựng quê hương Gò Công Tây giàu đẹp, văn minh, hiện đại; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Hai là, với tinh thần tự lực, tự cường, mỗi cán bộ, đảng viên phải tự trang bị, rèn luyện cho mình một tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc cầu thị, hợp tác, tinh thần tự nghiên cứu, độc lập, sáng tạo. Chỉ khi có thái độ học tập thường xuyên, thực chất thì mới có điều kiện để nâng cao hiểu biết, áp dụng vào công việc. Hơn nữa, ở những con người có thói quen tự học thường xuyên và suốt đời, lấy sự học làm căn cốt thì mới có khả năng phản biện, tinh thần nghiên cứu

độc lập, khoa học. Nhất là trong bối cảnh hiện nay, với sự phát triển như vũ bão của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thách thức mới của công cuộc chuyển đổi số, nếu không thường xuyên tự học, nghiên cứu suốt đời thì mỗi người sẽ trở nên lạc hậu, rất dễ trở thành người bảo thủ, trì trệ, cản trở phát triển.

Ba là, mỗi cán bộ, đảng viên của huyện phải gương mẫu đi đầu trong việc xây dựng và thực hành đoàn kết. Là lực lượng nòng cốt, đồng đạo nhất trong bộ máy Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, là “công bộc của dân”, “đày tớ của dân”, mỗi cán bộ, đảng viên phải xây dựng được mối quan hệ đoàn kết, gắn bó, dĩ công vi thượng, gần gũi, chăm lo cho nhân dân “trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân”. Có vậy, mới phát huy nguồn sức mạnh, trí tuệ to lớn từ trong nhân dân, cùng nhau hợp sức xây dựng cho được một xã hội đồng thuận cao trên tinh thần cởi mở, độ lượng, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định và phát triển toàn diện và bền vững của đất nước.

Bốn là, nêu gương từ những người đứng đầu. Khi đề nghị mỗi cán bộ, đảng viên cần nghiêm túc thực hiện trách nhiệm nêu gương, Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ: người có chức vụ càng cao, càng lớn thì càng phải gương mẫu trong tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lề lối công tác để quần chúng nhân dân noi theo. Phải thể hiện được tư tưởng vững vàng, quan điểm đúng đắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, hết lòng vì nước vì dân. Có phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, sâu sắc thực tiễn, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể. Do vậy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức càng phải thể hiện tính tiên phong, gương mẫu, từ đó sẽ lan tỏa, truyền cảm hứng đến tập thể, mọi cán bộ, đảng viên theo sau nhằm khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong Đảng và xã hội.

Năm là, tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; nâng cao tính cảnh tỉnh, răn đe đối với những tư tưởng, biểu hiện tiêu cực; đồng thời khuyến khích, cổ vũ cán

bộ, đảng viên suy nghĩ, hành động vì lợi ích chung, vì hạnh phúc của nhân dân, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh.

Với tinh thần “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, mỗi cán bộ, đảng viên kiên quyết, kiên trì, tích cực phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, tiêu cực, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành việc làm thường xuyên, nhu cầu văn hóa tinh thần trong Đảng. Mỗi đảng viên, cán bộ chân chính cần rèn luyện bản lĩnh để chống lại cám dỗ từ những vinh hoa, phú quý không chính đáng; biết trọng danh dự; tuyệt đối không được lạm dụng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn mà Đảng và nhân dân đã tin tưởng, giao phó để theo đuổi mục đích riêng của mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: “Người đảng viên - dù công tác to hay nhỏ, địa vị cao hay thấp - ở đâu cũng phải làm gương mẫu cho quần chúng. Mỗi đảng viên là một người thay mặt cho Đảng trước quần chúng, để giải thích chính sách của Đảng và của Chính phủ cho quần chúng hiểu rõ và vui lòng thi hành. Mà muốn cho quần chúng

hăng hái thi hành, thì người đảng viên ắt phải xung phong làm gương mẫu để quần chúng bắt chước, làm theo”⁴. Sự nghiệp cách mạng của Đảng đang đứng trước thời cơ, vận hội lớn chưa từng có, song vẫn còn có những thách thức mới đan xen. Do vậy, mỗi cán bộ, đảng viên bằng mục tiêu, khát vọng trong sáng, chân chính, bản lĩnh và ý chí kiên định, tinh thần tự lực tự cường, tự tôn vươn lên trong mọi hoàn cảnh, dám làm, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm để chung tay hiện thực hóa mục tiêu quê hương kiêu hãnh, đất nước phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Mỗi cán bộ, đảng viên ở Đảng bộ huyện Gò Công Tây cần phát huy vai trò nêu gương trong xây dựng ý chí, khát vọng phát triển đối với bản thân và của cơ quan, đơn vị. Không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng, tự giác nêu gương cần, kiệm, liêm, chính, lao động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Mỗi cán bộ, đảng viên tự nêu gương sáng, hàng triệu đảng viên là những tấm gương sáng, toàn Đảng ta sẽ thực sự trong sạch, vững mạnh, gắn bó máu thịt với nhân dân. Đây là điều kiện tiên quyết để khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong Đảng và xã hội. □

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, tập 1, tr.34.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.1, tr.284.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.16.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 55.

HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH TRỒNG CÂY SẢ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

PHAN VÕ KHÁNH DUY*

Tóm tắt: Những năm qua, nông dân ở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang mạnh dạn phá thế độc canh cây lúa chuyển sang trồng cây sả trên ruộng và nhân rộng diện tích trồng cây sả. Mô hình này đã mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nông dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện. Tuy nhiên, quá trình trồng và phát triển cây sả còn gặp nhiều khó khăn. Bài viết nghiên cứu thực trạng vai trò, khó khăn của mô hình trồng cây sả ở huyện Tân Phú Đông, từ đó đề xuất một số giải pháp tiếp tục phát triển mô hình trồng cây sả ở huyện Tân Phú Đông theo hướng bền vững.

Từ khóa: Tân Phú Đông, hộ nông dân, mô hình trồng cây sả...

1. Đặt vấn đề

Tân Phú Đông là một huyện cù lao ven biển của tỉnh Tiền Giang, thường gặp khó khăn về sản xuất nông nghiệp do hạn hán, xâm nhập mặn, nên việc trồng lúa gặp nhiều trở ngại, năng suất không cao, đời sống người dân gặp khó khăn. Với sự kiên trì, quyết tâm và nỗ lực tìm giải pháp thích hợp cho vùng đất này, chính quyền địa phương đã chọn được hướng đi mới cho nền nông nghiệp địa phương và người dân là chuyển đổi từ trồng cây lúa sang trồng cây sả và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Sả là cây rau màu có tác dụng vừa là cây gia vị, vừa là cây dược liệu, dễ trồng, ít sâu bệnh và có thể phát triển tốt trong điều kiện khí hậu nhiệt đới, giúp nông dân có nguồn thu nhập ổn định. Cây sả chứa hàm lượng tinh dầu lớn, với các hợp chất có giá trị như citral, geraniol và citronellal, được sử dụng trong ngành thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm. Tinh dầu sả còn là nguyên liệu quan trọng trong sản xuất nước hoa và các sản phẩm chăm sóc cá

nhân. Huyện Tân Phú Đông xác định cây sả là cây trồng chủ lực trong mục tiêu phát triển nông nghiệp, thích ứng biến đổi khí hậu và trở thành vùng chuyên canh cây sả lớn nhất tỉnh. Tuy nhiên, trong thời gian qua, thời tiết, giá cả thị trường có nhiều biến động ảnh hưởng đến trồng sả ở huyện. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất giải pháp tiếp tục phát triển mô hình trồng cây sả ở huyện Tân Phú Đông theo hướng bền vững là nhiệm vụ cấp thiết, góp phần nâng cao thu nhập, đời sống của người dân.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng vai trò của mô hình trồng cây sả ở huyện Tân Phú Đông trong thời gian qua

Thứ nhất, mô hình trồng cây sả giải quyết được những vấn đề khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện địa lý, khí hậu, thổ nhưỡng ở huyện Tân Phú Đông.

Trước đây, các xã ở huyện Tân Phú Đông, mỗi năm đều chịu tác động bởi 6 tháng nhiễm mặn, hạn hán gây thiếu nước tưới, nông dân chỉ trồng được 01 vụ lúa/năm, năng suất chỉ đạt 30 - 40 tạ/ha, vào những

(*) Lớp Trung cấp lý luận chính trị A72.

tháng mùa khô ruộng đất không thể trồng trọt được và bị bỏ hoang. Từ khi lãnh đạo huyện chủ trương thực hiện mô hình trồng cây sả, nông dân huyện Tân Phú Đông đã tìm được lối ra hợp lý cho sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với tình hình ngập mặn và điều kiện thổ nhưỡng của huyện. Hàng năm, người nông dân có thể trồng được 02 vụ sả. Sau hơn 10 năm chuyển đổi sang mô hình trồng cây sả, hiện nay toàn huyện có 1.500 ha đất trồng cây sả với sản lượng bình quân 20.000 tấn/năm, tập trung tại các xã như Phú Thạnh, Phú Đông, Phú Tân. Cây sả có đặc tính chịu hạn, chịu mặn tốt, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng ở huyện Tân Phú Đông. Đặc biệt, cây sả dễ trồng, chi phí đầu tư thấp, không kén đất, đảm bảo sự ổn định trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện.

Thứ hai, mô hình trồng cây sả giúp nông dân ở huyện Tân Phú Đông có thu nhập ổn định, đời sống được nâng cao.

Chuyển từ mô hình trồng lúa sang trồng cây sả, hoặc trồng cây sả xen canh với lúa, hoa màu, dừa mang lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất và tiêu thụ. Hiệu quả kinh tế từ trồng cây sả cao gấp 6-10 lần so với trồng lúa, năng suất bình quân đạt từ 15-17 tấn/ha, lợi nhuận khoảng 60-100 triệu đồng/ha. Giá cây sả tùy theo thời điểm, dao động từ vài nghìn đồng/kg đến gần 10.000 đồng/kg. Đặc biệt, trong năm 2024, giá cây sả bất ngờ tăng mạnh lên đến 10.000 đồng/kg, đây là mức giá cao nhất trong 3 năm gần đây. Điều này làm cho nông dân rất phấn khởi, yên tâm sản xuất, nhiều hộ nông dân từng bước thoát khỏi khó khăn, có thu nhập ổn định, xóa đói giảm nghèo, đời sống được nâng cao.

Thứ ba, mô hình trồng cây sả có thị trường tiêu thụ rộng, đầu ra ổn định.

Cây sả ở huyện Tân Phú Đông được chứng nhận VietGAP 7,5 ha và có 2 sản phẩm được chứng nhận OCOP từ 3 sao trở lên như: Tinh dầu sả chanh và tinh dầu sả Thacosa. Mô hình trồng cây sả không chỉ mang lại lợi nhuận cho nông dân, mà còn góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động địa phương. Mặt khác, do phù hợp với

thổ nhưỡng, nên năng suất, chất lượng của cây sả cao, thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng. Thương hiệu “Sả Tân Phú Đông” đã được Cục Sở hữu trí tuệ của Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu tập thể và giao cho Hội Làm vườn huyện Tân Phú Đông quản lý. Những năm gần đây, cây sả đã được bán rộng rãi trên địa bàn tỉnh và các tỉnh, thành trong cả nước, đảm bảo đầu ra ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Thứ tư, mô hình trồng cây sả góp phần nâng cao hiệu quả tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của huyện Tân Phú Đông.

Huyện Tân Phú Đông đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án “Cắt vụ, chuyển đổi mùa vụ và cơ cấu cây trồng trên địa bàn huyện đến năm 2025” và Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”. Hiện nay, cây sả được xem là một trong những cây trồng chủ lực, trở thành nguyên liệu chính cho các doanh nghiệp. Trên địa bàn huyện có 6 hợp tác xã chuyên canh cây sả, 3 tổ hợp tác trồng cây sả ở các xã trọng điểm, cùng với hàng trăm cơ sở thu mua cây sả. Thời gian qua, mạng lưới kinh doanh cây sả thực hiện tốt vai trò thu mua cây sả thương phẩm, tiêu thụ khắp nơi trên thị trường trong và ngoài tỉnh. Hợp tác xã chuyên canh cây sả ở Phú Thạnh và hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Phú Đông đã chuyển giao quy trình canh tác VietGAP trên cây sả cho nông dân theo hướng an toàn sinh học, sản xuất hữu cơ, sản xuất sạch, đảm bảo chất lượng, an toàn nhằm xây dựng thương hiệu, uy tín của cây sả trên thị trường.

2.2. Những khó khăn, hạn chế

Một là, mô hình trồng cây sả còn ở quy mô nhỏ, sức cạnh tranh thấp.

Cây sả ở huyện Tân Phú Đông được trồng với quy mô nhỏ lẻ ở các hộ nông dân, chưa có sự liên kết trong sản xuất, chất lượng cây sả không đồng đều, gây khó khăn trong tiếp cận thị trường, dễ bị thương lái ép giá. Bên cạnh đó, mạng lưới thu mua, tiêu thụ cây sả còn ít, khoảng 20 - 30 cơ sở thu mua với quy mô nhỏ; giá cả cây sả thương phẩm

lên xuống bất thường, lúc cao nhất lên đến 8.000 - 10.000 đồng/kg, nhưng có lúc xuống thấp dưới 3.000 đồng/kg. Hộ nông dân trồng cây sả chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, chưa áp dụng tốt quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chí VietGAP, GlobalGAP, dẫn đến năng suất chưa cao, đầu ra chưa ổn định.

Hai là, mô hình trồng cây sả chưa đảm bảo vấn đề về môi trường, ảnh hưởng đến dinh dưỡng của đất.

Cây sả là được trồng chủ yếu lấy thân để bán, còn một lượng lớn lá của cây sả sau khi thu hoạch chưa có kế hoạch sử dụng, gây lãng phí và ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí. Mặt khác, cây sả là một loại cây có lợi cho đất, nhưng chưa được quản lý đúng cách, không có biện pháp cải tạo đất, làm cạn kiệt dinh dưỡng của đất; bộ rễ của cây sả làm thay đổi cấu trúc đất, khiến đất trở nên rắn chắc hơn, giảm khả năng hấp thụ nước và thông khí.

2.3. Một số giải pháp tiếp tục phát triển mô hình trồng cây sả ở huyện Tân Phú Đông theo hướng bền vững

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện hiệu quả mô hình trồng cây sả, thích ứng với điều kiện khí hậu, đất đai của huyện.

Tình hình biến đổi khí hậu và đặc thù điều kiện thổ nhưỡng đã giúp cây sả trở thành cây chủ lực giúp ổn định kinh tế cho nông dân. Vì vậy, lãnh đạo huyện Tân Phú Đông phải chủ động trong chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng diện tích trồng cây sả để người dân có thu nhập ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Tăng cường tuyên truyền những công dụng, giá trị của cây sả cho người dân, định hướng trồng lâu dài, ổn định đời sống.

Thứ hai, nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ nâng cao giá trị gia tăng của cây sả, đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường.

Cây sả vừa là cây gia vị, vừa là cây thuốc dùng chiết xuất tinh dầu nên cần ứng dụng khoa học - công nghệ để nâng cao chất lượng cây sả, đảm bảo lượng tinh dầu, nâng cao giá trị gia tăng và thương hiệu của cây sả. Hội Nông dân phối hợp với các nhà khoa học, kỹ sư nông nghiệp chủ động định hướng cho nông dân về công tác phòng, chống dịch

bệnh trên cây sả; tổ chức các lớp tập huấn cho nông dân về kỹ thuật trồng và chăm sóc cây sả, quy trình, phương pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm từ cây sả.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã, tổ hợp tác, mở rộng thị trường tiêu thụ, đảm bảo đầu ra ổn định cho nông dân.

Hiện nay, thị trường tiêu thụ cây sả được mở rộng nhưng chưa ổn định, bền vững. Vì vậy, cần nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác, khuyến khích phát triển các cơ sở kinh doanh cây sả, trở thành nơi thu mua chính cho nông dân. Chính quyền huyện Tân Phú Đông tạo điều kiện thúc đẩy liên kết giữa nông dân với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để đảm bảo đầu ra ổn định cho cây sả. Đẩy mạnh xây dựng hình ảnh uy tín, quảng bá thương hiệu “Sả Tân Phú Đông” đến thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế, đảm bảo phát triển bền vững cho nông dân.

Thứ tư, phát triển mô hình trồng cây sả gắn với bảo vệ tài nguyên đất, bảo vệ môi trường.

Cây sả là cây chủ lực góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, nâng cao thu nhập cho người dân Tân Phú Đông nên cần tập trung phát triển các ngành chế biến nông sản đặc biệt là nguồn nguyên liệu từ cây sả. Tuy nhiên, trong quá trình trồng và chế biến sản phẩm từ cây sả cũng gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến độ dinh dưỡng, kết cấu của đất. Vì thế, cần phát triển mô hình trồng sả đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên đất hướng đến sự phát triển bền vững mô hình trồng sả của huyện.

3. Kết luận

Cây sả đã trở thành một trong những cây trồng chủ lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững cho nông dân huyện Tân Phú Đông. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, nông dân đã chủ động chuyển đổi từ mô hình chuyên canh trồng lúa sang trồng cây sả, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình trồng cây sả vẫn còn gặp

một số khó khăn, hạn chế về sản xuất, tiêu thụ, thị trường và vấn đề ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của cây sả. Vì thế, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp

phát triển mô hình trồng cây sả là một nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết nhằm ổn định, nâng cao đời sống cho người dân, phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện bền vững trong thời gian tới.□

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. <https://baoapbac.vn/kinh-te/202210/hop-tac-xa-cay-sa-tan-phu-dong-nang-chat-luong-san-pham-mo-rong-thi-truong-tieu-thu-962280/index.htm>.
2. <https://tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin/?tan-phu-ong-phat-huy-tiem-nang-cay-sa/20790889>.
3. <https://tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin?/-gia-sa-thuong-pham-tang-manh-nong-dan-huyen-tan-phu-ong-phan-khoi/39630595>.

CÁC CẤP ỦY ĐẢNG TIỀN GIANG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN TỐT CHỈ THỊ SỐ 35-CT/TW VỀ ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

TRỊNH TẤN QUÂN*

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; ngày 19/9/2024, Tỉnh ủy Tiền Giang đã ban hành Kế hoạch số 163-KH/TU về thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị; đồng thời tiếp tục ban hành Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 09/10/2024 về tuyên truyền đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng để triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ. Theo kế hoạch, cấp ủy huyện và tương đương, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về nội dung, ý nghĩa của Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; tổ chức tốt các đợt sinh hoạt chính trị góp ý kiến các văn kiện trình Đại hội Đảng các cấp và Đại hội lần thứ XIV của Đảng. Trong công tác tuyên truyền, khánh tiết về Đại hội Đảng các cấp tiến đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng cần thực hiện đúng Quy định số 99-QĐ/TW, ngày 27/02/2023 của Ban Bí thư về cờ Đảng Cộng sản Việt Nam và việc sử dụng cờ Đảng. Rà soát, kiểm tra và thay thế ngay những cờ Đảng không đúng quy định.

(*) Thạc sĩ, Phó phòng tuyên truyền, báo chí xuất bản, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy.



**Đồng chí Nguyễn Văn Danh,
Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu
Quốc hội tỉnh Tiền Giang
chỉ đạo tại Hội nghị trực tuyến
quản triệť Chỉ thị số 35-CT/TW
của Bộ Chính trị**

Thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy ban hành các văn bản hướng dẫn về tuyên truyền chủ đề lớn, trọng tâm từ nay đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; trang trí, khánh tiết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 để triển khai, hướng dẫn thực hiện trong toàn tỉnh; các quy định nghi thức chào cờ trong các lễ kỷ niệm những ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước và địa phương, ngành đúng theo quy định; công tác tuyên truyền; nghiên cứu dư luận xã hội

năm 2025; thực hiện Quy định của Ban Bí thư về cờ Đảng Cộng sản Việt Nam và việc sử dụng cờ Đảng để triển khai, hướng dẫn thực hiện trong toàn tỉnh.

Tuyên truyền sâu rộng, làm cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận thức sâu sắc mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội XIV của Đảng và những quan điểm, chủ trương, định hướng lớn nêu trong các văn kiện đại hội; qua đó tạo sự thống nhất về tư tưởng, nhận thức và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội để tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, quyết tâm đưa Nghị quyết Đại hội nhanh chóng đi vào cuộc sống. Thông qua tuyên truyền, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố, bồi đắp niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng do Đảng khởi xướng, lãnh đạo; cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, tận dụng thời cơ, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, tăng tốc, bứt phá, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết Đại hội XIII, lập thành tích chào mừng Đại hội XIV của Đảng và các ngày lễ lớn của dân tộc trong năm 2025, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng, tạo nhận thức sâu sắc, toàn diện về ý nghĩa, tầm quan trọng của đại hội đảng từng cấp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt tuyên truyền Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị; qua đó, khẳng định dưới sự lãnh đạo của Đảng, cấp ủy các cấp, sự đoàn kết phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các địa phương, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tình hình đất nước, địa phương tiếp tục ổn định và phát triển với nhiều dấu ấn nổi bật: Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản đạt và vượt mục tiêu đề ra; xây dựng Đảng và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp

tục được duy trì và đẩy mạnh, góp phần làm cho Đảng ngày càng vững mạnh, hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, niềm tin của Nhân dân được củng cố, tăng cường; quốc phòng, an ninh được giữ vững, hoạt động đối ngoại tiếp tục được nâng tầm... Khẳng định sau 40 năm đổi mới “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Ngoài ra, các cấp ủy tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị tuyên truyền các bài viết, bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về công tác chuẩn bị đại hội Đảng các cấp qua đó củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Trong đó, về những vấn đề chung, tuyên truyền về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; lý luận và thực tiễn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; 95 năm lịch sử vẻ vang và sự phát triển, lớn mạnh của Đảng qua các kỳ Đại hội; những thành tựu nổi bật và bài học kinh nghiệm về sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện thực tiễn Việt Nam, nhất là những thành tựu vĩ đại sau 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước trên các lĩnh vực; những kết quả từ tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, những phương thức mới, mô hình, nhân tố mới xuất hiện trong thực tiễn tạo nền tảng cho việc tiếp tục nghiên cứu, hoạch định đường lối phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tuyên truyền các chủ đề lớn, trọng tâm: (1) Niềm tin mới, khí thế mới, (2) Cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế đất nước sau 40 năm đổi mới, (3) Thời cơ, thách thức và trách nhiệm lịch sử của Đảng đưa đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới. Tuyên truyền các ngày lễ lớn và các sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước trong năm 2024, 2025, nhất là kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 50 năm Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam... Đẩy mạnh tuyên truyền

về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Phản ánh không khí phấn khởi, tin tưởng vào đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIV của Đảng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; sự quan tâm, ủng hộ của bạn bè quốc tế về sự kiện Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, quyết sách của Việt Nam trong giai đoạn mới. Đấu tranh, phản bác quan điểm, thông tin sai trái, xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước, chống phá công tác chuẩn bị, tổ chức đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIV của Đảng.

Về đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, tuyên truyền ý nghĩa, tầm quan trọng, mục tiêu, nhiệm vụ, bối cảnh địa phương, đất nước diễn ra đại hội đảng bộ các cấp; các dự thảo văn kiện trình đại hội đảng bộ các cấp và việc thảo luận, góp ý vào các dự thảo văn kiện đại hội. Kết quả đạt được, khó khăn, hạn chế, bài học kinh nghiệm sau 5 năm thực hiện Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phản ánh công tác chuẩn bị tổ chức đại hội đảng bộ các cấp, nhất là công tác xây dựng văn kiện và công tác nhân sự đại hội; chú trọng tuyên truyền việc tổ chức đại hội điểm; hoạt động và kết quả đại hội đảng bộ các cấp. Tuyên truyền những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến được vinh danh tại Đại hội Thi đua yêu nước các cấp. Phản ánh ý kiến đóng góp, sự quan tâm, tình cảm, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân hướng về đại hội đảng bộ các cấp. Tuyên truyền các hoạt động chào mừng thành công của đại hội đảng bộ các cấp và công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Về Đại hội XIV của Đảng, tuyên truyền ý nghĩa, tầm quan trọng, chủ đề, phương châm, mục tiêu, nhiệm vụ, bối cảnh, thời điểm của Đại hội XIV của Đảng, tập trung khẳng định và nêu bật tầm vóc, ý nghĩa lịch sử Đại hội XIV của Đảng là một dấu mốc quan trọng trên con đường phát triển của đất nước và dân tộc ta, khởi điểm lịch sử

mới, kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Phân tích, nêu bật những kết quả đạt được; khó khăn, hạn chế; bài học kinh nghiệm sau 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và việc thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2026; những thành tựu lý luận lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam sau 40 năm đổi mới đất nước. Phản ánh công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội XIV của Đảng, nhất là công tác xây dựng Văn kiện đại hội Đại hội XIV của Đảng và công tác nhân sự Đại hội. Tuyên truyền, phân tích, lý giải, làm sâu sắc về mặt lý luận và thực tiễn những nội dung cơ bản, cốt lõi và những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIV. Phân tích sâu sắc ý kiến chỉ đạo về công tác xây dựng văn kiện và công tác nhân sự của đồng chí Tổng Bí thư tại các phiên họp Tiểu ban Văn kiện và Tiểu ban Nhân sự Đại hội XIV của Đảng. Làm rõ trách nhiệm của đại biểu dự Đại hội; các hoạt động của Đại hội; các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng. Phản ánh không khí đoàn kết, dân chủ trong Đại hội; sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận của xã hội. Các hoạt động chào mừng Đại hội XIV của Đảng. Công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng ở các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị. Các phong trào thi đua yêu nước, các chương trình hành động cách mạng của Nhân dân trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua đặc biệt lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp. Qua đó huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, cổ vũ, động viên tập thể, cá nhân khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, xây dựng niềm tin, ý chí quyết tâm, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội trên địa bàn

tỉnh, Chương trình trọng điểm, Nghị quyết chuyên đề, Đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, góp phần hoàn thành toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức các phong trào thi đua và kịp thời phát hiện, biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến là tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai sâu rộng, chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua do UBND tỉnh và cơ quan, đơn vị phát động; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động ở các cấp, các ngành với các nội dung cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, gắn với kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phát hiện, xây dựng, lựa chọn và biểu dương khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua đặc biệt, gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với chủ đề năm 2025 về “Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”.

Về công tác tuyên truyền, định kỳ hàng tháng, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy định hướng nội dung và cung cấp tài liệu tuyên truyền cho các cơ quan báo chí và lực lượng làm công tác tuyên truyền miệng trên địa bàn tỉnh; định hướng các cơ quan báo chí trong tỉnh mở các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề tuyên truyền Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội lần thứ XIV của Đảng. Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, triển lãm về thành tựu kinh tế - xã hội chào mừng Đại hội Đảng các cấp và Đại hội lần thứ XIV của Đảng; triển khai các hoạt động thông tin, cổ

động, tuyên truyền cho đại hội.

Ngoài ra, các cơ quan báo chí trong tỉnh, Trang thông tin điện tử trực thuộc Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy đã tập trung tuyên truyền các kế hoạch, công văn, hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy¹ để triển khai, hướng dẫn thực hiện tốt công tác tuyên truyền trước, trong và sau đại hội đảng các cấp, gắn với thực hiện các phong trào thi đua chào mừng 50 năm Ngày giải phóng tỉnh Tiền Giang (30/4/1975 - 30/4/2025), kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập tỉnh Tiền Giang (24/02/1976 - 24/02/2026). Thông qua công tác tuyên truyền, nhằm tạo động lực để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nỗ lực phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra. Công tác tuyên truyền cần đảm bảo đúng sự lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng của các cấp ủy đảng, với nhiều hình thức phong phú, sinh động, hiệu quả; công tác phối hợp tuyên truyền phải thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với tuyên truyền các ngày kỷ niệm lễ lớn, sự kiện lịch sử của địa phương, đất nước.

Ban Chỉ đạo 35 các cấp đảng tải, chia sẻ các tin, bài viết, phóng sự tuyên truyền về đại hội đảng các cấp lên các trang website, mạng xã hội của đơn vị mình quản lý; vận động, khuyến khích cán bộ, đảng viên, công

(1) Hướng dẫn số 84-HD/BTGTU, ngày 24/12/2024 về tuyên truyền chủ đề lớn, trọng tâm từ nay đến đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Hướng dẫn số 79-HD/BTGTU, ngày 31/10/2024 về trang trí, khánh tiết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 -2030 để triển khai, hướng dẫn thực hiện trong toàn tỉnh; Hướng dẫn số 11-HD/BTGDVTU, ngày 18/02/2025 về các quy định nghi thức chào cờ trong các lễ kỷ niệm những ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước và địa phương, ngành đúng theo quy định; Hướng dẫn số 80-HD/BTGTU, ngày 12/12/2024 về công tác tuyên truyền; nghiên cứu dự luận xã hội năm 2025; Hướng dẫn số 58-HD/BTGTU, ngày 21/6/2023 về thực hiện Quy định của Ban Bí thư về cờ Đảng Cộng sản Việt Nam và việc sử dụng cờ Đảng.

chức, viên chức, người lao động tích cực tuyên truyền, đăng tải, chia sẻ các thông tin liên quan đến đại hội đảng các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030 trên các trang mạng xã hội (facebook, zalo, Youtube, Mocha...); tập trung đấu tranh, phản bác các luận điệu xuyên tạc, thông tin sai trái về Đảng, về tình hình đất nước trước thềm Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và công tác nhân sự Đại hội.

Việc tổ chức học tập, quán triệt tuyên truyền công tác chuẩn bị, tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm của công tác tuyên truyền nhằm giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng của đại hội; những quan điểm, chủ trương, định hướng lớn của Đảng, từ đó góp phần tạo sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội để tổ chức thành công đại hội. Đồng thời, quan tâm việc nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trước, trong và sau khi diễn ra đại hội

đảng bộ các cấp và Đại hội XIV của Đảng để chủ động định hướng dư luận, định hướng công tác tuyên truyền và báo cáo với cấp có thẩm quyền xử lý những vấn đề phức tạp, mới nảy sinh trên địa bàn.

Việc tuyên truyền đậm nét việc triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại năm 2025 và các năm tiếp theo; phản ánh quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở bộ, ngành, địa phương; cổ vũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân phát huy cao độ tinh thần “tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc”, đoàn kết, tin tưởng, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025), tạo tiền đề vững chắc để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm tiếp theo (2026 - 2030), góp phần tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Đại hội XIV của Đảng.□

KHAI THÁC GIÁ TRỊ NHÀ TRUYỀN THỐNG HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG

PHAN NGUYỄN CHÁNH TRUNG*



Học viên nghe thuyết minh tại Nhà truyền thống huyện Gò Công Đông

Nhà truyền thống huyện Gò Công Đông được đầu tư, khánh thành và đưa vào sử dụng (giai đoạn 1) vào đầu năm 2022. Với diện tích 135m², nhà truyền thống huyện trưng bày nhiều hình ảnh, tư liệu, hiện vật về quá trình phát triển của huyện. Đặc biệt, không gian trưng bày hình ảnh Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và các đồng chí lãnh đạo qua các thời kỳ, làm sống lại một giai đoạn cách mạng hào hùng của Đảng bộ và Nhân dân huyện Gò Công Đông. Các dịp lễ tết, nơi đây luôn được mở cửa phục vụ nhu cầu tham quan người dân trong và ngoài huyện.

(*) Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện Gò Công Đông.

Tăng cường sử dụng kết quả nghiên cứu lịch sử Đảng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm theo kết luận Hội nghị sơ kết 05 năm Chỉ thị 20-CT/TW của Ban Bí thư về công tác nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng. Nhà truyền thống huyện có ý nghĩa trong công tác giáo dục lý luận chính trị cho học viên, từ giữa năm 2023, Trung tâm chính trị huyện đã bổ sung nội dung tham quan tìm hiểu Nhà truyền thống huyện vào chương trình giáo dục chuyên đề “Lịch sử Đảng bộ huyện” cho các lớp đào tạo, bồi dưỡng do đơn vị tổ chức. Tính đến cuối năm 2024, Trung tâm chính trị huyện đã tổ chức cho 03 lớp đào tạo sơ cấp chính trị, 02 lớp bồi dưỡng đảng viên mới và 01 lớp bồi dưỡng chuyên đề lịch



*Trường Chính trị
tỉnh Tiền Giang phối hợp
với Ban Tổ chức Tỉnh ủy
tổ chức lớp Bồi dưỡng
nghiệp vụ công tác
tổ chức xây dựng Đảng
năm 2025.*

*Chủ nhiệm, Ban Cán sự lớp
Trung cấp LLCT
hệ không tập trung,
khóa 58 (B58) ra mắt tại
buổi Lễ khai giảng.*



*Lãnh đạo
Học viện Chính trị
khu vực IV, Tỉnh ủy,
UBND, trường chính trị và
học viên
lớp Cao cấp LLCT
hệ không tập trung
K17B1-TG (2023-2025)
chụp ảnh lưu niệm
tại Lễ bế giảng.*



**Đại diện BCH Công đoàn trường
tặng hoa chúc mừng chị em phụ nữ
nhân Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3.**

**Các công trình
của Đoàn Thanh niên
trường chính trị chào mừng
Đại hội Đảng các cấp
nhiệm kỳ 2025 - 2030.**



**Hội thao học viên
Chào mừng Kỷ niệm 50 năm
Ngày giải phóng miền Nam
thống nhất đất nước
(30/4/1975 - 30/4/2025);
139 năm Ngày Quốc tế Lao động
(01/5/1886 - 01/5/2025);
135 năm
Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh
(19/5/1890 - 19/5/2025).**

